



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **MoeRasmi (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **NẮNG HẠ NHÂM DẦN - 2022** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- ♦ **NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM, t.t.** (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 7
- ♦ **QUI ẨN VỚI HOA, MÙA HOA...** (thơ Trần Hoàng Vy), trang 9
- ♦ **NHƯ HUYỄN TRONG TRUNG LUẬN** (Nguyễn Thế Đăng), trang 10
- ♦ **TRONG CỘI VÔ CÙNG** (Nguyễn Siêu), trang 12
- ♦ **NGHE NHƯ** (thơ Thy An), trang 13
- ♦ **ĐI HÁI PHÙ VÂN** (Toại Khanh), trang 14
- ♦ **GIẢI THOÁT TRONG ĐẠO PHẬT** (TN Hằng Như), tr. 15
- ♦ **STORY OF UGGASENA** (Daw Tin), trang 17
- ♦ **KÈ CHÍ HÙNG XUẤT SĨ** (thơ điệu của TK Thích Thiện Duyên), trang 18
- ♦ **CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG, t.t.** (HT. Thích Quảng Độ dịch), trang 19
- ♦ **HỘI THỜ, ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÁNH NIỆM** (Thích Nguyên Tạng), trang 22
- ♦ **ĐÔI DÒNG TÂM SỰ VUI** (thơ Lam Nguyên), trang 24
- ♦ **ẢNH HƯỞNG ĐẠO PHẬT TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ** (Quách Tấn), trang 25
- ♦ **GẦN PHẬT VÀ XA PHẬT** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 27
- ♦ **NIỆM THÂN: NHỚ KHÔNG THẤY BẤT TỊNH** (Nguyễn Giác), trang 28
- ♦ **TÂM CHÁNH NIỆM - Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- ♦ **12 ĐOẠN THƠ ĐẠO MÙA THU** (thơ Diệu Viên), tr. 31
- ♦ **TIẾNG HÚ CỦA THIÊN SƯ KHÔNG LỘ** (Huỳnh Kim Quang), trang 32
- ♦ **CHỈ TIN MỘT NGƯỜI** (Quảng Tánh), trang 34
- ♦ **NGHE, LẮNG NGHE VÀ KHÔNG NGHE** (TK Vĩnh Hữu), tr. 39
- ♦ **PHẬT GIÁO VÀ MÔI TRƯỜNG** (Đồng Thiện), trang 40
- ♦ **MỘT BIỂN KINH** (thơ Đồng Thiện), trang 41
- ♦ **LOẠI BỎ BỆNH LAO TRONG ĐỜI MÌNH** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 42
- ♦ **PHÁP LẠC THẤT** (Huệ Trân), trang 44
- ♦ **VỀ** (thơ Vỹ Tuấn), trang 47
- ♦ **SU SU XÀO CHAY** (Hồng Hương), trang 48
- ♦ **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 49
- ♦ **ĐIỀU DỊU TRĂNG THU** (Tịnh Bình), trang 51
- ♦ **CHIẾC ÁO KỶ DIỆU** (TN Như Thủy), trang 52
- ♦ **CON MUỖI** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 53
- ♦ **CHÙA BÁT NHÃ TỔ CHỨC ĐẠI LỄ VU LAN 2022** (Thanh Huy), trang 54
- ♦ **THIÊN CỦA PETER COYOTE** (Tiểu Lục Thần Phong dịch), trang 56
- ♦ **ỪNG VÔ SỞ TRỤ NHI SANH KỶ TÂM** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 60
- ♦ **NGŨ THOÁT - chương 14, t.t.** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- ♦ **THỌ TRÌ BA GIỚI** (Truyện cổ Phật giáo), trang 65



Báo Chánh Pháp số 130, tháng 09 năm 2022, do Chùa Quang Thiên (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

TRĂNG THU

Mặt trời khi xuất hiện là rạng rỡ, bùng sáng, dứt khoát xóa tan bóng tối để chiếm lĩnh cả không gian của thiên địa cần khôn.

Mặt trăng thì không như vậy. Sự xuất hiện của trăng là sự xuất hiện từ từ, nhẹ nhàng, dịu dàng, êm đềm... và dù có những lúc được xem là sáng vắng vặc, thì vẫn cứ giữ cho đêm vẫn là đêm, buổi tối vẫn là buổi tối. Trăng không đánh phá, hủy diệt bóng tối, mà luôn làm hòa với bóng tối. Trăng làm cho đêm được sáng lên bằng ánh sáng huyền diệu, trang nghiêm, lặng lẽ.

Trong khi bóng tối nghìn năm ngập phủ với tham lam, thù hận, si mê, con người càng lúc càng nhiều cơ tâm, man trá, ích kỷ; chỉ nghĩ đến lợi ích riêng của mình hay gia đình, bè phái của mình, không quan tâm đến đời sống của ai. Vậy mà vẫn có nhiều người thích sống trong bóng tối, thích gần gũi, ngại ca kẻ xấu và điều ác; là bởi cái mầm xấu-ác ở trong họ tương thích với bóng tối tham, sân, si kia. Khi điều xấu-ác, bắt thiện được xuê xoa chấp nhận và xem là lẽ thường trong đời sống thì cõi này đã sa đọa đến tận cùng của sự thấp kém đạo đức, văn hóa.

Tục ngữ có câu "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng." Lý này xưa nay rất đúng trong nhiều trường hợp, được ông bà, cha mẹ dùng để răn dạy con cháu trong nhà, và thầy cô giáo dạy học sinh ở trường. Tránh chơi với bạn xấu, bạn ác, bạn ngu dốt; nên tìm chơi với bạn ngoan hiền, thiện lương, học giỏi. Nhưng thực tế ngày nay cho thấy không ít những nhà trí thức, có danh bằng học vị, cho đến những nhà lãnh đạo chính trị, tôn giáo... lại thường có khuynh hướng hòa theo, phù trợ những kẻ xấu-ác, đánh mất lương tri, che mờ lý trí, quên bằng lý tưởng cao xa của mình là cống hiến tài năng làm đẹp cuộc đời. Nhựa bầy đom đóm sau giấc ngủ miên đông, ồn ào trời dậy, túa nhau bay khắp nẻo những đêm đầu hạ. Nhìn sự phát quang lập lòe của chúng trong đêm tối như mực thì thấy đẹp kỳ diệu, nhưng thực ra thì ánh sáng sinh học từ thân của chúng rất độc hại, chính là vũ khí tự vệ để khỏi bị ăn thịt bởi loài côn trùng khác. Sinh sôi tràn lan trên cây lá và rơm rạ ủ mục, chúng rầm rộ kéo nhau bay về hướng bóng tối, và chỉ sinh hoạt trong bóng tối. Bầy đàn đom đóm bắt nháo, chỉ biết hăm hờ kiếm mồi, tấn công, ăn thịt những loài sâu bọ, ốc, sên... Ra nông nổi như thế là do vì bám chặt vị ngã ngũ sâu trong tâm thức được đánh thức đúng lúc bóng tối vô minh phủ xuống. Tối tìm đến tối. Vô minh tìm đến vô minh. Người u mê chỉ muốn gần mực.

Trong khi đó, ánh trăng vẫn lặng lẽ, dịu dàng như muôn thuở nào. Trăng có tròn, có khuyết, nhưng muôn đời vẫn vậy, không thêm không bớt (1). Hành giả đi vào cuộc đời như vầng trăng khi ẩn khi hiện, đi trong ngày, đi trong đêm, không nơi nào lúc nào mà chẳng đến. Thông dong tự tại đi vào trần gian điên đảo mà lúc nào cũng tự tỏa sáng. Ánh sáng tự thân không mất thì ngại gì dẫn thân vào những nơi mê vọng tối tăm! Ai cũng tìm đèn tránh mực thì những người u mê đến khi nào mới được thắp sáng? Ta không vào địa ngục thì ai vào! (2)

Có vầng trăng lừng lững đầu núi. Ánh trăng tưởng chừng như dòng suối mát, chảy dài từ đỉnh núi xuống đồng hoang, loang trong đêm vô tận. Kỳ thực có khi nào trăng không tỏa sáng. Trong khi trần gian say ngủ, đầu óc vẫn có người cùng thức với trăng tròn mùa thu.

- 1) "Nước chảy thế kia mà chưa từng đi bao giờ, mặt trăng khi tròn khi khuyết như vậy mà chưa thêm bớt bao giờ. Bởi vì ta tự ở nơi biến đổi mà xem ra thì cuộc đời đất cũng chỉ ở trong một cái chớp mắt, mà nếu tự ở nơi không biến đổi mà ra thì muôn vật cùng với ta, đều không bao giờ hết cả; cần gì phải khen đâu! Và lại ở trong trời đất, vật nào có chủ ấy, nếu không phải là của ta thì dầu một li ta cũng không lấy. Chỉ có ngọn gió mát ở trên sông, cùng vầng trăng sáng ở trong núi, tại ta nghe nên tiếng, mắt ta trông nên vẻ, lấy không ai cấm, dùng không bao giờ hết, đó là kho vô tận của Tạo hóa mà là cái vui chung của bác với tôi." (Tô Đông Pha, Tiền Xích Bích Phú, Phan Kế Bính dịch - trích từ tác phẩm Tô Đông Pha, chương 7: Đông Pha cư sĩ và thanh phong minh nguyệt, biên khảo của Nguyễn Hiến Lê)
- 2) Đây là lý tưởng dẫn thân nhập thế qua biểu tượng Bồ-tát Địa Tạng, với lời nguyện rộng: "Địa ngục chưa trống không, thế không thành Phật; chúng sinh độ hết mới chứng quả vị Bồ-đề."

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Lễ hội Obon Phật giáo trở lại Nam California sau đại dịch COVID

Santa Maria, CA - Sau 2 năm bị hủy bỏ do đại dịch COVID-19, các thành viên của Giáo hội Phật giáo Guadalupe đã tổ chức Lễ hội Obon hàng năm tại Trung tâm Văn hóa Tưởng niệm Cựu chiến binh ở thành phố Santa Maria vào ngày 31-7-2022.

Sự kiện này có phần đánh trống, múa, võ thuật và các nghệ thủ công truyền thống lấy từ di sản người Mỹ gốc Nhật Bản của cộng đồng. Lễ hội Obon đã được tổ chức tại địa phương trong 75 năm.

Theo truyền thống, Obon (Lễ hội Ma) là một ngày lễ Phật giáo được tổ chức khắp Đông Á vào ngày rằm tháng 7 âm lịch, mặc dù thời gian tổ chức lễ hội ở địa phương có thể khác nhau. Đối với Phật tử Nhật Bản lễ hội này thường kéo dài 3 ngày.

Nguồn gốc của lễ hội bắt nguồn từ thế kỷ thứ 5 hoặc thứ 6 ở Trung Hoa, nơi nó được gọi là Lễ Vu Lan.

Ở Nhật Bản, lễ này đã được tổ chức trong hơn 500 năm. Lễ Obon đã trở nên phổ biến khắp đất nước và là thời điểm mọi người trở về nhà của gia đình để làm lễ, thăm mộ tổ tiên và tôn vinh người thân.

Lễ hội Obon đến California, Hoa Kỳ vào thế kỷ 19 với làn sóng đầu tiên của những người Nhật Bản nhập cư vào lục địa này.

(Buddhistdoor Gopal - August 4, 2022)



Hình ảnh Lễ hội Obon hàng năm tại Trung tâm Văn hóa Tưởng niệm Cựu chiến binh ở thành phố Santa Maria, Hoa Kỳ
Photos:
santamariatimes.com



HOA KỲ: Hội Khyentse vinh danh dịch giả Phật giáo Erik Pema Kunsang với Học bổng Khyentse 2022

Hội Khyentse, một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập bởi Lạt ma, nhà làm phim và tác giả nổi tiếng người Bhutan, Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche, đã thông báo rằng họ đã trao tặng Học bổng Khyentse Foundation năm nay cho giảng viên Đạo Pháp và dịch giả đáng kính Erik Pema Kunsang.

Erik Hein Schmidt Kunsang sinh tại Đan Mạch, là một giảng viên Đạo Pháp nổi tiếng và là một dịch giả xuất sắc của các văn bản Mật thừa và các chỉ dẫn cốt lõi của các dòng truyền thừa Kagyu và Nyingma của Phật giáo Tây Tạng. Ông đã dịch hơn 50 tập văn bản và giáo lý truyền khẩu Tây Tạng. Ngoài ra, Kunsang đã từng là trợ lý và phiên dịch cho Tulku Urgyen Rinpoche và các con

tra của ngài kể từ cuối thập niên 1970, và có công trong việc tạo điều kiện cho một số đạo sư đáng kính đến giảng dạy ở phương Tây.

Học bổng Khyentse Foundation là vinh dự cao nhất trong số 4 giải thưởng hàng năm của Hội này dành cho các cá nhân nhằm ghi nhận thành tích xuất sắc trong nghiên cứu Phật học.

(NewsNow - August 9, 2022)



Dịch giả Phật giáo Erik Pema Kunsang—Photo: NewsNow

ẤN ĐỘ: Kỳ thi Geshema dành cho Ni giới Phật giáo Tây Tạng bắt đầu ở Dharamsala

Dự án Nữ tu Tây Tạng (TNP), một tổ chức từ thiện được đăng ký tại Hoa Kỳ có trụ sở tại Seattle và tại Quận Kangra của Himachal Pradesh, Ấn Độ, đã thông báo bắt đầu các kỳ thi geshema năm 2022 vào đầu tháng 8-2022 này tại Dharamsala, miền bắc Ấn Độ.

Văn bằng geshema là học vị cao nhất trong truyền thống Gelugpa và chỉ mới được cung cấp cho chư ni Phật giáo gần đây. Giống với văn bằng geshe dành cho chư tăng, nỗ lực đương với bằng Tiến sĩ trong nghiên cứu Phật giáo.

Các kỳ thi geshema nghiêm ngặt này phải mất 4 năm để hoàn thành, với một kỳ được tổ chức mỗi năm. Cho đến nay, 44 nữ tu Phật giáo Tây Tạng đã nhận được bằng geshema. Vì đại dịch COVID-19, các kỳ thi geshema đã bị hủy bỏ vào năm 2020 và 2021.

Các ni cô được yêu cầu làm bài kiểm tra viết và thi vấn đáp

dưới hình thức tranh luận truyền thống của Phật giáo Tây Tạng. Các cuộc tranh luận kéo dài 4 giờ vào buổi sáng (8 am đến 12 pm) và 4 giờ vào buổi chiều (2 pm đến 6 pm). Các ni cô rút thăm những tờ giấy liệt kê 3 đề tài từ một chủ đề cụ thể. Mỗi ni cô phải chọn một trong 3 phương án và tranh luận về điều đó. Chư ni được dành 15 phút cho mỗi cuộc tranh luận.

(Buddhistdoor Global - August 12, 2022)



Chư ni học tập trong tháng cuối cùng để chuẩn bị cho các kỳ thi geshema 2022 —Photo: TNP

HÀN QUỐC: Tông phái Phật giáo Jogye bầu chọn chương môn mới trong cuộc bầu cử công khai

Seoul, Hàn Quốc - Một người đứng đầu mới của Giáo phái Jogye, giáo phái Phật giáo lớn nhất Hàn Quốc, đã được bầu trong một cuộc bầu cử công khai diễn ra vào ngày 11-8-2022.

Theo các nguồn tin từ cộng đồng tôn giáo, Hòa thượng Jinwoo là ứng cử viên duy nhất cho vị trí chủ tịch thứ 37 của Dòng Jogye và đã được bầu chọn mà không có sự đối lập.

Do đó, cuộc bầu cử dự kiến tại Hội đồng Trung tâm của Tông phái vào ngày 1- 9 sẽ không được tổ chức.

Cuộc bầu cử của Hòa thượng Jinwoo sẽ được hoàn tất sau khi giáo phái này đánh giá tư cách của ông, dự kiến vào ngày 18-8 tới.

Nếu vượt qua cuộc kiểm tra nội trên, Hòa thượng Jinwoo sẽ bắt đầu nhiệm kỳ 4 năm của mình vào ngày 28-9, kế nhiệm vị trí Wonhaeng, Giám đốc điều hành hiện tại.

Đây là lần đầu tiên giáo phái Jogye bầu ra người đứng đầu của mình thông qua một cuộc bầu cử công khai cho một ứng cử viên duy nhất. Hệ thống này đã được bản pháp thống qua vào năm 2019.

(Yonhap - August 11, 2022)



Hòa thượng Jinwoo, người được bầu làm giám đốc điều hành thứ 37 của Tông phái Jogye
Photo: Yonhap

BA LAN: Tổ chức Phật giáo Từ Tế chia sẻ lòng từ bi với 3,000 người Ukraine tị nạn ở Ba Lan

Tiếp tục đối phó với cuộc khủng hoảng người tị nạn đang diễn ra do Nga xâm lược Ukraine, tổ chức từ thiện và nhân đạo Phật giáo Từ Tế có trụ sở tại Đài Loan gần đây đã phân phát thẻ tiền mặt cho những người tị nạn đang được tạm trú ở Quận Opole của Ba Lan.

Radosław Atlas, đại diện của Từ Tế tại Ba Lan giải thích rằng những người tị nạn sẽ có thể sử dụng thẻ quà tặng của hội này theo nhiều cách khác nhau: "Chúng có thể được sử dụng tại tất cả các cửa hàng bán lẻ chấp nhận thẻ tín dụng Mastercard và Visa. Chúng cũng có thể được sử dụng để rút tiền mặt từ các máy ATM".

Các thẻ tiền mặt trước đó của Từ Tế trị giá tổng cộng 2.5 triệu zloty Ba Lan (541,000 USD) cho 1,300 người. Nhân dịp này, Từ Tế đã phân phát 3,000 thẻ tiền mặt, mỗi thẻ trị giá 1,000 zloty (216 USD) cho những người tị nạn từ Ukraine đang cư trú trên 15 khu tự quản ở thành phố Opole.

"Với sứ mệnh chung của chúng tôi là phục vụ nhân loại và truyền cảm hứng cho những người khác, chúng tôi tin tưởng mối quan hệ hợp tác liên tôn giáo này sẽ hỗ trợ những người tị nạn cả về nhu cầu vật chất và hỗ trợ tinh thần," Po-Wen Yen, Giám đốc điều hành Hội từ thiện Phật giáo Từ Tế phát biểu. "Sức mạnh của một người

có thể là nhỏ, nhưng cùng nhau, chúng ta có thể chuyển được núi".

(NewsNow - August 9, 2022)



Các thành viên Hội Từ Tế và giới chức địa phương trong lễ phân phối cứu trợ tài chính tại Opole, Ba Lan
Photo: poland.postsen.comx



Thẻ quà tặng và thẻ tiền mặt dành cho người tị nạn từ Ukraine



Photos: Buddhist Tzu Chi Foundation

HOA KỲ: Hội Giáo pháp Nguyên thủy Iowa tổ chức lễ kỷ niệm một năm hoàn thành pho tượng Phật lớn

Chủ nhật ngày 7-8-2022, chùa Hội Giáo pháp Nguyên thủy Iowa đã tổ chức lễ kỷ niệm một năm kể từ khi hoàn thành bức tượng Phật khổng lồ cao 18 feet và rộng 12 feet vuông, và có khoảng 1,000 người đến từ khắp nơi trên đất nước tham dự.

Các lễ hội trong ngày Chủ nhật này được bắt đầu bằng một buổi lễ tôn giáo vào buổi sáng, và sau đó là phần trình diễn của các ca sĩ và vũ công đại diện cho các nhóm dân tộc khác nhau trong xã hội.

Là một ngôi chùa Phật giáo ở

Marshalltown, Hội Giáo pháp Nguyên thủy đã hoàn thành một trong những pho tượng Phật lớn nhất ở Hoa Kỳ vào tháng 8-2021. Năm ngoái chùa đã tổ chức lễ mừng pho tượng này và tổ chức một sự kiện khác để cầu nguyện, hòa mình và ghi nhớ công đức làm tượng. Du khách từ khắp nơi trên đất nước Hoa Kỳ đã đến tham dự lễ kỷ niệm, bao gồm 45 nhà sư Phật giáo từ gần 50 tiểu bang.

(Times-Republican - August 9, 2022)



Pho tượng Phật khổng lồ cao 18 feet, rộng 12 feet vuông tại chùa Hội Giáo pháp Nguyên thủy Iowa

Photos: Times-Republican

CAM BỐT: Chùa chiền là chìa khóa cho sức sống văn học Khmer

Một nhà nghiên cứu đã tiến hành một cuộc nghiên cứu về vai trò của các tu viện Phật giáo trong xã hội Cam Bốt. Và ông phát hiện ra rằng chùa chiền vẫn là nơi học tập và nghiên cứu học thuật - nơi mà nghiên cứu các môn học như văn học, toán học và nghệ thuật theo truyền thống đã được nâng cao.

Nghiên cứu này được thực hiện bởi Hem Lach, cán bộ nghiên cứu tại Học viện Hoàng gia Cam Bốt, người đã viết về vai trò của các ngôi chùa. Nghiên cứu của ông tập trung vào sự thực hành việc gửi trẻ em trong độ tuổi đi học đến chùa cho chư tăng ni dạy - là điều từng phổ biến ở Vương quốc này. Điều này tạo ra một vòng tròn đạo đức, trong đó một số trẻ em tự trở thành tăng ni vì lòng biết ơn đối với cha mẹ và đối với các tu sĩ giảng dạy đã tạo cho các em cơ hội và phương tiện để học tập.

"Ngày nay, mặc dù đất nước đã bước vào thời hiện đại, nhưng rất nhiều trường học vẫn tọa lạc trong các chùa, điều đó có nghĩa là giáo dục ở đây gắn liền với Phật giáo", ông Lach nói.

Ông cũng đề cập trong các bài viết của mình rằng nếu không có chùa chiền thì văn học Khmer lẽ ra đã biến mất trong thời kỳ biến động dữ dội của Cam Bốt, đó là lý do tại sao chùa được xem là "những nơi bảo vệ một nền văn hóa văn học vốn có thể được bảo tồn khỏi bị phá hủy và sau đó được đưa vào lại cuộc sống bình thường của Cam Bốt".

(phnompenhpost.com - August 16, 2022)



Các tiểu tăng tu học tại chùa Sirisakor Daun Steng ở tỉnh Prey Veng, Cam Bốt

Photo: FB

BHUTAN: Dự án 'Phật giáo vì thiên nhiên' để giải quyết nạn buôn bán động vật hoang dã

Vào ngày 19-8-2022 tại Kuenselphodrang ở thủ đô Thimphu, Hiệp hội Sinh thái Bhutan đã khởi động một dự án có tên là 'Phật giáo vì thiên nhiên' trong nỗ lực nhằm giảm nhu cầu buôn bán động vật hoang dã.

Sáng kiến này được hỗ trợ bởi Liên đoàn Phật giáo Quốc tế, Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên và Đa dạng Sinh học Quốc tế NABU, và Quỹ Buddh Jyoti.

Dự án là một thành phần của nỗ lực nâng cao nhận thức rộng rãi ở các quốc gia Đông Nam Á.

Mông Cổ và Việt Nam cũng sẽ tiến hành chương trình này.

Dự án 'Phật giáo vì thiên nhiên' dự định kết nối mọi người với các giá trị cốt lõi của Phật giáo như lòng từ bi đối với tất cả chúng sinh, trách nhiệm phổ quát, sự phụ thuộc lẫn nhau và những thay đổi hành vi liên quan đến việc sử dụng động vật hoang dã làm thực phẩm và làm thuốc, cùng những giá trị khác.

Thư ký về Môi trường và Bảo tồn của Liên đoàn Phật giáo Quốc tế, Tiến sĩ Barbara Mass nói, "Cách đây hơn 2,500 năm Đức Phật đã dạy về mối liên kết không thể tách rời của

phúc lợi của con người, động vật, thực vật và môi trường chung của họ", và rằng đã đến lúc để áp dụng thông điệp của Đức Phật về trí tuệ và lòng từ bi đối với tất cả mọi người.

(KUENSEL - August 20, 2022)



Buổi khởi động dự án có tên là 'Phật giáo vì thiên nhiên' của Hiệp hội Sinh thái Bhutan

Photo: KUENSEL

ẤN ĐỘ: Cơ hội cho ngành du lịch Phật giáo ở thành phố Vizag (Visakhapatnam)

Visakhapatnam, Andhra Pradesh - Ngày 17-8-2022, Tiến sĩ Santara Datuk Seri, Thứ trưởng Du lịch, Nghệ thuật và Văn hóa Malaysia phát biểu với báo giới tại Vizag rằng thành phố này có cơ hội lớn để phát triển du lịch Phật giáo.

Những khách du lịch có sở thích như vậy sẽ đến từ Mã Lai, Việt Nam, Trung Quốc, Tân Gia Ba, Nhật Bản và Thái Lan để thăm các di tích Phật giáo cổ ở đây, ông nói.

Thứ trưởng Santara cho biết phái đoàn của ông đã giao lưu với các cơ quan du lịch, chủ khách sạn và doanh nhân địa phương và đến thăm các di tích Phật giáo 2000 năm tuổi của thành phố cảng Vizag tại Thotlakonda và Ross Hills trong khu vực cảng.

"Vizag tương tự như thành phố Malacca ở Malaysia. Chúng tôi sẽ ngồi lại với Thủ hiến Jagan Reddy và thảo luận về các khả năng hợp tác song phương trong các dự án du lịch," ông Santara nói.

(Deccan Chronicle - August 18, 2022)

Khu phức hợp Phật giáo Thotlakonda ở Visakhapatnam ở Andhra Pradesh, Ấn Độ

Photo: Wikipedia



NẮNG HẠ NHÂM DẦN – 2022

Năm nay chương khí rất lạ kỳ,
Tháng Bảy vừa về nóng quá đi,
Cây cỏ im lìm gục đầu xuống,
Bông hoa tàn lụi héo như ri!

Gió chẳng lay cành, gió đi đâu?
Toàn vườn hoa lá đã úa màu,
Nước vừa tưới xuống liền khô mát,
Đứng ngắm vườn cây thấy thảm sầu...

Một nỗi chính quyền vừa nghiêm cấm,
Ba ngày mới tưới được một lần,
Không tuân chỉ thị đều bị phạt,
Tính tới tính tới thật khổ thân...

Rạng đông nhiệt độ trăm lẻ ba,
Cao niên lớn tuổi chỉ ngồi nhà,
Ngồi nhìn khí nóng từng giây phút,
Chiều đến lên dân trăm mười ba.

Báo động toàn cầu còn nóng nữa,
Chính quyền khuyến nhủ cố giữ thân,
Tuổi già sức yếu nên cẩn thận...
Xin đừng câu thả lụy cái thân...

Ai gây nắng hạ nóng thế này?
Khí hậu toàn cầu đang bủa vây,
Thế giới bậc khoa học lo lắng,
Cân bằng sao được... cái họa này?

Nắng hạ nóng bừng do khí hậu,
Các nhà khoa học càng khổ thân,
Ngày đêm nghiên cứu lo phương kế,
Những nhà chính trị lại phân tranh.

Hậu quả do nhân gây tất cả,
Để rồi kết cuộc gánh vào thân,
Đừng tranh phải trái, đừng lý luận,
Cố luyện cho tâm cái nhân lành.

Bồ tát sợ nhân hơn sợ quả,
Chúng sanh sợ quả, chẳng sợ nhân,
Học tu thì đừng gây nhân xấu,
Có thể mới mong hưởng quả lành...



Hòa thượng Viện chủ
Ba tháng mùa Hè, Một ngày Hai lần

Hòa thượng Viện chủ tưới cây cảnh mùa hè

Để kết thúc bài thơ nắng hạ,
Người xưa đã viết: Chúng ta nghe,
Nhà thơ Dương Bá Trạc đã tả:
“Cái nắng nung người, nóng nóng ghê...”

ĐIỀU NGŨ TỬ TÍN NGHĨA
Nhâm Dần quý hạ - July 21st, 2022

NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM

Nguyên tác Hán văn: **Kha Diệu Kỳ**

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo)

PHẦN III: CHUNG TỬ CĂN THÂN CỦA CHỦ QUAN

Tiết mục trước bàn đến khí thể gian biến hiện bên ngoài của Thức A Lai Da, còn tiết mục này thảo luận chung tử căn thân biến hiện bên trong của Thức Dị Thục. *"Các chủng tử đây gọi là Thức Dị Thục, là chỗ bảo trì tất cả chủng tử các pháp hữu lậu, tánh của Thức này là thâm nhiếp, cho nên gọi là sở duyên."* (Chú thích 21).

Chủng tử sở duyên là chỉ cho chủng tử các pháp hữu lậu trong tám Thức, chúng nó và tám Thức đồng một thứ, đều là tánh vô ký, cho nên làm sở duyên của tám Thức. Cả đến chủng tử vô lậu chỉ vị tánh thiện, cho nên không phải chỗ duyên của tám Thức, nguyên vì chúng nó cùng tám Thức không là nhau, giống như cùng một thứ với tánh Chân Như, chúng nó cũng không phải là chỗ hàm chứa Thức hữu lậu, chỉ cần chủng tử hữu lậu hoại diệt thì chủng tử vô lậu liền hiện ra ngay, cho nên đạo lý này thì không trái với Duy Thức.

"Có Căn Thân đây: nghĩa là Thức Dị Thục và chủng tử Bất Cộng Tướng [không tướng chung], vì năng lực đã thành thục, cho nên biến hiện như Sắc Căn và Căn Y Xứ, tức là Đại Chủng và chỗ tạo ra Sắc."

Sự sai biệt của Có Căn Thân và Xứ là ở nơi có Căn Thân do chủng tử Bất Cộng Tướng ở bên trong Đại Chủng biến hiện; còn ở nơi Xứ là do chủng tử Cộng Tướng chọn lấy nơi Đại Chủng bên ngoài. Sắc Căn tức là Tịnh Sắc Căn (Thần kinh cảm giác), Còn Căn Y Xứ tức là Phù Trần Căn (Nhãn Thần [tròng đen con mắt], Nhĩ Đóa [Vành tai], Tay Chân, v.v...).

Phù Trần Căn cũng có chủng tử Cộng Tướng thành thục biến hiện. Cho nên đối với thân thể riêng biệt của con người cũng có thể Cộng Biến. Giả sử căn thân riêng biệt của con người cùng với tự mình không có quan hệ thì làm sao có thể mượn Nhân Tính riêng biệt của người khác thay ta xem họ và tin tưởng, Nhĩ Đóa của họ thay ta nghe điện thoại, Tay của họ thay ta viết chữ, v.v...? Có thể thấy được năm giác quan riêng biệt của con người là có một bộ phận cũng có chúng ta chung nhau biến hiện vậy.

"Thức hữu lậu biến hiện sơ lược có hai loại: một là tùy theo thể lực của nhân duyên mà biến

hiện; hai là tùy theo thể lực của phân biệt mà biến hiện." (Chú thích 22).

Chỗ gọi là Nhân Duyên Sanh, tức là do nghiệp chủng và thật chủng tử Danh Ngôn đời trước, do lực lượng tiềm năng thúc đẩy, do Tâm đảm nhiệm vận hành, không phải do Tác Ý, Tâm ấy liền sanh. Nghĩa là năm Thức trước và Thức thứ tám, Tùy theo Nhân Dị Thục Tăng Thượng Duyên của chúng tạo thành duyên, do Chủng Tử Danh Ngôn đích thân tạo thành nhân, cùng nhau biến hiện thành cảnh giới. Thí dụ như, quá khứ đã khái niệm thành thạo đặc tánh của hoa cỏ cây cối, hiện tại mỗi khi nhìn thấy loài hoa đã từng thành thạo, mặc dù chưa trải qua Tác ý phân biệt, liền biết ngay đặc tánh hình trạng của nó. Nếu như người khác chưa có sẵn chủng tử Danh Ngôn thì mặc dù cùng nhau đều thấy, nhưng tất nhiên không biết được đặc tánh của nó và muốn biết nó phải trải qua Tác Ý phân biệt.

Chỗ gọi là Thể Lực Phân Biệt, là sanh tâm tác ý. Tức là Thức thứ sáu và Thức thứ bảy tùy theo sự phân biệt tính toán của mình sản sanh lý giải. Tùy theo thể lực nhân duyên nơi biến, tất nhiên có thật thể để sử dụng. Tùy theo thể lực phân biệt nơi biến, chỉ có thể làm cảnh, mà không nhất định có thể sử dụng. Nói ngược lại, những sự vật của phân biệt tính toán để sanh cảm giác, không phân đen trắng, như người sinh hoạt trong vọng tưởng.

Khi đến ngôi vị vô lậu, nó thì tương ứng với Thắng Huệ, mặc dù là trí vô phân biệt, nhưng mà Tâm của nó lắng trong giống như một thứ nước trong suốt, bình thời đều không có thứ gì tác dụng cả, chỉ có thể Tâm kia hiện lên hình ảnh để sản sanh tác dụng. Nếu như bảo không phải thế thì các đức Phật cũng không nên có trí tuệ phổ biến.

Nói chung lại, Thức Dị Thục của ngôi vị hữu lậu thường duyên khí giới, căn thân và chủng tử hữu lậu của Dục giới và của Sắc giới. Còn ở nơi Vô sắc giới thì chỉ duyên chủng tử hữu lậu, nguyên vì không có nghiệp quả của Sắc, nhưng chỉ có Định Quả của Sắc.

Cho đến Thắng Nghĩa Căn, chủng tử khá vi tế và Tướng vi tế của chúng, cùng với chỗ chấp trước số lượng khí thể gian rộng lớn bên ngoài thì khó trải nghiệm được, khó có thể biết rõ, cho nên gọi chúng nó là không thể hiểu biết. Đã không thể hiểu biết thì làm thế nào hiểu rõ sự tồn tại của chúng nó? Nguyên nhân trong Diệt Tận Định dĩ nhiên vẫn



HT Thắng Hoan

có Thức chấp trì căn thân khiến không cho hư hoại. Chúng ta cần phải nhận xét tin tưởng tánh của Thức, sự tồn tại của chúng tử, chỉ là kẻ phàm phu tâm niệm thô cạn, không có pháp để đạt đến mà thôi.

CHƯƠNG V: SỰ QUAN HỆ CỦA THỨC A LẠI DA VÀ TÂM SỞ

"Thức này cùng tương ứng với bao nhiêu Tâm Sở? Thường tương ứng cùng với Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư. Thức A Lại Da từ vô thị đến nay chưa có chuyển biến thì vẫn ở trong tất cả ngôi vị, luôn luôn cùng tương ứng với năm Tâm Sở này; vì thế năm Tâm Sở Biến Hành luôn luôn quan hệ." (Chú thích 23).

Thức A Lại Da cùng những Tâm Sở đó phát sanh quan hệ như thế nào? Chính là thường cùng với Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư, năm Tâm Sở Biến Hành tương ứng (cùng nhau sanh khởi). Từ vô thị đến nay cho đến khi chưa chuyển thành trí Đại Viên Cảnh, không luận ở địa vị Nhị Thừa hoặc Phàm Phu, vĩnh viễn vẫn cùng tương ứng với năm Tâm Sở này.

Sau đây trước hết giải thích thể tánh và sự tác dụng của năm Tâm Sở Biến Hành:

1. Xúc: *"Nghĩa là ba hòa hợp: phân biệt biến dị, khiến Tâm và Tâm Sở tiếp xúc nơi cảnh làm tánh, Thọ, Tưởng, Tư, v.v... chỗ nương tựa làm nghiệp"* (Thành Duy Thức Luận, quyển 3). Ba hòa hợp, chính là Căn, Cảnh và Thức không chống trái nhau và lại giao thiệp với nhau. Nếu như Cảnh và Căn cùng sanh khởi mà Thức thì không sanh khởi, gọi là không hòa hợp nhau, nghĩa là ở đây chỉ có Căn và Cảnh hòa hợp mà Thức thì không hòa hợp, không cùng sanh khởi tác dụng hiểu biết. Cho nên chỉ căn Căn, Cảnh và Thức không chống trái nhau đây thôi. Lại nữa, giả như Nhĩ Căn, Nhãn Thức, Hương Cảnh ba pháp đều hòa hợp thì cũng không thể gọi là ba hòa hợp. Tất nhiên phải có Nhãn Căn, Nhãn Thức và Sắc Cảnh ba pháp đây đồng loại cùng nhau tùy thuận sanh khởi, mới gọi là ba hòa hợp. Căn có thể làm chỗ nương tựa, Cảnh có thể làm chỗ tiếp nhận, Thức là do hai pháp Căn và Cảnh làm chỗ phát sanh hiểu biết, có thể nương nơi Căn, có thể nương nơi Cảnh giao tiếp như thế gọi là ba thể hòa hợp.

Xúc làm gì mà gọi là ba hòa hợp? Đây có hai nghĩa: một là nương nơi kia sanh ra, nghĩa là Căn, Cảnh, Thức ba loại hòa hợp sanh ra Xúc hoặc Xúc là căn cứ nơi ba hòa hợp mà đặt tên Xúc; hai là khiến kia hòa hợp, nghĩa là Xúc có thể khiến Căn, Cảnh, Thức ba pháp hòa hợp, do nương nơi Căn thân lấy Cảnh sản sanh ra hiểu biết. Hiểu biết đây là do Xúc nên mới có thể thành lập. Hơn nữa Căn, Cảnh, Thức ba pháp đều thuộc về hiện tại. Còn quá khứ và vị lai hai đời đều không thật có, cho nên không thể thành lập Xúc được.

Cái gì gọi là phân biệt biến dị? Nghĩa là ba hòa hợp đây đều có công năng tác dụng của Tâm Sở thuận theo sanh khởi nên gọi là biến dị; lại nữa Xúc có thể thuận theo Thọ sanh khởi tác dụng gọi là phân biệt, ý chỉ rằng Căn có thể sanh ra ba Thọ (khổ, lạc, xả), Xúc có thể biết rõ sự sai biệt của ba Thọ, cho nên gọi là phân biệt. Trong đây sự ảnh hưởng biến dị của Căn ở nơi Xúc, Thọ là biến dị vượt quá nơi Thức và Cảnh. Xúc nương nơi ba hòa hợp mà sanh, nên gọi là phân biệt biến dị. Thức

nương nơi Căn và Cảnh hai hòa hợp mà sanh, nên gọi là phân biệt căn cảnh.

Tự tánh của Xúc đây là cái gì? Tức là hòa hợp tất cả Tâm và Tâm Sở đồng duyên một cảnh khiến không cho ly tán. Khi khiến không cho ly tán là đều do công lực tự tánh của Xúc. Nghiệp dụng của Xúc là cái gì? Chính là Tâm Sở Thọ, Tưởng, Tư, v.v... đều nương nơi Xúc sanh khởi và đều nương nơi Sở Ý là Nghiệp Dụng của nó.

2. Tác Ý: *"Tác Ý nghĩa là thường cảnh giác Tâm làm tánh, nơi chỗ duyên cảnh dẫn Tâm làm nghiệp."* Tác Ý là cảnh giác chúng tử của Tâm cần phải sanh khởi, khiến nhận thức hiện hành; còn ở nơi chúng tử của người khác không quan hệ cho nên không khiến sanh khởi, nguyên vì chúng tử của họ chưa gặp duyên thể nên không nhất định sanh khởi. Tác Ý cảnh giác Tâm có hai thứ công lực: một là khiến Tâm chưa sanh khởi liền sanh khởi; hai là khiến Tâm đã sanh khởi liền dẫn Tâm đến nơi cảnh. Cho nên gọi cảnh giác là cần phải phát khởi chúng tử của Tâm, hướng dẫn Tâm khiến đến nơi cảnh.

3. Thọ: *"Thọ nghĩa là tiếp nhận cảnh tướng thuận, cảnh tướng nghịch, cảnh tướng không thuận không nghịch làm tánh, khởi tham ái làm nghiệp."* Thọ là tiếp nhận cảnh tướng thuận, cảnh tướng nghịch và cảnh tướng không thuận không nghịch và sau khi tiếp nhận liền sanh khởi ba Thọ; nơi Lạc Thọ, khi chưa được thì hy vọng có thể được, khi đã được thì lại hy vọng không muốn cho mất; nơi Khổ Thọ, khi chưa bị thì hy vọng tránh khỏi và khi đã bị thì hy vọng bài trừ. Đây là căn cứ nơi Xúc của Vô Minh chỗ sanh ra Thọ mà lập danh, cho nên gọi đây là Thọ và khởi ái dục làm nghiệp.

4. Tưởng: *"Tưởng nghĩa là đối với cảnh chọn lấy hình tượng làm tánh và thiết lập các thứ danh ngôn làm nghiệp."* Tưởng là phân biệt cảnh tướng rõ ràng mới có thể xác định các thứ Danh Ngôn, như màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, v.v... Căn cứ nơi nhận mà nói, Danh Ngôn là do Tưởng thành lập. Còn căn cứ nơi quả mà nói, Tưởng là đã kiến lập xong các thứ Danh Ngôn.

5. Tư: *"Tư nghĩa là khiến Tâm tạo tác làm tánh, đối với bậc thiện, v.v... sai khiến Tâm làm nghiệp."* Hành của tà chánh, v.v... tức là nghiệp của thân và miệng, nhân của Hành đây tức là cảnh thiện ác. Do hiểu rõ cảnh tướng này, Tư tạo tác các nghiệp, phát khởi các việc thiện ác. Cho nên nói, nắm lấy cảnh chính là tướng của nhân và cũng là Nghiệp của Tư.

Năm Tâm Sở đã giải thích ở trên đều chọn lấy Biến Hành và hợp tác với Thức Tạng cùng sanh khởi. Điều kiện sanh khởi là năm Biến Hành cùng với sự sanh khởi của Thức Dị Thục ở nơi thời gian phải giống nhau, đều nương nơi Bản Thức. Kiến giải thì cũng giống nhau, Thể Tánh thì đều bình đẳng như nhau, nhưng chỗ không giống nhau chỉ là Hành Tướng sai biệt nhau mà thôi.

(còn tiếp)

* Chú thích 21: Thành Duy Thức Luận, quyển 3.

* Chú thích 22: Đồng Thạch.

* Chú thích 23: Thành Duy Thức Luận, quyển 3, Phật Giáo Đại Tạng Kinh tập 105, trang 52.

QUI ẨN VỚI HOA

*thôi về qui ẩn bên hoa
sân si gửi lại trên bờ cỏ xanh*

*gôi sương tắm nắng vô thanh
bướm bay ru giấc mơ thành Nam hoa*

*thôi về mắc áo cành hoa
uống hương trắng tỏa đêm ngà vô ưu*

*một mai bến giác luân lưu
xác thân cát bụi một trầu tượng ngôn*

*ta bà ngẫu hứng hoàng hôn
tâm kinh rớt vọng cầu hồn nhiên xa*

*thôi về qui ẩn bên hoa
không chân tu cũng sát-na nhập thiên...*

MÙA HOA

*Mùa hoa tôi khách viễn du
Lạc trong cánh bướm vãn phù ghé qua
Rằng thưa cuối chốn quê nhà
Mùa hoa còn ủ sau tà áo bay
Hoa đào phơn phớt sáng nay
Nhớ xưa mắt ấy, môi này đắm hương
Hoa còn chím chím trong sương
Thương ơi sợi tóc mù phương diễm tình!
Tắm trong hoa suối nguyên trinh
Quần quanh đôi cánh bướm rình nắng lên
Mùa hoa. Thơm giữa mộng mênh
Tiếng con chim đắm mình trên nhụy
hường?
Rằng thưa hạnh ngộ trùng phương
Áo hoa khép mở vô thường dáng hoa
Tóc bông bênh vờng mây sa
Hoài xưa trắng mộng quê nhà liêu xiêu...
Mùa hoa. Chân bước phiêu diêu
Nhật trong thiên hạ bao điều yêu hoa
Ngang mày nâng đóa nét na
Góp hương gửi gió gần xa thụ mùa.*

XÓM LẠCH CẦU (CREEK BRIDGE)

*Xóm. Chân từ thuở lạ quen
Đường cây. Trưa mát. Lên men cỏ gầy*

*Ta từ. Ẩn dật. Về đây
Phồn hoa xa ngái. Dấu giày. Nhặt phai*

*Quê người. Quê mẹ. Mốt mai
Thương nhau mây trắng hai vai. Chợt buồn*

(Creek Bridge, May, 2022)

GIẢI MÃ NHỮNG TIẾNG VE

- 1.
Chạm hè hoa phượng xòe tay
Tiếng ve một khúc nhạc say trưa nồng
Mai về vui thú ruộng đồng
Hoa niên vừa chớm chùm bông học trò
Tiếng ve vào cuộc hẹn hò...*
- 2.
Nắm tay nắm cuối... lần đầu
Tiếng ve lẳng lặng rơi đầu mơ hồ?
Kề vai mắt sóng lô xô
Môi như cánh phượng nắng tô ngọt mềm
Tiếng ve vừa đếm chợt êm
Run run cơn gió bậc thêm tình ơi!*
- 3.
Một chiều gặp tiếng ve xưa
Người trong hè cũ đồ đưa xa rồi
Tiếng ve rớt xuống chỗ ngồi
Mình ta nhật lại để bồi hồi quên!*
- 4.
Ghé trường lòng chạm rêu phong
Tiếng ve lạ, mới... quay vòng trần gian
Ta đi về phía hạ vàng
Ngày đang hạ đỏ góp ngàn lời ve...*

thơ TRẦN HOÀNG VY

NHƯ HUYỄN trong TRUNG LUẬN

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Như huyền là một tính cách, một phương diện của tánh Không. Tánh Không là vô tự tánh của mọi cái hiện hữu, và vì vô tự tánh nên như huyền.

Trong Trung Luận của Bồ tát Long Thọ (Nagarjuna), pháp sư Cưu Ma La Thập dịch, có ba đoạn nói về như huyền.

Chương Quán Ba Tướng thứ 7 nói:

17. Nếu pháp (do) các duyên sanh

*Tức là tánh tịch diệt
Nên đang sanh, sự sanh
Cả hai đều tịch diệt.*

Tánh tịch diệt là tánh Không. Nếu pháp là do các duyên sanh, nó là tánh Không. Cho nên cả hai sự đang sanh và sự sanh đều là tánh Không.

Sự sanh là tánh Không nên tất cả các pháp không có sanh không có diệt:

**30. Như tất cả các pháp
Tướng sanh chẳng thể đắc
Vi không có tướng sanh
Tức cũng không (có) tướng diệt.**

Vì tất cả các pháp không thể có tướng sanh, nên chúng cũng không có diệt.

**34. Sanh, trụ, diệt, chẳng thành
Nên không có hữu vi
Pháp hữu vi không có
Sao có được vô vi?**

Các pháp hữu vi và vô vi đều không có sanh, trụ, diệt, nghĩa là chẳng thể đắc, đều là tánh Không. Và vì là tánh Không nên như huyền như mộng:

**35. Như huyền cũng như mộng
Như thành Càn thất bà
Nói rằng sanh trụ diệt
Tướng nó cũng như vậy.**

Sanh, trụ, diệt là do vô minh phân biệt hư vọng. Nên phải thấy sanh, trụ, diệt của các pháp là không thật, như huyền như mộng, như thành Càn thất bà không do đâu, không nguyên nhân gì mà hiện giữa không trung.

Chương Quán Diên Đảo thứ 23 nói:

**1. Từ nhớ tướng phân biệt
Sanh ra tham, sân, si
Diên đảo tịnh, bất tịnh
Đều từ các duyên sanh.**

**2. Nếu do tịnh, bất tịnh
Diên đảo sanh ba độc
Ba độc không tự tánh
Nên phiền não không thật.**

3. Ngã pháp đã không có

*Sự ấy rốt chẳng thành
Không ngã, các phiền não
Có, không cũng chẳng thành.*

**6. Diên đảo tịnh, bất tịnh
Vốn là vô tự tánh
Làm sao hai thứ ấy
Sanh được các phiền não.**

Diên đảo là sự nhớ tướng phân biệt thực tại thành tịnh, bất tịnh, từ đó ba độc tham sân si sanh ra. Phiền não chính là ba độc tham sân si. Nhưng một độc như tham thì vô tự tánh, vì tham duyên sanh từ một cái ngã vô tự tánh và một đối tượng (pháp) vô tự tánh. Thế nên phiền não ba độc không thật có. Các phiền não ba độc, dù có dù không, đều chẳng thành, không thật có, vô tự tánh, như huyền.

Diên đảo về tịnh bất tịnh, với sự quán sát tướng tận, thì thấy ra nó dựa vào các thứ vô tự tánh, cho nên nó không có căn cứ, vô tự tánh, hư vọng như mộng như huyền.

Tiếp theo là sự quán sát cái căn bản từ đó ba độc sanh ra:

**7. Sắc thanh hương vị xúc
Và pháp là sáu thứ
Sáu thứ ấy như vậy
Là căn bản ba độc.**

**8. Sắc thanh hương vị xúc
Và pháp, thể sáu thứ
Đều Không, như sóng năng như mộng
Như thành Càn thất bà.**

**9. Trong sáu thứ như vậy
Đâu có tịnh, bất tịnh
Giống như người huyền hóa
Cũng như bóng trong gương.**

**18. Ngay nơi khi diên đảo
Diên đảo thật chẳng sanh
Ông hãy tự quán sát
Diên đảo sanh nơi ai?**

Sắc thanh hương vị xúc pháp là những cơ sở cho ba độc này sanh. Chúng là những đối tượng để diên đảo phân biệt vận hành, phát triển.

Nhưng quan sát kỹ lưỡng, sáu thứ ấy không có thật một cách khách quan, chưa nói đến kinh nghiệm chủ quan của mỗi người về sáu thứ ấy. Chúng không có thật một cách khách quan, vì chúng là duyên sanh, vô tự tánh.



Sáu thứ ấy đã duyên sanh vô tự tánh thì làm gì có sự tịnh và bất tịnh của chúng. Cho chúng là tịnh, là bất tịnh chỉ là điên đảo phân biệt hư vọng. Sáu thứ ấy đều vô tự tánh, đều Không, như sóng năng mà tướng là nước, như mộng đêm qua, như thành Càn thất bà vọng thấy giữa hư không.

Chúng như người huyền hóa, do nhà huyền thuật biến hóa ra. Nhà huyền thuật biến hóa ra ấy là tâm, như tâm biến hóa thành câu chuyện một giấc mộng. Chúng như bóng trong gương, có thấy nhưng không thể cầm nắm, xúc chạm.

Sáu thứ ấy và phiền não, điên đảo vọng tưởng tạo thành cuộc đời chúng ta. Quán sát thật tướng của chúng như huyền, như mộng, như sóng năng, như người huyền hóa, như bóng trong gương thì chúng ta được giải thoát. Chúng ta vẫn sống ở đời này, nhưng giải thoát là giải thoát khỏi ba độc, phân biệt điên đảo, những vọng tưởng do chính mình sanh ra.

Giờ đây, ngay khi đang điên đảo, hãy tự quan sát, “Điên đảo sanh nơi ai?” Quan sát được “Điên đảo sanh nơi ai?” thì “điên đảo chẳng sanh”. Và quán sát càng sâu, càng tận gốc rễ thì càng giải thoát.

Trung Luận gồm 27 chương quán sát tánh Không của 27 đề mục. Quán sát tánh Không của các đề mục khiến chúng ta loại bỏ vọng tưởng điên đảo, tịnh hóa tâm thức phân biệt hư vọng, do đó giải thoát khỏi sanh tử luân hồi hư vọng. Thế nên trí huệ thấy biết tánh Không là Trí huệ ba la mật, cái cuối cùng trong Sáu ba la mật.

Ở đây chúng ta tiếp tục phần nói về như huyền của Trung Luận.

Chương Quán Nghiệp thứ 17 nói:

*27. Các phiền não và nghiệp
Là nhân duyên sanh thân
Phiền não, các nghiệp Không
Sao nói có các thân.*

*28. Bị vô minh che lấp
Dây khát ái cột trời
Nhưng với chính người làm
Chẳng tức cũng chẳng khác.*

*29. Nghiệp chẳng từ duyên sanh
Chẳng từ phi duyên sanh
Thế nên không thật có
Tác nhân khởi nghiệp ấy.*

*30. Không nghiệp, không tác giả
Sao có nghiệp sanh quả
Nếu không có quả báo
Đâu có người thọ quả.*

Các phiền não và các nghiệp là tác nhân sanh ra thân. Nhưng phiền não và nghiệp lại do duyên sanh, quán sát kỹ thì chẳng có cái gì thực sự kết hợp với cái gì, nên là tánh Không, vô tự tánh.

Vô minh biểu lộ thành những niệm tưởng lăng xăng che lấp thực tại. Nhưng một niệm tưởng khởi lên từ đâu, từ căn cứ, cơ sở nào? Quán sát triệt để, chúng ta thấy một niệm tưởng khởi sanh không từ đâu cả, không căn cứ, cơ sở. Một niệm tưởng như một đám mây giữa bầu trời, thoát có thoát không, sanh không từ đâu và biến mất không về đâu.

Vô minh và khát ái là vô tự tánh, là tánh Không. Người làm, tác giả làm ra nghiệp cũng vô tự tánh, cũng là tánh Không. Tác giả và nghiệp đều vô tự tánh, nên tác giả chẳng phải “tức là” nghiệp, cũng chẳng phải “khác” với nghiệp. Nói “tức là” thì chẳng đúng thật, mà nói “chẳng khác” thì cũng chẳng đúng thật. “Chẳng tức cũng chẳng khác”, đó là tánh Không, không thật có, như huyền như mộng.

“Nghiệp chẳng từ duyên sanh”: hoa đốm giữa trời chẳng từ duyên nào cả. “Chẳng từ phi duyên sanh”: nếu chẳng từ chẳng phải duyên, không có duyên nào cả thì tại sao lại thấy hoa đốm? Hoa đốm là vọng thấy, như huyền vậy.

Nghiệp thấy hoa đốm đã không thật có, thì tác nhân hay bệnh thấy hoa đốm cũng không thật có. Nghiệp đã không thật có, làm sao tác nhân khởi ra nghiệp không thật có ấy lại thật có?

Nghiệp không thật có, tác giả cũng không thật có, bởi vì cả hai đều là chân lý tương đối, quy ước (thể để) trong chân lý tuyệt đối và tối hậu là tánh Không. Nghiệp không thật có, tác giả cũng không thật có, cả hai đều không có tự tánh, thì làm sao sanh ra quả báo thật có và có tự tánh được?

Như thế trí huệ quán chiếu tánh Không khiến nghiệp và quả báo được tịnh hóa khi chúng được thấy là như huyền như mộng.

*31. Như Thế Tôn thần thông
Làm ra người biến hóa
Người biến hóa như vậy
Lại biến tạo hóa nhân.*

*32. Người biến hóa ban đầu
Được gọi là tác giả
Người biến hóa tạo sau
Đó được gọi là nghiệp.*

*33. Các phiền não và nghiệp
Tác giả và quả báo
Đều như huyền như mộng
Như sóng năng như vàng.*

Như Phật thần thông tạo ra một người biến hóa, người do biến hóa này lại tạo ra người biến hóa khác, cả hai đều là sự biến hóa, không thật. Tác giả là người do biến hóa, việc làm của người biến hóa ấy được gọi là nghiệp, nhưng việc làm, nghiệp của người biến hóa thì cũng là việc biến hóa.

Thế nên, các phiền não, các nghiệp, tác giả và quả báo đều là biến hóa, như huyền như mộng, như sóng năng, như tiếng vang. Chúng xuất hiện, nhưng vô tự tánh nên không có thật, không có hiệu lực, như mộng như huyền, chỉ làm khổ người không biết, không thức tỉnh.

Trí huệ quán chiếu tánh Không vô tự tánh thấy tất cả sanh tử đều như huyền như mộng. Xem sanh tử là có thật, những kinh nghiệm của con người ở trong đó là có thật, đó là bị trời buộc. Bị sanh tử trời buộc, lôi kéo đi bởi các phiền não rồi tạo các nghiệp bởi vì mê tín vào sự có tự tánh, có thật của những kinh nghiệm tạo thành sanh tử.

Thế nên trí huệ thấy sự vô tự tánh, như huyền như mộng tịnh hóa sự mê lầm của con người, đưa họ đến cái thấy đúng, chân thật. Giải thoát chính là cái thấy đúng, chân thật này.

Trong cõi vô cùng

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thế giới Hoa Nghiêm là một thế giới được diễn tả trùng trùng vô tận. Thế giới của duyên sinh. Không điểm khởi đầu. Không điểm chung cục. Thế giới được tạo thành bởi hành động, lời nói và ý nghĩ của con người gọi là nghiệp. Nghiệp là chủ nhân ông, còn thiên hình vạn trạng sự vật kia là sở thuộc. Đã là do nghiệp hình thành. Do duyên sinh giả hợp thì chẳng phải của riêng ai. Sở thuộc nơi ai. Trong lời nói đầu của sách: "Krishnamurti Đời Không Tâm Điểm."

*"Giữa trần gian mọi sự chóng qua,
Tôi là khách.*

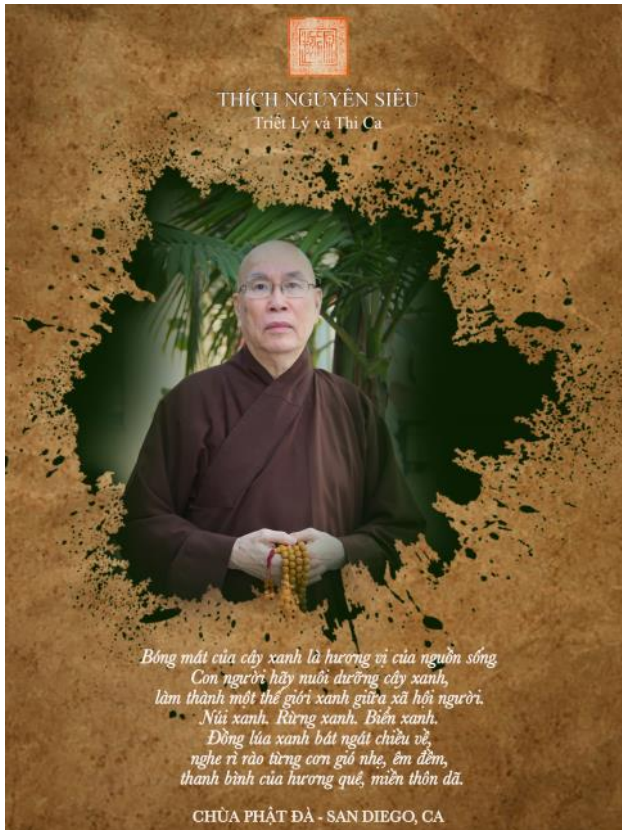
Từ đó

Không vướng mắc nào ràng buộc tôi.

Không đất nước nào sở hữu tôi.

Không biên cương nào cầm giữ tôi.

(Krishnamurti - Người bạn bất tử 1928)



Trong cõi vô cùng ấy, từ vật thể li ti đến vật thể to lớn. Từ thế giới văn minh đến thế giới chậm tiến. Từ vật chất đến tinh thần, đâu đâu cũng không khác. Nó luôn tồn tại, đùm bọc trong cái túi cần khôn này. Bầu trời nào cũng có mây trắng vào mùa hạ, và mây đen mùa đông. Rừng cây

nào cũng có lá vàng khi mùa thu về. Và mùa xuân hoa nở, trái đơm đâm chồi nảy lộc. Con người sống trên trái đất này, ai cũng thở bằng hai lỗ mũi và đi bằng hai chân, nhờ ánh nắng mà lớn. Nhờ không khí mà yên vui. Quả thật đâu đâu cũng đều có một dạng thức như nhau. Giống nhau như là loài chim thì bay bằng cánh. Loài rắn thì đi bằng bụng. Và loài có chân thì đi bằng chân. Một thứ triết lý sinh tồn như nhiên và tự nhiên. Đâu có ai cố vấn cho ai để loài chim có lông cánh thì sinh bằng trứng và loài người thì sinh bằng thai. Như thị, lời nhà Phật dạy. Do vậy mà lỗ mũi phải chúc xuống. Đôi mắt thì có lông mi và chân mày. Dân tộc nào cũng thế. Giống người nào cũng thế. Dù thành thị hay thôn quê. Dù núi rừng hay dân dã. Đó là cái hay trong cõi vô cùng. Cái màu nhiệm của thế giới duyên sinh, duyên khởi, mà chẳng phải do bàn tay của thần linh hay thượng đế nào tham dự, mà thần linh hay thượng đế nào cũng đều nằm trong tiến trình này. Không thể tự đặt mình nằm ngoài qui trình:

Do cái này có

Nên cái kia có

Do cái này sanh

Nên cái kia sanh

Do cái này diệt

Nên cái kia diệt.

Một tiến trình hình thành và hủy diệt của luật tắc duyên sinh.

Khi xưa, kể cả trong tiền kiếp nhìn thấy hoa hồng tươi tắn, mượt mà, đài các, biểu tượng của yêu thương. Sáng nay, ngồi bên cửa sổ, uống tách trà nóng còn bốc khói. Vị trà thấm đượm hương sen. Nhìn qua cửa sổ, thấy nụ hồng tươi. Mượt mà như trong tiền kiếp. Thấy cây rừng trùng điệp. Núi đồi nhấp nhô nối dài dường như bất tận. Đóa hồng hôm nay vẫn như nhiên, tinh khiết, có khác gì của đời trước đâu. Gió thổi nhẹ lá vàng rơi bên lề cửa sổ. Nghe tiếng sột soạt ngoài hiên, lá khô, nai vàng của Lưu Trọng Lư:

"Em không nghe rừng thu

Lá thu kêu xào xạc

Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô?"

Cũng đám lá vàng khô đó. Cũng con nai vàng bông đốm đó, dệt thành cái vô cùng âm thanh, màu sắc... ngang qua lục căn tiếp xúc lục trần sinh ra lục thức. Tuyệt vời trong ý vị vô cùng. Trong cõi vô tung vô phần biệt... Bình trà cạn, hương trà bay. Nhìn lại thấy chỉ có một mình bên cửa sổ. Còn chú điều, thị giả giờ hãy còn hái củi trên non. Chú vẫn biết, đám vườn táo đỏ đầy trái là do công người chăm sóc, tưới nước chăm phân, đám táo ấy mới trĩu cành, lá xanh trái ngọt, để hiến dâng cho người, làm người vui, làm người hạnh phúc. Trong

cái công người chăm sóc đó, còn có hiện diện của đất trời, mù khơi, sương khuya, gió sớm. Đó là những tia nắng của mặt trời rải xuống. Của không khí tràn đầy không gian. Của những hạt mưa mát đủ làm sức sống để đơm bông kết trái của đám vườn táo đỏ kia. Sự sinh thành này không có ngôn ngữ tham dự. Không có mộng tưởng điên đảo tham dự. Không có bàn tay lắt léo, sửa chốt, vận trực tham dự. Tự nhiên. Như là.

Cầm trái táo trong tay mà bao nhiêu nguyên lý sống. Bao nhiêu tinh hoa của đất trời. Tinh thể của thời gian, không gian, hòa quyện vào lòng trái táo, hợp thành chất dinh dưỡng nuôi lớn con người. Vậy, dạng hình của một con người là tất cả con người. Tất cả con người là dạng hình của trái táo. Thực thể là đây. Có ai chiêm nghiệm để truy nguyên ra cội nguồn. Để biết cái có ấy từ đâu, mà Lục Tổ đã dạy: "Bổn lai vô nhất vật." Xưa nay không một vật. Con người không. Trái táo không. Con người có, trái táo có trong cõi vô cùng.

Vườn dứa dòng sông nằm sau chân núi

Ăn dứa người gầy cặm cụi sớm hôm

*Đốt bếp lửa đỏ đun nồi xôi ấm
Hạt nếp ngon ngọt lịm chén cơm đây.*

Thông già vách đá sương thu lạnh

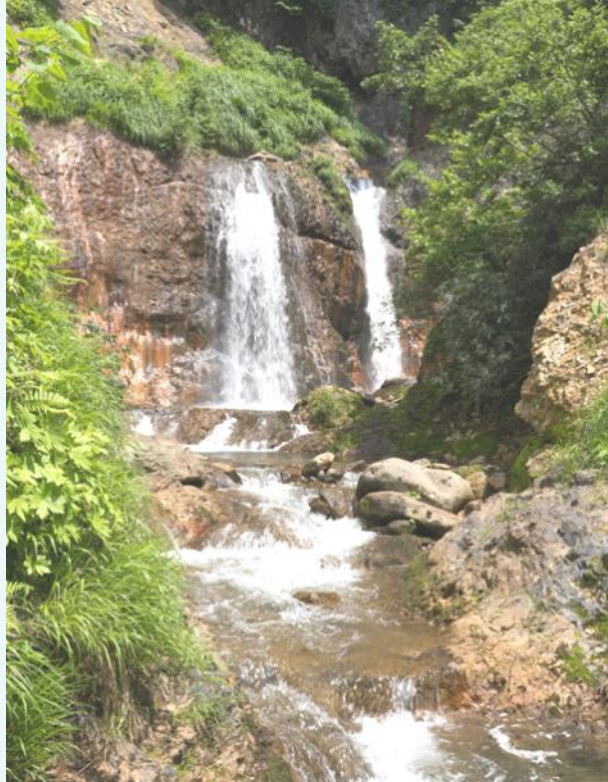
Lối nhỏ đi về cốc tịch liêu

Leo lắt ngọn đèn dẫn lặn bắc

Hai mái đầu bên cạm chắt chiu.

Vậy người ở lại, hôm nay ta thấy đó. Còn người chết đi, đi mãi vô cùng. Đi đâu, ấy chỉ là cách nói. Ở đây và tại nơi đây, để hôm sau, hay hôm nào, ngồi bên nhau, cùng uống tách trà thơm.

(trích Triết Lý và Thi Ca, Nguyễn Siêu)



NGHE NHƯ

*hè về rải nắng ngoài hiên
tóc tơ vương vấn ngoan hiền xiêm y
nghe như một giọt nhu mì
rụng lên câu chữ bài thi ca buồn
cỏ xanh gom góp đôi chuông
nghe như sương ướt mấy luồng tâm kinh
núi xa tâm vóc một mình
nghe như một đóa hồng xinh nhấc lòng
gửi về kinh kệ thông dong
nghe như vọng tưởng mây dòng thật êm
cánh sen chờ mãi bên thêm
nở ra cho thấy ngày đêm luân hồi
nhủ lòng mây đoạn nổi trôi
nghe như nhân ảnh đắp bồi thiên thu...*

thơ **THY AN**

Đi hái phù vân

TOẠI KHANH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Suy cho cùng, kiếp người hay cuộc tu chỉ là những lần ghé lại đầu đũa. Nói ở nghĩa nào thì người ta không ai có thể chung thân với một thứ gì miên viễn. Mình không bỏ nó thì nó cũng xa mình. Ta có thể mất nó, vì nhàm chán hay không còn cơ hội nắm níu. Và cái mà ta yêu nhất cũng có nhiều kiểu bỏ ta ở lại mà đi. Hồi xưa bắt chước theo kinh mà nói thì cái gì cũng là bè cô qua sông... Giờ cô thêm tí tuổi, nhiều lúc nằm ngẫm nghĩ một mình, thấy câu nói ví von đó hay quá chừng, hay đáo để.

Kinh chép: *Ngày xưa có ông đạo sĩ Sumedha thừa sức chứng quả La-hán, nhưng ông không cam tâm giải thoát gọn nhẹ, lặng lẽ và an nhàn như thế. Ông chỉ muốn thành một vị đại giác y hệt Thế Tôn Nhiên Đăng để mà gồng gánh thiên hạ. Phật nhìn kỹ căn cơ của ông không phải loại xoàng, bèn ử cho một tiếng. Ông vui quá, trở thành Bất Thối Bồ-tát, đời đời thủy chung với đại nguyện của mình. Kinh nói Thế Tôn Cổ Đàm chính là kiếp cuối cùng của ông đạo sĩ Sumedha ngày trước. khổ tu chừng đó thời gian, thành Phật rồi chỉ sống thêm 45 năm thì bỏ đời mà đi. Trước sau thọ lượng chỉ vừa vặn 80 năm ngắn ngủi. Với Ngài vậy, cũng là quá nhiều. Bởi nào ai biết Ngài từng có ý viên tịch từ năm 35 tuổi, ngay sau khi thành Phật. Với những người nặng tình với Phật thì thời gian 80 năm đó chẳng bỏ bèn gì. Đến ngài Ananda còn thấy Phật đi quá sớm, tôn giả đã khóc thầy bằng nước mắt của một bậc thánh. Thôi thì gì cũng một áng phù vân, khác nhau chẳng là mấy làn ngũ sắc hay mây xám báo giông. Khoảng ba tháng sau ngày Phật tịch, hiểu ra chuyện đó, tôn giả Ananda không buồn nữa. Rồi thì đến phiên ngài cũng theo Phật mà đi biệt!*

Đó là chuyện của thánh hiền. Còn với phàm tâm thì sao chứ? Lại cũng vẫn là chuyện được rồi mất. Mất có hai cách: Một là không muốn giữ nữa nên buông; hai là bàn tay quá yếu không đủ sức nắm níu nên đành để vuột mất. Cái quan trọng là người ta có thấy được cái nguyên tắc khốc liệt của cuộc đời – là anh phải lần lượt bỏ lại hết để mà đi tới hay không!?

Thằng bé phải buông hết những món đồ chơi của trẻ con để trở thành người lớn. Đó cũng là một hành trình trọng đời. Rồi thì tâm nhìn của thiên hạ phải tiếp tục đổi khác để có thể yêu lấy những người không phải thân thuộc huyết thống. Yêu được một người dương nào đó thì các cô cậu bắt đầu trưởng thành. Giai đoạn này lại cũng chỉ là một chặng đường phải vượt qua. Rồi sẽ có

một ngày, yêu hay không chẳng còn là chuyện đáng nói nữa. Vấn đề lúc này chỉ đơn giản là có cần thiết hay không mà thôi. Thích hay không chỉ là chuyện phụ. Bước tới được giai đoạn này, hầu hết đều là những tay có hai màu tóc.

Đó là chuyên đời. Chuyện đạo ngẫm kỹ hình như cũng đâu khác gì. Giai đoạn tu chứng nào cũng chỉ là một trạm dừng qua đêm, mai sáng phải tiếp tục đi về phía trước, lên trên cao. Ai nghỉ chân lâu quá, coi chừng cuộc đi đang nảy sinh vấn đề. Đã gọi là con đường thì lúc nào cũng chỉ để đi, không phải để ở. Muốn lên đỉnh núi, phải biết rời khỏi chân núi. Mọi thành tựu trên đường hành đạo đều chỉ là những lũ quán, những bến dò, những sân ga, phi cảng.

Có những cuộc lên đường chắt chây những kỷ niệm như xe bò chở đá. Có những cuộc lên đường nhẹ nhàng như mây trắng đầu non. Hành giả trên đường tu phải là kẻ hành nhân một đời làm những cuộc giã biệt. Nói thật, con đường nào cũng có những trở ngại, nhưng ai dám bảo mình chưa từng lưu luyến một nơi chốn nào đó trên những dặm trường đã một lần ghé qua. Rồi thì nói một cách đau lòng nhưng không thể khác hơn, là ai cũng phải cẩn rằng mà bằng mình đi về phía trước, hướng tới những chiều cao mà mình chưa đến được. Nguyên tắc thì nghe đơn giản vậy, nhưng thực tế không một hành giả nào đến đích mà chân không rướm máu, chưa kể một trái tim rách bươm với những gai cò tàn độc trên đường.

Không bỏ được cái thích, người ta làm sao có được những thứ cần. Tôi được em, có nghĩa là tôi phải mất bản thân tôi. Càng sống nhiều với những ràng buộc, tôi càng đánh mất những cơ hội tự do. Chợt nhớ một câu danh ngôn dành cho mấy người mê mua sắm: "*Khi anh mất tiền cho một thứ vô ích nào đó, có nghĩa là anh cũng đang làm mất số tiền để mua một món cần thiết nào đó!*" Tiền bạc thì trên đời có nhiều người thừa sức hoang phí. Nhưng tuổi đời thì không bao giờ được vậy. Ai cũng chỉ có nhiều lắm là trăm năm cho một kiếp người. Còn ăn, hết nhịn. Vậy mà trở trêu thay, thời gian lại là thứ bị người ta tiêu hoang thường nhất.

Những dặm đường ngát hương hoa cỏ, những không gian mây trắng trời xanh, những tuyết trắng, nắng vàng, rồi thì áo hồng áo lục, chung tình hay phụ bạc, thế non hen biển gì rồi cũng một cuộc biển dâu... Gì cũng phải bỏ lại hết để mà đi. Đi về đâu mới được chứ? Ừ thì một cõi phù vân!



GIẢI THOÁT TRONG ĐẠO PHẬT

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Làm người sống ở đời chắc ai cũng một đôi lần mong mỏi được giải thoát. Giải thoát cái gì? Chẳng hạn như khi bản thân mình gặp chuyện không vừa ý thì muốn được thoát khỏi sự không hài lòng không vừa ý đó. Như một người nghèo khổ may mắn được người giàu có cưới làm vợ, ngay từ giây phút thay đổi cuộc sống thì người này đã được giải thoát khỏi cảnh nghèo khổ bần hàn. Khi cuộc sống vợ chồng bất hòa, hằng ngày cãi vã, nặng nhẹ khoa tay múa chân, gây đau khổ cho nhau. Trong trường hợp này tờ giấy ly hôn giúp cho họ giải thoát khỏi cuộc sống ngột ngạt đau khổ đó. Hoặc người tù tội sau một thời gian bị nhốt trong nhà giam, nay được trả tự do, như vậy người này vừa được giải thoát khỏi vòng lao lý. Hoặc có những người con, sống trong gia đình hạnh phúc, được cha mẹ chăm sóc chu đáo lại cảm thấy như mình bị kiềm kẹp không có tự do, bèn trốn cha mẹ sống lang thang với người ngoài, cho rằng mình đã được tự do, được giải thoát khỏi tầm mắt gắt gao của cha mẹ. Một người bị bệnh hành hạ đau đớn thân xác, may mắn chữa trị kịp thời, hết bệnh, khỏe mạnh trở lại, nên nói người đó được giải thoát khỏi căn bệnh nguy hiểm v.v...

Chuyện giải thoát không chỉ bản ở con người mà loài vật khi bị ràng buộc cũng muốn được giải thoát. Thí dụ như con chim bị nhốt trong lồng, tuy hằng ngày được chủ chăm sóc cho ăn uống tử tế nhưng nó vẫn cảm thấy tù túng, một ngày kia nó thoát ra ngoài tung cánh bay giữa bầu trời cao rộng, không bao giờ trở lại, xem như con chim đó được tự do, được giải thoát. Như vậy, con người hay con vật được tự do thoát khỏi sự ràng buộc nào đó, thì được xem là giải thoát. Nhìn chung thì giải thoát có nghĩa là cởi mở, cởi bỏ xiềng xích, thoát ly ra khỏi những ràng buộc trong hoàn cảnh khổ đau nghịch ý. Tóm lại giải thoát là đạt tự do sau khi buông xả tất cả những trói buộc.

II. GIẢI THOÁT TRONG ĐẠO PHẬT

Trên đây là một vài thí dụ mô tả ý nghĩa giải thoát ở ngoài đời. Trong đạo Phật, hai từ giải thoát được đề cập tới một cách sâu sắc hơn. Giải thoát cao nhất theo triết lý nhà Phật là trạng thái tinh thần con người được tự do, tự tại trước những buồn vui thương ghét hạnh phúc hay đau khổ của bản thân hay người ngoài cuộc. Tâm người ấy thanh tịnh tuyệt đối do đoạn tận hết những tập khí, đam mê, dục vọng, dập tắt ngọn lửa ngầm tham, sân, si là gốc rễ của mọi đau khổ. Các bậc thánh nhân này đã chấm dứt dòng nhân quả nghiệp báo, lậu hoặc, vượt qua biển khổ vô minh, lên bờ giác ngộ giải thoát.

Còn chúng sanh thì đa phần sống trong cảnh trái ngang đau khổ nên người nào cũng muốn xa lìa khổ ải, tìm kiếm niềm vui, mong cầu giải thoát. Nhưng muốn giải thoát không phải là

chuyên dể, bởi là phàm nhân nên thường xuyên bị tri kiến mê lầm che lấp, khiến nhận thức và hành vi biến thành nô lệ của bản ngã ích kỷ, chạy theo ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù; hoặc làm nô lệ cho sáu giác quan mê đắm với sáu trần: sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp. Để đạt được những mục tiêu này, thử hỏi với một con người đang bị tri kiến mê lầm ngăn che như vậy, thì làm sao tránh khỏi lời nói, hành vi tạo nhiều ác nghiệp gây đau khổ cho mình và phiền não cho những người liên hệ.

Các học giả Phật giáo cho rằng hệ thống giáo lý của đạo Phật nhằm vào một mục tiêu cao thượng, đó là hướng dẫn phương pháp, đường lối tu tập để hành giả đạt Giác ngộ Giải thoát. Cho nên mới nói đạo Phật là đạo Giải thoát. Trong kinh điển Phật giáo, có ghi lại lời tuyên bố của Đức Phật: *"Này các Tỷ-kheo, nước của đại dương chỉ có một vị mặn. Cũng vậy, pháp và luật của ta nói ra cũng chỉ có một vị, đó là vị giải thoát"* (Udana, Tự Thuyết Kinh).

Qua lời tuyên bố này, chúng ta thấy Đức Phật đã so sánh giáo Pháp của Ngài như bốn bể đại dương. Đại dương chỉ có một vị là vị mặn. Còn Chánh Pháp trong đạo Phật cũng có một vị duy nhất là vị giải thoát. Như vậy, Đức Phật đã xác định rằng mục đích duy nhất của đạo Phật là giúp chúng sanh tu tập để đến chỗ giải thoát giác ngộ.

Trên lộ trình tu tập giải thoát thì Niết-Bàn là mục tiêu giải thoát cao nhất. Niết-Bàn tiếng Phạn là Nirvana có nghĩa là diệt độ. Diệt độ ở đây không có nghĩa là triệt tiêu hay tiêu diệt. Bởi vì nếu hoàn toàn bị tiêu diệt thì người chứng ngộ biến thành một tượng đá vô tri giác không biết gì. Diệt ở đây có nghĩa là đoạn tận tham sân si, chấm dứt dòng nhân quả nghiệp báo, nghĩa là chấm dứt lậu hoặc gồm dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu và kiến lậu. Độ có nghĩa là vượt qua khỏi biển khổ vô minh, lên bờ giác ngộ. Như vậy chúng ta có thể hiểu Diệt Độ là Niết-Bàn, là Diệt đế (trong Tứ Thánh Đế), là Giải thoát ra khỏi quy luật luân hồi nhân quả.

Giải thoát có hai loại: Hữu Dư Y Giải thoát hay Hữu Dư Y Niết-Bàn, chỉ thánh chúng được giải thoát ngay khi còn sống tức còn thân mạng. Tuy sống và sinh hoạt với người bình thường mà vẫn an nhiên, tự tại, giải thoát, không bị hoàn cảnh thế nhân chi phối. Khi thân hoại mạng chung, thì thể nhập Vô Dư Y Niết-Bàn. Vô Dư Y Niết-Bàn là bản thể thường còn, bất sinh bất diệt của vạn pháp hữu tình và vô tình, không thể dùng ngôn từ để diễn tả, cũng không thể dùng ý căn ý thức hình dung đưa ra quan niệm giải thích.

III. PHƯƠNG TIỆN ĐƯA ĐẾN GIẢI THOÁT

Hành giả muốn đạt giải thoát tối hậu, theo giáo lý nhà Phật là phải tu tập Giới-Định-Tuệ không có con đường nào khác. Tu Giới-Định-Tuệ tức tu theo Bát chánh đạo. Bát chánh đạo là con

đường đưa đến giải thoát. Bát chánh đạo gồm các yếu tố: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Chánh tri kiến, Chánh tư duy thuộc về Tuệ học. Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thuộc về Giới học. Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định thuộc về Định học. Về mặt Tuệ học, ngoài việc thông suốt Tứ thánh đế là: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế, hành giả cũng cần phải hiểu rõ về mười hai nhân duyên trong giáo lý Duyên Khởi để thực hành đúng pháp. Về mặt Giới học thì giữ gìn thân tâm trong sạch, làm việc lành tránh việc ác. Muốn cô lập lậu hoặc thì phải thực hành thiền Định, thiền Quán. Lậu hoặc gồm vô số ác pháp, trong đó có tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến v.v...

Về giáo lý Duyên Khởi, Đức Phật đưa ra mười hai nhân duyên với định lý: "*Cái này có cái kia có. Cái này diệt cái kia diệt*". Mười hai nhân duyên dính chặt vào nhau thành vòng tròn sinh tử. Đó là: Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục nhập, Xúc, Ai, Thủ, Hữu, Sanh, Già, Chết (khổ uẩn). Vô Minh là duyên sanh Hành. Hành là duyên sanh Thức. Thức là duyên sanh Danh Sắc v.v... cứ như thế nối thành một vòng tròn, không có khởi đầu cũng không có chấm dứt. Hoặc Vô Minh diệt thì Hành diệt. Hành diệt thì Thức diệt v.v... Như vậy toàn bộ mắt xích bị tan rã. Hành giả được giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi.

Tu tập theo mười hai nhân duyên, hành giả cũng thực hành Giới-Định-Tuệ. Tu Giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng) sẽ cắt đứt tại mắt xích Hành, ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh. Nhân duyên Hành bị triệt tiêu thì toàn bộ các mắt xích cũng tan rã. Hành giả được giải thoát.

Hành giả tu Tuệ (Chánh tri kiến, Chánh tư duy) hiểu rõ nguyên nhân gây ra khổ đau chính là do tham dục khát ái. Cắt đứt mắt xích Ai thì vòng mắt xích mười hai nhân duyên cũng tan rã. Hành giả được giải thoát.

Ngoài ra nhờ có Chánh tri kiến mà hành giả dẹp được những tri kiến mê lầm gọi chung là tà kiến, tức cắt đứt mắt xích Vô Minh. Vì Vô Minh nên Tri kiến mới mê lầm. Tri kiến mê lầm, là cái thấy biết không đúng với chân lý Phật dạy mà cho là đúng. Hay là cái thấy biết cảnh vật không đúng như thật của người đang mang kính màu. Kính màu xanh thì hành giả thấy cảnh màu xanh, kính màu xám thì thấy cảnh bao trùm màu xám... Hoặc là cái thấy biết đối tượng do quá khứ, hiện tại, tương lai ảnh hưởng khiến tâm xúc cảm thương ghét nổi lên mà nhận định sai lầm về đối tượng.

Nhờ tu Tuệ nên hành giả giải thoát được tri kiến mê lầm, trả cái thấy biết mê lầm đó về cho cái thấy biết hiện tại chân thật bây giờ và ở đây, đúng như nó đang là nên gọi là Tri kiến giải thoát. Nói rõ hơn nhờ có Chánh tri kiến, Chánh tư duy nên hành giả lần lượt thanh lọc được dòng tâm thức uế nhiễm. Hành giả thức liễm thân tâm, không dính mắc với tướng chung tướng riêng của bất cứ đối tượng nào, sau cùng không còn chấp trước thân này pháp nọ là ta hay của ta... nên thoát khỏi luyến ái, náo phiền. Như vậy Tri kiến giải thoát là sự thấy biết chân chánh, thấy biết như thật, nhờ áp dụng Phật Pháp, tinh cần tu tập,

dần dần đoạn tận tham dục đạt được giải thoát khổ đau.

Tóm lại tu pháp mười hai nhân duyên, hành giả chỉ cần cắt đứt một mắt xích là phá vỡ được toàn bộ mười hai mắt xích. Hành giả thoát khỏi vòng sinh tử.

IV. KẾT LUẬN

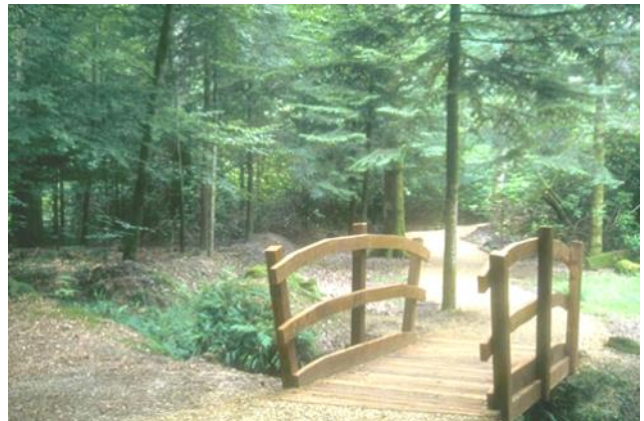
Theo quan niệm nhà Phật thì con người tự ràng buộc mình trong nỗi khổ đau do chính mình gây ra. Muốn thoát khổ thì cũng phải chính mình tháo gỡ sợi dây, ràng buộc đó chứ không Thần Phật nào cứu rỗi, ban ơn, giáng họa cho mình được. Trước khi thành đạo, Đức Phật là một vị Thái tử sống trong nhung lụa vàng son. Khi ngộ ra con người sống ở thế gian này không một ai tránh khỏi sanh, lão, bệnh, tử, nên người đã thoát ly khỏi cung vàng điện ngọc, bỏ lại vợ đẹp con thơ, ra đi tìm đường giải thoát. Sau khi thành đạo, trong 45 năm hoằng dương chánh pháp, Đức Phật đã tùy theo căn cơ của chúng sanh mà diễn thuyết. Dù pháp nào, thì chung quy cũng chỉ nhằm giúp chúng sanh thoát khổ giác ngộ.

Muốn nếm được hương vị giải thoát, trước hết hành giả phải tự thân nỗ lực tu hành. Dù tu theo pháp môn nào, hành giả cũng phải thâm nhập bốn nền tảng giáo lý của đạo Phật. Đó là mọi khổ đau của chúng sanh đều phát xuất từ một hay nhiều nguyên nhân. Và những nguyên nhân đó có thể giải trừ bằng đường lối tu tập tám ngành: Bát Chánh Đạo. Đó chính là thực hành Tam Vô Lậu Học: *Giới-Định-Tuệ*.

Thực hành Giới-Định-Tuệ, đời sống đạo đức của hành giả được thăng hoa, tâm định tĩnh, trí tuệ phát sáng. Kết quả sơ khởi của việc tu tập, hành giả được giải thoát khỏi một số ràng buộc như ý hay bất như ý trong đời sống hằng ngày. Tiếp tục tinh cần hành trì, buông xả mọi khổ ái, khả lạc, khả ưu, khả sân, thường xuyên sống trong chánh niệm, thể nhập Giới-Định-Tuệ, hành giả sẽ thực thụ trải nghiệm trạng thái Xả, là trạng thái tâm hoàn toàn tự do trước mọi vướng bận của cuộc đời. Bấy giờ có thể nói hành giả đã an toàn giải thoát, an trú trong Hữu Dư Y Niết-Bàn ./.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Thiền thất CHÂN TÂM - August 13-2022)



The Story of Uggasena

Dhammapada, Verse 348

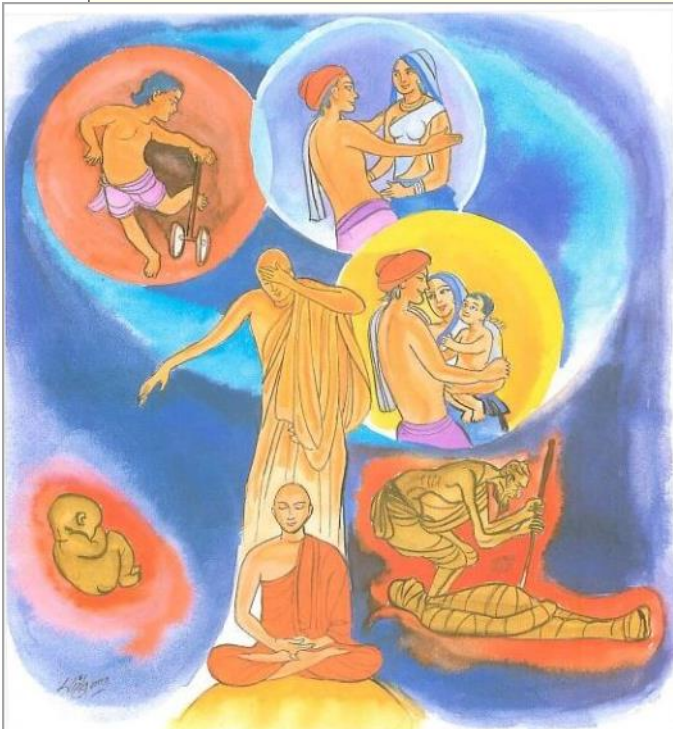
While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (348) of this book, with reference to Uggasena, a rich man's son who fell in love with a dancer.

Once, a wandering theatrical troupe consisting of five hundred dancers and some acrobats came to Rajagaha and performed on the grounds of the palace of King Bimbisara for seven days. There, a young dancer who was the daughter of an acrobat sang and danced on top of a long bamboo pole. Uggasena, the young son of a rich man, fell desperately in love with this dancer and his parents could not stop him from marrying her. He married the young dancer and followed the troupe. As he was not a dancer nor an acrobat, he was not of much use to the party. So, as the party moved from place to place, he had to help carry boxes, to drive the carts, etc.

In course of time, a son was born to Uggasena and his wife, the dancer. To this child, the dancer would often sing a song which ran thus: "O you, son of the man who keeps watch over the carts; the man who carries boxes and bundles! O, you, son of the ignorant one who can do nothing!" Uggasena heard the song; he knew that his wife was referring to him and he was very much hurt and depressed. So he went to his father-in-law, the acrobat, and requested him to teach him acrobatics. After a year's training, Uggasena became a skilful acrobat.

Then, Uggasena went back to Rajagaha, and it was proclaimed that Uggasena would publicly demonstrate his skill in seven days' time. On the seventh day, a long pole was put up and Uggasena stood on top of it. At a signal given from below he somersaulted seven times on the pole. At about this time, the Buddha saw Uggasena in his vision and knew that time was ripe for Uggasena to attain arahatship. So, he entered Rajagaha and willed that the audience should turn their attention to him instead of applauding Uggasena for his acrobatic feats. When Uggasena saw that he was being neglected and ignored, he just sat on top of the pole, feeling very discontented and depressed. The Buddha then addressed Uggasena, "Uggasena, a wise man should abandon all attachment to the khandha

aggregates and strive to gain liberation from the round of rebirths." Then the Buddha spoke in verse as follows:
Verse 348: Give up the past, give up the future, give up the present. Having reached the end of existences, with a mind freed from all (conditioned things), you will not again undergo birth and decay.
 At the end of the discourse Uggasena, who was still on top of the pole, attained arahatship. He came down and was soon admitted to the Order by the Buddha.



Mind released everywhere, one's beyond birth and decay, having terminated life's journeying.

348. *Muñca purē muñca pacchatō
majjhē muñca bhavassa pārāgū,
sabbattha vimuttamānasō
na puna jātijaram̐ upehīsī. (24:15)*

Let go before, let go the after,
let go the middle, beyond becoming.
With mind released in every way
you'll come no more to birth, decay.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



HT THÍCH THANH HUYỀN (1945-2022)
Nguyên Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Thanh Niên GHPGVNTN
Ảnh: Nhuận Pháp

Thành Kính Tưởng Niệm **Trưởng Lão Hòa Thượng THÍCH THANH HUYỀN**
Viên tịch ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Quảng Hương Già Lam, Sài Gòn

KẺ CHÍ HÙNG XUẤT SĨ

*Tiết Vu lan đất Sài thành tiễn biệt
Gió nhẹ bay theo từng áng mây trôi
Trời Phương ngoại hung tin lòng ngấn lệ
Nghe chuông ngân sớm tối dạ bồi hồi.
Người xuất sĩ chí hùng tâm hạnh nhã
Quét phong trần bạt gió mỉm cười hoa
Từng hơi thở bát cơm ngày hồng hóa
Gót chân mòn quán trọ hỏi người qua.
Thế gian ơi Người xả thân tạm bợ
Về cõi tâm thanh thoát giữa hư không
Nay chỉ có thông tay qua phố chợ
Chuyến về Nam tịnh lảng hoát phiêu bồng.
Người đến đi vô trụ cảnh Già Lam
Bi-Tri-Dũng Áo Lam hiền lân mẫn
Bản Thệ Tăng Già đước tuệ long lanh
Nên huyền sử sống thanh cao hạnh nhẫn.
Lời Bát Nhã thi âm vang trầm bổng
Sắc y vàng hạnh trường tử Như Lai
Người nằm xuống sương loang dòng kinh cổ
Nguồn tri âm bãi biệt tiễn chân Ngài.
Chúng con Nhất tâm cầu nguyện
Kính bái biệt Trưởng Lão Hòa Thượng.*

Sacramento, ngày 19/8/2022

TỶ KHEO THÍCH THIÊN DUYÊN

Trụ Trì Chùa Kim Quang, California. Hoa Kỳ

CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG

Nguyên tác: “Religion and Society” by S. RADHANKRISHNAN

HT. Thích Quảng Độ dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(tiếp theo kỳ trước)

VIII. ẢO TƯỢNG CHIẾN TRANH

Thế giới này đã chịu nhiều nỗi đau đớn ê chề vì những việc làm mà ta tin là phải hơn là vì những việc làm mà ta biết là quấy. Những nỗi đau khổ do những kẻ cướp và tội phạm gây ra cho loài người ít hơn là do việc làm quấy của những người lương thiện. Các cuộc Thánh chiến được Giáo hội ban phúc. Các cuộc tra tấn để tìm sự thật không những chỉ dùng cho tội phạm mà cho cả nhân chúng. Các cuộc chiến tranh cũng được những người dân lương thiện coi như những định chế tự nhiên và vô hại trong đời sống văn minh. Những kẻ xấu xa không phải là mối nguy thật sự, nhưng chính những công dân hiền lành, ngoan ngoãn, cần cù và tôn trọng luật pháp đã trở nên điên rồ vì những lý tưởng quốc gia, bởi lẽ quan niệm của họ về điều phải và quấy đã bị hướng dẫn sai lầm một cách cố ý và có hệ thống. Một sự lạm dụng càng ăn sâu vào chế độ xã hội bao nhiêu, thì càng khó mà thức tỉnh lương tri con người chống lại nó bấy nhiêu. Chúng ta phải vững vàng để tiến tới một thế giới không còn chiến tranh. Bản tính nhân loại vốn có những khả năng tính tương lai của nó vẫn chưa được phát hiện. Theo một ý nghĩa nào đó, mặc dầu thiên đường của Chúa sẽ không bao giờ được thể hiện trên trái đất này; tuy nhiên, theo một ý nghĩa khác, nó luôn luôn đang được thể hiện. Chưa bao giờ thế giới hoàn toàn đen tối mặc dù nó chưa đạt đến điểm mà nó phải đi tới. Những tội ác hiện hữu trong bản tính và các cơ cấu của con người đã thiêu đốt thế giới ngày nay cũng sẽ là điềm báo trước một sự tiến bộ xa hơn nữa. Chúng ta phải phát triển ý chí hòa bình và tạo nên những điều kiện mà trong đó chiến tranh chỉ là ảo tưởng, không còn sức hấp dẫn được ai. Bản tính con người vốn bảo thủ và trì trệ. Chỉ có nhu cầu bén nhọn nhất mới thúc đẩy được nó hành động. Nó chỉ biến đổi trong trường hợp sự cần thiết thôi thúc ở cả nội tâm lẫn ngoại cảnh, nhưng thật sự nó có biến đổi. Nếu không thì con người sẽ chỉ là một vật bất động. Không có cái gì quá cơ giã như tâm tính con người. Loài người thì đang trưởng thành chứ chưa phải đã hoàn toàn.

Những quốc gia văn minh đang bắt đầu thừa nhận chiến tranh là phương pháp lỗi thời để giải quyết mọi xung đột. Sự tàn phá do chiến tranh



hiện đại gây nên quá lớn so với những mục đích đến nỗi các lý lẽ và luận cứ mà trước kia người ta dùng để biện minh cho chiến tranh thì ngày nay không thể đứng vững được nữa. Người ta bảo thói quen giết chóc và gây khổ đau là một yếu tố tự nhiên trong con người. Spengler viết: “Người là con thú dữ. Tất cả các nhà mô phạm và đạo đức trong xã hội muốn chối bỏ hình thù ấy cũng chỉ là con thú dữ già nua ghét những con khác vì cuộc tấn công mà họ cố tránh”. Gần đây, trong một cuốn sách nhan đề Chủ nghĩa Quốc gia, tác giả viết: “Sự xung đột không phải là chủ nghĩa quốc gia hay chủ nghĩa dân tộc mà là trong bản tính con người. Niềm hy vọng sẽ có một thời kỳ mà trong đó người ta không tự tổ chức nhau lại thành nhóm cho mục đích tranh đấu với những nhóm khác, có vẻ chỉ là không tưởng” [1]. Loài người không phải là thú dữ thường ăn tươi nuốt sống những con vật yếu kém hơn, cũng không giống như những con vật nguy hiểm. Và lại, hành động của con người phần nhiều là hậu thiên chứ không phải là bản năng. Chính điều này làm

cho con người khác với muôn vật. Hành động của con người có thể thích ứng với hoàn cảnh. Tính hiếu chiến không phải là một thái độ của bản năng nhưng là một tập quán hậu thiên. Xã hội ngày nay muốn rằng chúng ta phải chịu khổ hay chết ngoài chiến trường, cũng như các thời kỳ khác nó đã đòi hỏi người ta phải tự thiêu hay chết dưới xe Jagannath. Chế độ xã hội uốn nắn tâm hồn chúng ta. Người ta sợ xã hội hơn cả sợ đạn đại bác. Muốn đừng sợ, chúng ta phải vượt ra ngoài ước lệ xã hội. Chúng ta cần thay đổi bầu không khí tâm lý.

Trước khi hạ một con thú, người thợ săn viện ra một nhiệm vụ xã hội là cung cấp thực phẩm. Ngày nay người ta không cần đến người thợ săn cho mục đích ấy nữa, thế nhưng sự săn bắn vẫn thịnh hành vì săn bắn để giải trí đã thay thế cho săn bắn để sinh sống. Cũng thế, khi chúng ta bị những kẻ đã man bạo vầy và tấn công thì người chiến sĩ là nguồn hi vọng, nhưng ngày nay chiến tranh còn cần thiết nữa không? Loài người là loài vật duy nhất giết nhau vì những lý do không tưởng, vì quyền sở hữu đất đai, vì tranh nhau một cô gái, vì hư danh, vì đường biên giới ở chỗ này chứ không phải ở chỗ kia v.v... Khi một định chế không còn cần thiết nữa, chúng ta lại tưởng tượng ra một lý lẽ khác để thỏa mãn thị hiếu do thói

quen lâu ngày tạo nên. Chiến tranh đã là trò chơi của các vua chúa và là thể thao của giai cấp thượng lưu mà trong đó phần thưởng là danh vọng và lợi lộc [2]. Chiến tranh tự nó đã trở thành cứu cánh, một trò chơi thích thú, một cuộc đấu tư của các nhà tài phiệt. Những kẻ tham chiến không phải là những người xấu tự tin rằng họ đang là quấy mà là những người lương thiện nghĩ rằng mình đang làm một công việc phải. Chúng nào mà quyền lực và thành công còn được tôn sùng thì truyền thống quân sự, với hình thức kỹ thuật tàn bạo hiện đại, sẽ còn được ưa chuộng. Chúng ta phải thay đổi những giá trị của chúng ta, phải nhận chân rằng bạo lực là một sự bất hạnh phá vỡ xã hội và tìm ra những phương pháp khác để thiết lập các mối bang giao khả quan hơn. Bernard Shaw nhận định rằng trong một xã hội thật sự văn minh sẽ không còn chỗ cho bạo động, bởi vì không một người nào có thể dùng bạo động đối với một người khác. Sự mĩa mai chua chát của chiến tranh là ở chỗ chúng ta tham chiến không phải vì chúng ta là độc ác mà là chúng ta muốn tỏ ra mình tử tế, rộng lượng. Chúng ta tham chiến để cứu vãn nền dân chủ, để đem lại tự do cho thế giới, để bảo vệ đàn bà, trẻ con và gia đình chúng ta. Ít nhất chúng ta tin như thế.

Cũng như chủ nghĩa ăn thịt người, treo cổ tội nhân, đốt sống nữ phù thủy và các cuộc đấu kiếm coi như phản xã hội thì chiến tranh cũng phải được coi là một tội ác khủng khiếp. Chúng ta phải thừa nhận rằng những tiêu chuẩn luân lý cũng phải được áp dụng cho các quốc gia, và những hành động của một cá nhân được xem như tội ác và vô luân, phản xã hội thì không có lý do gì những hành động ấy lại trở nên chính đáng và hợp lý khi chúng được thực hiện bởi nhà nước. Chiến tranh, dù cần thiết đến mấy đi nữa, vẫn là một tội ác, tội sát nhân, trộm cướp do đa số tham dự.

Người ta biện luận rằng có những đức tính quân sự như can đảm, hy xả, trung thành với nghĩa vụ và sẵn sàng hi sinh. Người lính được xưng tụng là vì đại vì tự nguyện phục tùng bộ máy chiến tranh. Mà sở dĩ được như thế là vì chiến tranh được diễn tả bằng những lời lẽ rất kiêu, rất hùng tráng và rất hấp dẫn một cách tưởng tượng. Chiến tranh được xem như một yếu tố cần thiết cho sự tiến bộ và văn minh là nguồn đạo đức và hạnh phúc [3]. Vào buổi đầu, chiến tranh tương đối còn là một sự kiện nhỏ, nó chỉ là một cuộc chiến đấu đơn lẻ như các cuộc đấu quyền thuật. Ở thời Trung cổ người ta theo đuổi nghề nghiệp quân sự và tự bán mình cho các quốc gia kinh địch như những lính đánh thuê tham dự các cuộc chiến không có liên can gì đến họ. Họ phạm tội giết người vì các quốc gia mà họ không mang ân nghĩa gì cả. Nhưng các cuộc chiến tranh hiện đại với những vũ khí man rợ giết người hàng loạt, đa số là dân thường, là một tai họa khủng khiếp giáng xuống đầu một dân tộc. Đàn bà và trẻ con ở trong trận tuyến. Tài phát minh của con người đã tiến từ đá vụn đến thép, từ thép đến thuốc súng, từ thuốc súng đến hơi độc và vi trùng (vũ khí). Chiến tranh trong thế giới máy móc hiện đại là sự đe dọa khủng khiếp cho nền văn minh. Bằng bạo lực vật chất và không ngừng tuyên truyền gây hận thù đối với kẻ địch, chiến tranh đã làm cho tình cảm con người trở nên chai đá. St. Augustine hỏi: *"Người ta lên án chiến tranh vì lẽ gì? Có phải nó giết nhiều người mà một ngày kia đều phải chết?"*

Những người yếu bóng vía – chú không phải những nhà tôn giáo – có thể trách cứ chiến tranh vì lẽ đó. Điều mà người ta lên án chiến tranh là ý muốn hãm hại, lòng thù hận, và ham muốn chiếm đoạt". Trong tác phẩm vĩ đại Chiến Tranh Và Hòa Bình, Tolstoi viết: *"Mục đích của chiến tranh là giết người, dụng cụ của nó là mật thám, là phá hoại dân lành, cướp đoạt của họ để tiếp tế cho quân đội, lừa bịp, dối trá mà người ta kêu là kế sách nhà binh, những thói quen của nghề lính là thiếu tự do, tức là, kỷ luật, lưỡi biếng, đốt nạt, bạo ác, tàn nhẫn, say sưa".* Frederick đại đế viết cho đại thần Podewills: *"Nên là những người thật thà, nhưng nếu cần phải dối trá thì chúng ta sẽ dối trá"* [4]. Không một ai thấy rõ sự sụp đổ toàn diện các tiêu chuẩn, những nỗi đau khổ và khủng khiếp của chiến tranh, những tra tấn cực hình của con người mà lại còn phóng đại chủ nghĩa anh hùng và thắng lợi của chiến tranh. Chiến tranh đã đưa hàng triệu người xuống hố thẳm của chết chóc, hàng triệu gia đình tan hoang. Tất cả tội lỗi đều tập trung trong chiến tranh. Quận công Wellington nói: *"Hãy tin tôi đi, nếu bạn chỉ thấy chiến tranh trong một ngày thôi thì bạn sẽ cầu nguyện đấng tối cao đừng bao giờ cho bạn thấy chiến tranh trong một giờ".* Lão tử nói: *"Một cuộc chiến thắng phải được cử hành theo nghi thức tang lễ"* [5].

Người ta cho chiến tranh là một tội ác không thể tránh khỏi, là một tai họa, một ngọn roi trừng phạt của Thượng Đế, một hiện tượng thiên nhiên cũng như động đất, bão lụt và giông tố, hoàn toàn vô nhân cách (impersnal). Sự xuất hiện của những kẻ dã man cũng giống như cuộc tấn công của đàn châu chấu hay một đám vi trùng dịch tả, chúng ta phải đẩy lùi cuộc tấn công ấy bằng bạo lực. Chiến tranh không phải là hành động của Thượng Đế hay những luật tắc thiên nhiên, mà là do con người gây ra. Chiến tranh chỉ khó tránh khỏi chừng nào mà chúng ta còn coi quyền chính trị là tự nhiên. Nếu những giá trị công bằng và khoan dung phải phụ thuộc vào mục đích quyền lực thì người ta không thể thay thế được "luật rừng rú". Nếu thực tế chính trị có nghĩa là thừa nhận chiến tranh như hiện tượng thiên nhiên thì chúng ta phải vứt bỏ sự tự do của con người. Hòa bình trên trái đất là một niềm tin, một hành động ý chí chống lại quyết định luận.

Có người bảo ta phải dùng lửa để dập tắt lửa khi nhà cháy, nhưng người khác lại chủ trương dùng nước để diệt đám cháy. "Một khẩu súng chỉ có thể tắt họng bởi một khẩu súng khác". Nếu chúng ta tin tưởng ở bạo lực thì chúng ta không thể trách khừ Đức Quốc Xã đã dùng bạo lực một cách chính xác, khoa học và tàn bạo để đập tan ý chí của con người. Nhưng chúng ta có thể đánh bại chủ nghĩa phát xít bằng bạo lực và uy hiếp mà chính nó đã áp dụng? Chúng ta lý luận rằng chủ nghĩa văn minh ngày nay đang bị một chủ nghĩa dã man mới đe dọa và còn khủng khiếp hơn ở quá khứ vì nó được trang bị bằng khoa học và kỹ thuật tiến bộ hơn. Đặc trưng chính của chủ nghĩa mới này là cơ giới hóa xã hội, coi nghệ thuật, văn hóa, khoa học và triết học chỉ là dụng cụ để tranh thủ quyền lực. Chẳng có gì là thiêng liêng cả: đàn ông, đàn bà, trẻ con, gia đình và tôn giáo. Nhà nước được tổ chức như một cộng đồng khổng lồ và thi hành toàn bộ chế độ quân phiệt. Đức Quốc Xã, nơi mà chủ nghĩa quân phiệt là hoạt động chính của nhà nước, là lý luận cực đoan của giáo điều bạo lực. Câu nói cổ

diễn của Lord Baldwin là: "Nếu sự phòng vệ duy nhất còn lại mà bị xâm phạm thì điều đó có nghĩa là chúng ta phải giết đàn bà và trẻ con nhanh hơn kẻ thù nếu chúng ta muốn tự cứu lấy mình. Nếu kẻ thù dùng hơi độc thì chúng ta cũng phải dùng hơi độc. Nếu chúng trưng binh thì chúng ta cũng phải trưng binh, vì muốn đánh bại kẻ thù chúng ta phải làm hết như kẻ thù. Các quốc gia đồng minh phải là những bộ máy chiến tranh toàn diện. Chúng ta quả quyết những nguyên tắc dân chủ, tự do và khoan dung phải tạm thời nhượng bộ. Chúng ta phải dựng lên một chế độ hết như kẻ địch mà ta tỏ ra khinh bỉ. Chúng ta phải chiến đấu với tội ác bằng tội ác, cho đến khi chúng trở thành chính cái tội ác mà chúng ta đang chiến đấu. Không chinh phục được kẻ thù, chúng ta để cho họ tạo nên chúng ta theo hình ảnh của chính họ" [6]. Thông điệp của Staline gọi cho dân Nga cho thấy nguy cơ này: "Không thể đánh bại được kẻ địch nếu chúng ta không căm ghét chúng đến tận xương tủy của chúng ta." Chúng ta có những hoài bão khác với kẻ thù nhưng lại áp dụng những phương pháp tương đương. Chúng ta tin rằng chúng ta có thể dùng sự căm ghét để phát triển tình thương, và cưỡng bách toàn diện để tăng thêm tự do. Đó là sự cạnh tranh nhau của tàn nhẫn và bất công, nhưng, chung cục, tất cả những điều đó sẽ làm cho tâm hồn trở nên bệnh hoạn và không có cách nào chữa được. Thomas Aquinas nói: *"Dù là mục đích tốt đẹp ta cũng phải theo những đường lối chân chính, chứ không phải đường lối xấu xa"*.

Nếu chúng ta khích động tinh thần căm phẫn hận thù để chiến thắng thì đến khi kiến tạo hòa bình thì chúng ta cũng không thể gạt bỏ tinh thần ấy ra một bên. Người ta lí luận rằng vì để đánh bại kẻ thù chúng ta hãy tạm quên lí tưởng của chúng ta và khi trật tự được văn hồi chúng ta sẽ khôi phục lí tưởng ấy: đó là một lỗi lầm thảm hại. Nếu ta áp dụng những biện pháp của kẻ địch để đánh bại họ và, để chiến thắng trên trận địa. Nếu ta phản bội lí tưởng của ta thì truyền thống văn minh cũng bị phản bội. Chiến tranh làm bùng cháy những dục vọng của chúng ta, hâm nóng sự mừng rỡ tượng khiến ta trở nên cuồng nhiệt, và trong trạng thái chiến tranh không một sự dàn xếp hợp lí nào có thể đạt được. Trận chiến thứ nhất mặc dầu thắng trên chiến trường nhưng đã thua trong lâu đài Versailles. Trong các cuộc nghị hòa, trước điều ước Versailles. Lloyd George gửi cho Clemenceau một bức giác thư, sau được in vào cuốn sách của ông ta nhan đề là "Sự thật về điều ước hòa bình" trong đó ông ta đã viết như sau: "Các ngài có thể chiếm đoạt hết các thuộc địa của nước Đức, giảm quân đội của nó xuống chỉ còn một lực lượng cảnh sát, hay hải quân của nó xuống hàng một cường quốc thứ năm, tất cả không có gì thay đổi, cuối cùng nước Đức cảm thấy đã bị đối xử một cách bất công trong hòa bình 1919 nó sẽ tìm cách lấy lại những cái mà những kẻ chiến thắng đã cưỡng đoạt của nó. Cái ấn tượng giết chóc trong 40 năm trời đã in sâu vào lòng người và sẽ không phai mờ với những năm được đánh dấu bởi trận đại chiến kinh hồn. Vậy thì sự duy trì hòa bình sẽ dựa trên căn bản không có những nguyên nhân khích nộ luôn luôn khuấy động tinh thần yêu nước, yêu công lí và tinh thần võ hiệp. Nhưng người ta sẽ không bao

giờ quên và tha thứ sự bất công và kêu căng biểu hiện trong giờ phút chiến thắng" [7]. Điều ước Versailles không có một tí trách nhiệm nào đối với những biến sự xảy ra sau đó. Trong những sách lược ngoại giao tiếp theo, sự chán nản và thất vọng của một vài quốc gia, sự nghi kỵ và sợ hãi những người khác đã tạo nên một tình hình căng thẳng và cuối cùng, các nhà lãnh đạo quốc gia đã mất bình tĩnh xô đẩy thế giới đến vực thẳm chiến tranh. Chúng ta có thể thắng cuộc chiến này nhưng chúng ta sẽ có đạt được hòa bình không?

Lại nữa một cuộc tranh chấp được giải quyết bằng vũ lực thì nó được giải quyết đúng cách không? Hề bên nào có nhân lực, tài lực và súng đạn nhiều nhất sẽ thắng. Điều đó không có nghĩa là họ có chính nghĩa mà chỉ có nghĩa là quân lực của họ hùng mạnh hơn. Chiến tranh không giải quyết được bất cứ vấn đề gì trừ có một điều là bên nào mạnh hơn. Những kẻ muốn trở thành bá chủ thế giới có trong tay một nền văn minh máy móc và kỹ thuật mới, và dùng nó cho những mục đích gian ác, lại nguy trang như những kẻ nhiệt thành tận tụy và yêu chuộng tự do.

Nếu chiến tranh là một đặc điểm thường xuyên trong đời sống quốc tế, nếu chúng ta luôn luôn sống trong trạng thái chuẩn bị và khủng hoảng, thì văn minh sẽ là một sự hắc ám thường xuyên. Những nỗ lực chiến tranh không phải là một giải pháp cho các nhu cầu của con người. Trái lại, nó chỉ mang cho nhân loại những khổ đau và thảm họa không thể tả xiết.

(còn tiếp)

Chú thích:

[1] P. 335

[2] Trong cuốn: "The Rise of European Civilization" Charles Seignobos nói: "Các nhà quý tộc (ở thời Trung Cổ) không coi chiến tranh là một tai họa nhưng là một trò giải trí; không, hơn thế nữa, một cơ hội trở nên giàu có bằng cách cướp đoạt đất đai của kẻ địch, hay bắt cầm tù để đòi thực mạng. Để thay cho chiến tranh, đôi khi một cuộc đua tranh giữa các nhà quý tộc trong cùng một xứ được sắp đặt trước. Đây là hình thức chính của cuộc đấu võ trong đó cả hai bên chiến đấu với những vũ khí giết người, họ cầm tù người thua trận để đòi tiền chuộc mạng."

[3] Cp. Treitschke: "Chỉ một số ít người ào tưởng khiếp nhược mới nhắm mắt trước sự huy hoàng của Cựu Ước đã ca ngợi vẻ đẹp của một cuộc Thánh Chiến, chính nghĩa v.v... một dân tộc cứ mơ ước hào huyền một nền hòa bình vĩnh cửu sẽ tự cô lập hóa và suy đồi đến phải tiêu diệt v.v... Nếu bảo rằng chiến tranh vĩnh cửu phải được loại trừ khỏi thế gian thì đó chỉ là niềm hi vọng không những vô lý mà còn phi đạo đức. Nếu không có chiến tranh, những năng lực cao cả của linh hồn con người sẽ bị tiêu hao và cả thế giới sẽ là một ngôi đền thờ chủ nghĩa vị kỷ." Thus Spake Germany, Coole and Potter (1941), pp. 59-60.

[4] X. 25. cp. Frederik the Great: "Phương pháp chắc chắn nhất để che giấu một bí mật của người cần quyền là bên ngoài phải tỏ ra hòa bình, chờ khi nào thuận tiện sẽ thực hiện ý đồ bí mật của mình".

[5] Đạo Đức Kinh XXXI.

HƠI THỞ, ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÁNH NIỆM

Thích Nguyên Tạng

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trưa Chủ Nhật ngày 30/1/2022, chúng con hàng đệ tử xuất gia và tại gia thuộc Tu Viện Quảng Đức, thành phố Melbourne, Úc Châu, đã trang nghiêm chí thành tổ chức lễ Tưởng Niệm Sư Ông Làng Mai, ngõ hầu đáp đền phần nào công ơn giáo dưỡng của Người đối với Đạo Tràng Quảng Đức chúng con.

Thầy Viện Chủ Thích Tâm Phương từng có duyên tháp tùng cùng Sư Ông trong chuyến hành hương chiêm bái Phật tích Ấn Độ vào năm 1988, cũng trong dịp này, Ngài được Sư ông giao trách nhiệm cạo tóc cho Sư Cô Chân Không trên Linh Thứu Sơn, sau khi đã được Sư Ông làm lễ sái tịnh thể phát xuất gia. Những năm sau đó, Thầy Viện Chủ cũng có nhiều dịp theo thọ Pháp với Sư Ông ở Làng Mai Pháp Quốc và Thái Lan. Đặc biệt cuối cùng Thầy Viện Chủ cũng lại có duyên được về Tổ Đình Từ Hiếu dự lễ tang và phụng tống Kim quan của Sư Ông đến nơi trà tỳ.

Bản thân con, dù chưa có duyên gặp Sư Ông, nhưng đã thọ ơn và học hỏi rất nhiều qua những kinh sách của Sư Ông. Trong buổi giảng cho lớp bậc Lục 1 Gia đình Phật tử VN Hải Ngoại trên Google Meet online ngày Chủ nhật 13/12/2020, con có thưa rõ một điều mà ai cũng thừa nhận, là tất cả thể hệ Tăng Ni và Phật tử VN từ thập niên 50 trở đi, đều thọ ơn giáo dưỡng trực tiếp hoặc gián tiếp từ Sư Ông Làng Mai.

*"An giáo dưỡng khai mầm tuệ giác
Nghĩa Tôn sư thập sáng đạo mầu".*

Rõ ràng Sư Ông là một người có công đặt nền móng cho nền giáo dục PGVN qua Đại Học Vạn Hạnh, làm chủ bút Nguyệt san Phật giáo Việt Nam và Tuần san Hải Triều Âm, mở nhà in Lá Bối, thành lập Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, Dòng tu Tiếp Hiện và tổ chức Phật Giáo Dẫn Thân. Sư Ông là một nhà văn hóa, một nhà văn, một nhà thơ, một học giả, một sử gia, một nhà hoạt động hòa bình, nhưng quan trọng nhất Sư Ông là một nhà Phật học lỗi lạc, để lại phía sau mình 120 tác phẩm giá trị, hàng ngàn bài pháp thoại cùng những bài kệ sám tụng niệm mỗi ngày do Sư Ông biên soạn, đã ảnh hưởng sâu rộng trong mọi tầng lớp Tăng Ni và Phật tử VN.

Riêng con tâm đắc nhất là các bộ sách: Đệ Hiếu Đạo Phật, Hoa Sen Trọng Biển Lửa, Đạo Phật Hiện Đại Hóa, Nẻo Về Của Ý, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Đường Xưa Mây Trắng, Trái Tim Mặt Trời, Phép Lạ của Sự Tỉnh Thức, Thi Kệ Thực Tập Chánh Niệm, Nghi Thức Nhật Tụng Thiền Môn 2000, đặc biệt nhất là Kinh Quán Niệm Hơi Thở,

do chính Sư Ông Làng Mai khám phá và dịch từ Kinh tạng Pali: "Anapanasati Sutta", và "Kinh Nhập Tức Xuất Tức Niệm" (dịch từ Hán Tạng).

Sư Ông tuyên bố "đã tìm ra kho báu giác ngộ" sau khi dịch xong bản Kinh này, gồm 16 phép quán chánh niệm theo hơi thở mà Đức Thế Tôn đã tuyên thuyết tại Tịnh Xá Kỳ Viên Cấp Cô Độc. Kinh này cũng tìm thấy trong Trung Bộ Kinh số 118 (Majjhima Nikàya) và các Kinh số 815, 803 và 810 của bộ Tạp A Hàm, 99 Tạng Kinh Đại Chánh).

Theo lời dạy của Sư Ông Làng Mai thì Kinh Quán Niệm Hơi Thở, được sử dụng như là một sợi dây có công năng nối kết thân tâm lại một mối. Hơi thở là một khí cụ vi diệu giúp hành giả thiết lập chánh niệm và an trú thân tâm vững chãi trong giây phút hiện tại, để tiếp xúc với sự sống màu nhiệm đang có mặt trong ta và quanh ta. Chánh niệm giúp ta biết được những gì đang xảy ra bên trong hay ngoài thân ta.

Do đó Kinh Quán Niệm Hơi Thở có công năng hướng dẫn hành giả đạt tới khả năng nuôi dưỡng, trị liệu, chuyển hóa và cuối cùng đạt tới giác ngộ, giải thoát tự thân ngay trong kiếp sống hiện tại.

Từ lời dạy căn bản của Đức Thế Tôn trong Kinh này:

- Thở vào, tôi biết đây là hơi thở vào
- Thở ra, tôi biết đây là hơi thở ra
- Thở vào một hơi dài hoặc một hơi ngắn hành giả biết rằng hơi thở của mình dài hay ngắn
- Thở ra một hơi dài hoặc một hơi ngắn hành giả biết hơi thở của mình dài hay ngắn
- Thở vào tôi ý thức được toàn thân tôi
- Thở ra tôi biết hình hài tôi có đó... v.v...

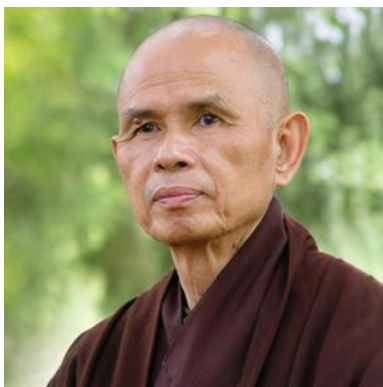
Sư Ông Làng Mai đã biên soạn thành 16 bài thực tập quán niệm hơi thở qua Tứ Niệm Xứ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp theo ngôn ngữ hiện đại để giúp hành giả dễ tiếp thu và thực tập như: Nhận diện hơi thở vào / ra; Theo dõi hơi thở dài / ngắn; Nhận diện sự có mặt của toàn thân; Buông thư, làm lắng dịu toàn thân v.v...

Rồi Sư Ông viết những bài kệ để triển khai rộng hơn về cốt tủy của Kinh này để người học dễ nhớ và áp dụng:

*Thở vào tâm tĩnh lặng
Thở ra miệng mỉm cười
An trú trong hiện tại
Giây phút đẹp tuyệt vời.*

Khi đi thiền hành, chúng đệ tử có thể thực tập theo bài này:

"Đã về



*Đã tới
Bây giờ
Ở đây
Vững chãi
Thành thơi
Quay về
Nương tựa
Nay tôi đã về
Nay tôi đã tới
An trú bây giờ
An trú ở đây
Vững chãi như núi xanh
Thành thơi dường mây trắng
Cửa vô sinh mở rồi
Trạm nhiên và bất động"*

Trưa ngày 22/1/2022 nhiều tờ báo lớn Phương Tây như Washington Post, New York Time (USA), The Guardian (Anh), Sydney Morning Herald (Úc) đều đưa tin "Thiền Sư Nhất Hạnh, người cha đẻ của Thiền Chánh Niệm (Thích Nhất Hạnh: 'Father of mindfulness') đã an nhiên viên tịch tại Thất Lăng Nghe, Tổ đình Từ Hiếu, cố đô Huế, Việt Nam, trụ thế 96 tuổi."

Sở dĩ Sư Ông Làng Mai được người Tây Phương tôn vinh Ngài là "Cha đẻ của Chánh niệm", chỉ vì trong gần 40 năm sống xa quê hương, Sư Ông là người tiên phong đem pháp môn Chánh niệm tinh thức truyền dạy cho xã hội Tây phương. Có thể nói là hàng triệu người trên thế giới đã thừa tư lợi ích từ việc thực tập theo pháp Thiền quán niệm hơi thở của Sư Ông.

Như Đức Thế Tôn ngày xưa, lời dạy của Sư Ông là đến để thấy, hiểu và thực hành chứ không phải đến để tin. Sư Ông dạy: "Mỗi hơi thở, mỗi bước đi của chúng ta có thể lấp đầy bởi bình an, hạnh phúc và sự thanh thản". Sư Ông nhắc nhở rằng, hơi thở là người bạn quan trọng và trung thành nhất của chính mình, phải biết trân quý hơi thở, duy trì sự thực tập có mặt với hơi thở trong mỗi phút giây của đời sống. Sư Ông đã nói rõ điều này:

*"Mỗi phút một viên ngọc quý
Tóm thâu đất nước trời mây
Chỉ cần một hơi thở nhẹ
Là bao phép lạ hiển bày"*

Có lẽ lời dạy của Sư Ông Làng Mai về hơi thở được mọi người trân quý và xem trọng nhiều hơn, sau khi một tai nạn hy hữu xảy ra cho đội bóng thiếu niên gồm 12 bé trai (tuổi từ 11 đến 16) và huấn luyện viên 25 tuổi suýt chết trong hang động ở Thái Lan vì nước ngập và thiếu oxy, cả quốc gia phải cầu nguyện và chạy đua với thời gian để cứu hộ các em.

Câu chuyện bắt đầu vào ngày 23 tháng 6 năm 2018, một nhóm 12 cậu bé từ một đội bóng đá, cùng với huấn luyện viên của họ vào tham quan và bị mắc kẹt trong hang động Tham Luang Nang Non ở tỉnh Chiang Rai của Thái Lan, sau khi mưa lớn làm ngập một phần hang động. Họ đã được báo cáo mất tích sau một vài giờ, và các hoạt động tìm kiếm đã được bắt đầu ngay lập tức. Mặc dù đồ đạc được tìm thấy đã xác nhận rằng nhóm có khả năng ở trong hang, nhưng những nỗ lực để xác định vị trí của họ bị cản trở bởi mực nước dâng cao, không thể vào bên trong hang và không thể liên lạc với họ trong hơn một tuần. Nỗ lực cứu hộ mở rộng thành một hoạt động lớn do chính phủ Thái, trong bối cảnh truyền thông đưa tin dày đặc

và sự quan tâm của công chúng Thái Lan. Sau khi cố gắng vượt qua các lối hẹp và nước bùn, các thợ lặn phát hiện ra những người mất tích, tất cả đều sống trên một tảng đá cao ở vị trí cách miệng hang động khoảng 4 km theo đường chim bay, lúc đó là ngày 2 tháng 7, hơn chín ngày sau khi họ mất tích. Để rời khỏi hang động, họ có thể cần phải học cách lặn hoặc chờ vài tháng để lũ lụt rút đi. Hơn 1.800 người đã tham gia vào hoạt động cứu hộ, bao gồm lực lượng đặc nhiệm SEAL của hải quân Thái Lan cũng như các đội và tình nguyện viên đến từ Anh Quốc, Trung Quốc, Myanmar, Lào, Úc, Hoa Kỳ, Nhật, Nga, Phần Lan, Hà Lan, Bỉ, Đan Mạch, Thụy Điển, Đức, Ukraina, Israel, Ấn Độ, Séc, Canada, Philippines. Một cựu sĩ quan hải quân Thái Lan 38 tuổi thuộc lực lượng thợ lặn cứu hộ đã tử vong lúc 1 giờ sáng ngày 6/7/2018 vì thiếu dưỡng khí. Cuối cùng hoạt động giải cứu chính thức từ 8 tháng 7 năm 2018, chia làm 3 đợt trong 3 ngày liên tiếp. mỗi đợt có khoảng 90 đến hơn 100 nhân viên cứu hộ Thái Lan và quốc tế tham gia, trong đó bao gồm 18 hay 19 thợ lặn chính (phần lớn của nước ngoài) có nhiệm vụ trực tiếp đưa các em ra ngoài. Đến ngày 10 tháng 7 năm 2018, toàn bộ 13 thành viên của đội bóng nhí Thái Lan đã được giải cứu thành công.

Con nhớ trong một bài giảng Sư Ông dạy cách trở về hơi thở để vượt qua cơn giông tố của cuộc đời. Khi cơn bão tấn công, ta đừng chú ý đến nhánh cây, đợt cây trên cao mà đưa mắt nhìn xuống thân cây và gốc cây ở dưới cùng, điều đó sẽ giúp cho ta có cảm giác an tâm hơn. Vì thân cây và gốc cây đang đứng vững nhờ rễ cây cắm sâu vào lòng đất, cây sẽ không bị cơn bão quật ngã, trái lại nếu cứ chú tâm lên đợt cây thì lo lắng sợ hãi cây sẽ gãy đổ vào bất cứ lúc nào. Con người cũng vậy, rất dễ bị những bão tố cảm xúc tấn công và hủy diệt. Về thân, gốc của thân là nằm ở huyết Đan Điền (dưới lỗ rốn 3cm) đó là "ruộng trồng thuốc", là nơi tàng trữ chân khí và là nguồn sống của con người, nếu thở đúng cách sẽ giúp cho sức khỏe của con người được cải tử hoàn sinh, trường sinh bất lão. Sư Ông dạy mỗi khi bị giông tố cảm xúc (tham, sân, si...) tấn công, ta đừng bám trụ quanh quần ở vùng não bộ và trái tim, mà hãy chú tâm và đưa hơi thở xuống huyết Đan Điền. Hãy chánh niệm tỉnh giác, ngồi thẳng kiết già, hít sâu vào bằng mũi, bụng phình lên, và thở mạnh ra bằng miệng bụng xẹp xuống, khí ở đầu thì ý ở đó. Cứ thở theo nguyên tắc "Sâu, dài, đều đặn và nhẹ nhàng", chỉ cần hít thở khoảng 15, 20 phút thì cơn bão cảm xúc sẽ đi qua dễ dàng như chưa từng có gì xảy ra. Về tâm cũng vậy, ta hãy chú mục vào Tạng thức ẩn tàng bên dưới khi bão tố tâm lý đến, ta không cứ chạy theo ý thức và cảm thọ bên trên, hãy lập tức nắm lấy hơi thở và an trú nơi hải đảo Tam Bảo với bài Thần chú này:

*Quay về nương tựa
Hải đảo tự thân
Chánh niệm là Bụt
Soi sáng xa gần
Hơi thở là Pháp
Bảo hộ thân tâm
Nằm ẩn là Tăng
Phối hợp tinh cần
Thở vào thở ra
Là hoa tươi mát
Là núi vững vàng*

*Nước tĩnh lặng chiếu
Không gian thênh thang.*

Lời kết:

Con rất thích câu kệ của Sư Ông Làng Mai mà con thường nhắc nhở chúng đệ tử Tu Viện Quảng Đức qua các bài pháp thoại trong thời gian cách ly dịch bệnh vừa qua:

*Thất niệm là bóng đêm
Chánh niệm là ánh sáng
Đưa tỉnh thức trở về
Cho thể gian tỏ rạng.*

Chúng ta luôn sống trong bóng đêm của thất niệm vọng tưởng điên đảo, phải sớm đi ra để vào vùng ánh sáng chánh niệm, muốn chánh niệm phải trở về với tỉnh thức, muốn tỉnh thức phải quay về với hơi thở. Cuối cùng hơi thở vẫn là chiếc chìa khóa vàng cho hành giả mở tung cánh cửa ngục tù vô minh, xiềng xích giam hãm chúng ta lâu nay. Đơn giản, một khi hành giả an trú vào hơi thở, theo dõi và làm chủ hơi thở, sống trong giây phút mẫu nhiệm hiện tiền rõ biết. Đó là lúc tâm ta hoàn toàn rộng lặng, vô niệm, không tán loạn, không vọng tưởng điên đảo, mà không vọng tưởng thì không tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì không còn bị nghiệp dẫn dắt đi luân hồi tái sanh, nên ngay đó ta đạt đến chỗ vô sanh, mà vô sanh là Niết bàn, giải thoát. Đây là điểm đến cuối cùng của hành giả trong đời này, và cũng là tim óc của Sư Ông Làng Mai, suốt cả một đời luôn kêu gọi mọi người hãy thở và cười:

*Thức dậy thở và cười
Mỗi giây thở và cười
Mỗi phút thở và cười
Ta có nụ cười vui.*

*Sáng dậy thở và cười
Trưa đến thở và cười
Tối về thở và cười
Ta có một ngày vui.*

Mọi người hãy thở và cười, vì đó là đường dẫn đến chánh niệm, nên móng của giác ngộ và giải thoát.

Chúng con thành kính dâng lễ niệm ơn Sư Ông đã thị hiện và giáo hóa cho hàng đệ tử Việt Nam và thế giới gần một thế kỷ qua, nguyện cầu Giác linh Sư Ông cao đăng Phật quốc và sớm tái sanh trở lại thế giới Ta Bà để tiếp tục công cuộc hoằng Pháp lợi sanh.

Nam Mô Ma Ha Tỷ Kheo Bồ Tát Giới
thượng Nhật hạ Hạnh Giác Linh
Tôn Sư tác đại chứng minh.
*Viết tại Tu Viện Quảng Đức ngày
30/01/2022*

Thích Nguyên Tạng

ĐÔI DÒNG TÂM SỰ VUI

Kính tặng nhà thơ Áo Nâu

*Sáng hôm nay lòng tôi vui chi lạ,
Nhắc phôn lên nói chuyện với thiền sư,
Đâu kia phôn, giọng nói thật hiền từ,
Vừa hỏi: có chi lạ không anh nhỉ?
Giọng nói vừa thanh thanh, vừa thiện ý...
Trong lòng tôi vừa vui và thâm nghĩ:
Có khi nào được giây phút gặp nhau?
Trước mắt tôi và ý nghĩ trong đầu,
Và có thể tưởng chừng như hiển hiện,
Bóng thiền sư đối diện với riêng tôi,
Trong phôn, tôi nghe giọng nói tiếng cười,
Chính đây cũng là người từng quen biết,
Cũng đã từng trao đổi bài viết cho nhau,
Tôi và thiền sư ý hợp tâm đầu,
Tôi đã từng phê bình và đặt hiệu:
Chính danh xưng hiệu: Thi sĩ Áo Nâu,
Danh hiệu này tôi kính tặng từ lâu,
Nay hầu chuyện tôi tưởng như mới gặp,
Nói chuyện phôn vô cùng thật chặt,
Tình thầy trò, tình thi hữu với nhau,
Tâm tình qua phôn tưởng cũng đã lâu,
Kính xin gác máy lần sau nói tiếp.
Kính thăm tạ, thiền sư cùng bái biệt.*

LAM NGUYỄN

Seattle, Quý hạ Nhâm dần – July 31th, 2022



ẢNH HƯỞNG ĐẠO PHẬT TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

Quách Tấn

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Hàn Mặc Tử rất chú trọng về âm nhạc và màu sắc. Đó chính vì tâm hồn Tử có nhiều trạng thái cá biệt, nhiều khi rất bí ẩn u huyền; để diễn tả, phải dùng màu sắc, hình ảnh và âm nhạc—nhất là âm nhạc, vì chỉ có âm nhạc mới diễn tả nổi những cái sâu xa, thẳm kín, những cái tế nhị, u ẩn của một tâm hồn.

Nhiều khi Tử phải bỏ nghĩa thông thường của chữ, bỏ cả văn phạm của câu, để cho thanh âm tiết tấu phù hợp với những biến

chuyển, những rung động, những xao xuyến của tâm hồn—một tâm hồn menh mông và đối với chúng ta có phần xa lạ—mà vẫn tự chính xác nhiều khi không diễn tả được thấu đáo, không diễn đạt đúng ý muốn của người thơ. Cho nên xem thơ Hàn Mặc Tử, nhiều khi không nên chấp ở chữ mà hại lời, không nên chấp ở lời mà hại ý. Và muốn nhận thức tinh ý trong thơ được đầy đủ, thì phải thường thức nhạc thơ trước nhất, vì trong thơ Tử, nhạc đi trước mà ý theo sau, và có khi ý không ở trong lời mà ở trong nhạc.

Trong tâm hồn Tử, không có những bức thành kiên cố ngăn cách tôn giáo của mình và tôn giáo của người, nhất là đối với Phật giáo. Vì không có những bức thành kiên cố ngăn cách giữa tôn giáo mình và tôn giáo người, nên Tử đã đi tìm nguồn cảm hứng trong Đạo Bồ Đề. Và mặc dù tự xưng mình là "Thi sĩ của đạo quân Thánh Giá," Tử vẫn không ngần ngại đem những từ ngữ, những hình ảnh của Phật giáo và dùng trong văn thơ mình, dùng cả vào trong những bài có tinh thần Thiên Chúa giáo nhiều nhất. Như bài Thánh Nữ Đồng Trinh là một.

Bài này Là những lời Tử dâng lên Đức Maria để ca ngợi "ơn phước cả," mà Thánh Nữ đã ban cho Tử trong "cơn lâm lụy." Trong bài có những chữ "Từ Bi," "ba ngàn thế giới," là chữ của nhà Phật, dùng một cách sướng khoái:

*Lạy Bà là Đấng tinh truyền thánh ven
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi
Tôi ưa nhìn Bắc đẩu rạng bình minh
Chiều cùng hết khắp ba ngàn thế giới.*

Hai chữ "Từ bi," còn thấy dùng trong nhiều bài khác:

Thơ tôi thường huyền diệu

Mọc lên đạo từ bi

(Cao Hứng)

Trời từ bi cảm động ứa sương mờ

Sai gió lại lay hồn trong kẻ lả

(Hãy Nhập Hồn Em)

Nhiều từ ngữ khác của Phật giáo, như "hằng hà sa số," "mười phương" cũng thường gặp trong thơ Tử:

Mây vẽ hằng hà sa số lệ

Là nguồn ly biệt giữa cỏ đơn

(Cuối Thu)

Đóng cửa mười phương lại

Đón ánh sáng vào đây

(Điềm lạ)

Trời như hộp phải hơi men ngan ngắt

Đằm muôn nghìn tinh lạc xuống mười phương

(Nguồn thơm)

Nhưng đó chỉ là những dấu tích bên ngoài. Trong thơ Hàn Mặc Tử có nhiều bài chịu ảnh hưởng cả hình thức lẫn tinh thần Phật giáo:

Bay từ Đạo Lý đến trời Đâu Suất,

Và lùa theo không biết mấy là hương.

(Phan Thiết)

Trở lại trời tu luyện với muôn đêm,

Hóp tinh khí lâu năm thành chánh quả.

(Phan Thiết)

Ngoài những ngôn ngữ phổ thông của nhà Phật, như "thành chánh quả," "sông Hằng," Tử vãi tung thơ lên tận sông Hằng (Phan Thiết). Ngoài những hình ảnh đẹp để của trời "Đạo Lý," trời "Đâu Suất"—những cõi Phật xa xăm, đầy nhạc, đầy hương, đầy ánh trắng—chúng ta nhận thấy trong bài Phan Thiết, thuyết nghiệp báo và thuyết luân hồi được thi vị hóa một cách tài tình: con chim Phụng Hoàng vì Sân Si mà phải đoạn, và khi trở lại trời tu luyện thành chánh quả rồi, mà vì tập khí chưa tiêu trừ trọn vẹn, nên phải trở xuống trần gian, "nơi đã khóc đã yêu đương da diết" để mà "chôn hận nghìn thu" và "sầu muôn ngắt ngư."

Trong bài Phan Thiết, chúng ta còn nhận thấy rằng Hàn Mặc Tử đã nhìn đời bằng con mắt giác ngộ: những hiện tượng trong cõi đời này đều là những tưởng ảo hóa:

Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao,

Trăng tan tành rơi xuống một củ lao

Hoá đại điện đã rất nên tráng lệ

(Phan Thiết)

Và cõi đời này—mà Phan Thiết là tương trưng—là nơi đau khổ, là nơi “chôn hận nghìn thu”, là nơi “sầu muộn ngất ngư”. Vì nhận biết cõi đời là giả tạo, là nơi khổ lụy, Tử đi tìm nơi giải thoát và đã tìm thấy Cực Lạc Quốc Độ của Phật A Di Đà.

Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền
(Ngoài vũ trụ)

Cả trời bổng nổi lên muôn điệu nhạc
Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác
Rất phương phi trên hết cả anh hoa
(Ra đời)

Vì muôn kinh dồn dập cõi thơm tho,
Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo
(Đêm xuân cầu nguyện)

Những “ánh sáng vô cùng” “sáng láng cả mọi miền”, những tiếng “nhạc thiêng liêng dồn đôn khắp hư linh”, những điệu nhạc “rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác” những “cây bằng gấm và lòng sông bằng ngọc”, ở trong Tử là vang bóng của “vô lượng quang” của “thiên nhạc”, của “hoa sen đủ màu sắc và đủ hào quang mọc trong ao Thất bảo” trên thế giới Cực Lạc mà Tử đã nhìn qua kinh A Di Đà.

Tinh thần Phật giáo còn ảnh hưởng trong nhiều văn thơ của Tử, nhưng nhiều khi hoặc quá tiềm tàng, hoặc bị hình ảnh thơ lẫn đi, nên chúng ta không thấy nếu chúng ta không chú ý, không lưu tâm. “Ôi trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của Người sao? Lòng vô lượng đây không phải do phép màu nhiệm, của Đấng Vô Thi Vô Chung?” (bài tựa Xuân Như Ý). Đó chẳng phải là chữ Tâm được thị vị hóa bằng những hình ảnh tượng trưng? Hàn Mặc Tử đã xác nhận tính chất vô thi vô chung của Tâm (lòng vô lượng), mà biểu hiện mẫu nhiệm là Mùa xuân thơm tho, trong đẹp, tràn lan khắp không gian (trời muôn trời) chen lẫn vô tận hồn tạo vật, và tồn tại cùng thời gian (năm muôn năm). Nhưng vì là một tín đồ Thiên Chúa Giáo, Tử đã quan niệm cái Tâm bất sanh bất diệt là Đấng Vô Thi Vô chung, và coi những hiện tượng do “lòng vô lượng” đã “đưa ra” kia là “công trình châu báu” của Đức Chúa Trời, nên Tử “cao rao danh Cha cả sáng.” Như thế Hàn Mặc Tử có phải là một nhà thơ của đạo Thiên Chúa? Nghĩa là Tử phải có một tín đồ dùng thơ để phụng sự tôn giáo mình? Thưa không phải. Tử tìm vào Đạo - Đạo Thiên Chúa cũng như Đạo Phật chỉ để tìm nguồn cảm hứng, để tìm nguồn an ủi khi bị tình đời phụ rẫy hoặc thể xác dày vò. Lý tưởng chính của Tử là Thơ. Tôn giáo chỉ là những yếu tố phụ vào để làm cho thơ thêm giàu sang và trọng vọng. Do đó nhiều khi bị hứng thơ lôi cuốn, Tử đã thốt ra những lời có thể gọi là “phạm thượng” đối với những Đấng Thiêng Liêng mà Tử phụng thờ. Ví dụ đương quỳ trước Thánh Nữ Maria để ca ngợi ơn cứu nạn, mà Tử dám nói:

Tôi cảm động rung rung hai hàng lệ;



HÀN MẶC TỬ (1912—1940)

Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ
Bút tôi reo như châu ngọc đèn vua

Thật chẳng khác nào đứng nói cùng một người ngang hàng ngang lúa hoặc Nàng Thơ! Thậm chí trong khi cầu nguyện lúc đêm xuân, mà chàng vẫn để tứ thơ ngang tàng theo húng:

Ta chấp tay lạy quỳ hoan hảo,
Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian,
Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế
(Đêm xuân cầu nguyện).

Nghĩ đến những gì “giàu sang hơn Thượng Đế,” Tử biết là một tội lỗi lớn, nên tiếp đó chàng van lơn thăm nguyện:

Tôi van lơn, thánh nguyện Chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối
Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi

Lời xưng tội vẫn không thật nghiêm trang thành kính! Trong khi viết những lời tạ tội, Tử đã nghĩ đến thơ nhiều hơn nghĩ đến Chúa, mặc dù Tử luôn luôn thờ Chúa trên thơ.

Còn đối với Đạo Phật? Hàn Mặc Tử đi vào Đạo Tử Bi không phải để tu, mà cũng không phải để tìm hiểu những gì cao siêu huyền diệu. Tử vào Đạo Tử Bi cũng như một lãng nhân vào vườn hoa nghìn hương muôn sắc. Vào không phải với mục đích của nhà vận vật học hay nhà làm vườn, mà vào với tấm lòng con nhà nghệ sĩ khoáng đạt phong lưu. Vào để thưởng thức những cái Đẹp khác thường vừa giàu sang vừa thanh thoát. Hoa có bao nhiêu hương giống, cũng không cần biết. Vườn hoa có tự bao giờ và rộng đến đâu, cũng không cần biết nốt. Mà chỉ biết rằng có nhiều hương lạ, nhiều sắc lạ, và chỉ biết trải lòng mệnh mông. Rồi những gì đã thấm vào tâm khảm thỉnh thoảng trào ra ngọn bút những lúc Thơ về, khi thì đượm đà, khi thì phảng phất, khi thì hiển hiện, khi thì ẩn tàng và tràn ra một cách tự nhiên, khiến lắm lúc nhà thơ rường rặng đó là do mình sáng tạo ra chớ không ngờ rằng mình đã chịu ảnh hưởng.

Và tất cả những gì đã thâm nhập được trong tôn giáo, trong Phật giáo, cũng như trong Thiên Chúa Giáo—một khi đã vào thơ Tử thì không còn giữ nguyên chất, vì đã bị tâm hồn Tử biến thể, pha trộn theo quan niệm và sở thích của mình. Tử thường nói cùng bạn rằng: “Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để làm thơ mà thôi. Tôi dung hòa cả hai thể văn và tôn giáo: Thiên Chúa và nhà Phật. Đó chính là muốn làm giàu cho nền văn chương chung.”

Bởi vậy, khi đọc Hàn Mặc Tử, chúng ta nên mở tấm lòng cho rộng rãi, đừng chấp về mặt tư tưởng cũng như về mặt ngôn từ, thì mới dễ cảm động cùng con người thơ phức tạp, mới tận hưởng được tất cả những gì sâu kín ẩn khuất dưới những hàng mây ráng lung linh.

(Nha Trang, mùa xuân Tân Sửu, 1961)

GẦN PHẬT VÀ XA PHẬT

Ở trong tịnh xá Kỳ Hoàn
Nơi thành Xá Vệ hương ngàn thên thang
Cỏ cây rục rờ ánh vàng
Phật ngồi thuyết pháp cho hàng chư Thiên.
Bấy giờ ở nước kế bên
Hai thầy tu nọ lòng riêng ước thâm
Mong sao gặp Phật một lần,
Rủ nhau đi, chẳng ngại ngàn đường xa.
Vượt vùng đồng đất bao la
Giữa nơi biên giới không nhà dân gian,
Nơi đây hạn hán quanh năm
Xác xơ đồng ruộng, khô cằn hồ ao
Hai người vất vả biết bao
Khát khô cả cổ. Nước nào tìm ra!
Đi hồi lâu thấy xa xa
Vũng lầy có nước. Nhưng mà khổ thay
Đầy trùng lúc nhúc trong đây
Uống vào uống cả trùng này mất thôi
Thế là phạm giới luật rồi,
Một người vội vã thốt lời can ngăn:
"Hãy theo lời Phật khuyên răn
Nhân từ làm gốc, giữ tâm trong lành
Nếu ta giết hại chúng sanh
Để mình tranh sống, cũng thành uống đi
Dù sau thấy Phật ích gì
Hãy nên giữ giới. Sá chi thân mình!"
Người kia suy nghĩ, làm thinh
Rồi lên tiếng nói: "Khát đành chết sao?
Tạm thời hãy uống nước vào
Sống mà gặp Phật! Còn bao dặm đường!
Quanh đây vắng khách thập phương
Nào ai thấy được mà vương bận lòng!".

*

Hai người, hai ý bất đồng;
Người không giữ giới uống xong đi liền
Riêng mình mạng sống tạm yên
Lên đường tìm Phật nơi miền xa xôi.
Người kia Phật dạy, nhớ lời
Quanh năm giữ giới, suốt đời tu tâm
Giờ tuy chết khát chẳng cần,
Trên đường tìm Phật tiến gần biết bao
Cõi trời Đao Lợi sanh vào
Vội tìm lễ Phật. Đứng hầu một bên.

Còn người phá giới bình yên
Tới thành Xá Vệ, quỳ bên Phật đài
Sụt sùi giọt ngấn giọt dài
Cúi đầu bạch Phật: "Lúc ngoài đồng hoang
Con còn người bạn chung đường
Thiết tha tìm Phật tâm thương hằng mong
Chẳng may khát nước mệnh chung
Tiếc rằng không được đến cùng Thế Tôn!"
Phật bèn dạy, giọng ôn tồn:
"Ta hay biết chuyện mà con nói rồi!"
Chỉ người đứng cạnh bên ngài
Phật thêm: "Đây chính là người bạn con
Một lòng giữ giới cho tròn
Sau khi mãn kiếp lên luôn cõi Trời
Đủ duyên đến với ta thôi;
Còn con tuy đã tới nơi chốn này
Cũng là uống phí công thay
Vi con phạm giới vừa đây trên đường!
Vẫn là xa cách ngàn trùng
Gặp ta thật đấy mà dường như không
Giới điều còn, Phật pháp còn
Giữ nghiêm giới luật: ghi lòng khắc tâm!"
Thầy tu phạm giới thẹn thàm
Cúi đầu nghĩ lại lỗi lầm vừa qua
Trong lòng sám hối thiết tha:
"Muốn gần Đức Phật, chớ xa giới điều!".

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Truyện Cổ Phật Giáo)



NIỆM THÂN: NHỚ KHÔNG THẤY BẤT TỊNH

Nguyên Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Niệm thân bất tịnh là một thiền pháp do Đức Phật dạy trong nhiều kinh. Niệm thân bất tịnh có oai lực lớn, từ từ sẽ dẫn tới xa lìa ái dục và rồi giải thoát. Tuy nhiên, một câu hỏi có thể nêu ra: nhớ không thấy bất tịnh thì sao, nhớ những cái được thấy lại được nhìn như là xinh đẹp hơn thì sao? Bài viết này hy vọng sẽ bổ túc cho một số trường hợp quan tâm, và sẽ thấy Đức Phật dạy rất nhiều pháp để an tâm. Bài viết có thể có sơ sót, người viết xin được trọn lòng sám hối.

Pháp niệm thân bất tịnh có thể sẽ trở ngại đối với một số vị hàng ngày trì tụng Bát Nhã Tâm Kinh, vì trước giờ vẫn nghiền ngẫm câu "bất cấu, bất tịnh..." (không dơ, không sạch...). Khi đã nghiền ngẫm, trì tụng Tâm Kinh thì tự thân dễ trở ngại khi quán bất tịnh dù quán nơi thân mình hay thân người khác.

Trong khi đó, chúng ta đang sống trong một thời, nơi nào cũng có màn ảnh của truyền hình, vì tính, laptop và điện thoại di động. Các công ty tiếp thị khi đưa sản phẩm lên màn hình luôn luôn đi kèm với các nhan sắc tuyệt mỹ, có khi lại hờ hững, hờ rún... Chúng ta bị tấn công ngay từ cái nhìn, cái nghe... dễ phân tâm, dễ loạn tâm, và dễ bị vương vấn tư lường. Chúng ta có thể nhớ tới pháp bất tịnh khi thấy cô nào hờ rún, và rồi tự nhủ (đôi khi nên nói lớn để nghe cho rõ) rằng sau lớp da đó chỉ là một nồi lẩu, một bồn rửa chén hay một bồn cầu. Nhưng thực tế không dễ tí nào, vì ngay khi tắt màn hình TV, hình ảnh hờ hững đó có khi vẫn còn vương vấn trong trí nhớ, có khi vài ngày sau mới quên đi (có khi cứ nhớ hoài, là thế thảm).

Những chuyện như thế không nên y. Trong Kinh AN 6:60, có kể về trường hợp Tôn giả Citta Hatthisàriputta đã hoàn tất tứ thiền bất định, nhưng rồi vẫn bị tham ái lôi cuốn, theo bản dịch của Thầy Minh Châu: "...sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, nên tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy, với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục." (1)

May mắn, sau khi hoàn tục một thời gian, lại chán đời thế tục, Tôn giả Citta Hatthisàriputta xuất gia trở lại, và rồi một thời gian sau thì trở thành một vị A-la-hán. Nơi đây, chúng ta nhắc lại Kinh này chỉ là để cảnh giác, hoàn toàn không có ý nói rằng hãy ra giao thiệp trong xã hội là sẽ rơi rụng. Chỉ muốn nói rằng, khi giao tiếp, hãy sơ xuất, tất cả những cái được thấy, những cái được nghe sẽ tự mình buộc chính mình, chứ không chờ tới có ai gài bẫy mình đâu.

Trong Kinh SN 35.127 (tương đương bên A Hàm là Kinh SA-1165), Vua Udena hỏi Đại sư Piṇḍola Bhāradvāja rằng vì sao các nhà sư "trẻ tuổi này, còn non trẻ, tóc đen nhánh, đầy đủ với tuổi trẻ hiền thiện, trong lúc tuổi còn thanh xuân lại

không tham nhiễm dục vọng, thực hành Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh cho đến trọn đời, và sống toàn thời gian một cách hoàn mãn." (2)

Trước tiên, giải thích vì Đức Phật đã dạy nên nhìn người nữ như mẹ, như chị, như con gái mình, tùy độ tuổi mà nhìn, thì sẽ không khởi bất thiện tâm. Kinh SA - 1165 viết: "Như những gì Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỷ-kheo: 'Tỷ-kheo các ông, nếu gặp người nữ lớn tuổi thì nên coi như mẹ. Gặp người trung niên thì nên coi như chị em. Gặp người non trẻ thì nên coi như con. Vì nguyên nhân này nên các Tỷ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp luật này sống an lạc, an ổn...' (2)

Tuy nhiên, sức mạnh của người nữ nhiều khi có sức thu hút mạnh hơn những gì chúng ta suy nghĩ, quán sát. Cho nên, Vua mới hỏi thêm, trường hợp với những người mà chúng ta nhìn như mẹ, như chị, như con gái mà vẫn bất chợt tham pháp khởi lên, thì làm sao. Bấy giờ Đại sư Bharadvāja mới nhắc lời Đức Phật dạy pháp quán bất tịnh, Kinh SN 35.127:

"Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri giả, Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói như sau: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên từ đỉnh tóc trở xuống, bao bọc bởi da và chứa đầy bất tịnh sai biệt. Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, bao tử, phân, mật, đờm, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu..." (2)

Nhưng, rồi quán bất tịnh, mà vẫn cứ thấy thanh tịnh tuyệt vời thì sao? Khi vua hỏi như thế, bấy giờ Đại sư Bharadvāja mới nhắc lời Đức Phật dạy về hộ trì các căn, trích Kinh SN 35.127:

"Thưa Đại vương, Thế Tôn, bậc Tri giả, Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói như sau: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy sống hộ trì các căn. Sau khi mắt thấy sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì đó nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên; hãy thực hành chế ngự nguyên nhân ấy, hãy hộ trì nhãn căn, thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng ... khi mũi ngửi hương ... khi lưỡi nếm vị ... khi thân cảm xúc ... khi ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng..." (2)

Nơi đây, cần nói cho rõ thêm về "tướng chung, tướng riêng"... Thí dụ, như khi gặp một thiếu nữ, tướng chung (features) nơi cái được thấy là tóc dài, eo thon, dáng đi yếu điệu, nụ cười duyên dáng, vân vân; tướng chung nơi cái được nghe là giọng nói du dương, vân vân. Vẫn thí dụ đó, tướng riêng (details) là cái gì làm cô này khác

các cô khác, là khi thấy hay nghe, chúng ta nhận ra đây là cô Nguyễn Thị A khác cô Trần Thị B và không nhầm với người khác. Nghĩa là, Đức Phật dạy rằng, sau khi thấy nghe hay biết, là không nắm giữ bất kỳ một tướng nào hết, là quên hết đi, là tự thấy tâm như gương sáng cứ để mặc cho hình ảnh tới rồi đi; tự thấy tâm như bầu trời, cứ mặc cho mây tụ lại rồi tan đi. Nghĩa là, tâm rộng rang không dính một chút gì với sắc thọ tướng hành thức; không dính chút gì với quá khứ, hiện tại, vị lai... Chính nơi Vô Tâm như thế, vô lượng thiện pháp mới hình thành, nơi "không thấy pháp nào là tịnh hay bất tịnh" vì không còn "những cái được thấy và được nghe" hiện trở lại trong tâm. Đây là Huệ Năng, là Lâm Tế, là Trần Nhân Tông.

Trong khi đó, cũng nói về pháp quán thân, trong Kinh Pháp Cú, bài Kệ 46, Đức Phật dạy quán thân như sau, bản dịch của Thầy Minh Châu:

46. *"Biết thân như bọt nước,
Ngộ thân là như huyền,
Bề tên hoa của ma,
Vượt tâm mắt thân chết."* (3)

Bài Kệ 46 dẫn trên nghe hiển nhiên là có văn phong của Kinh Kim Cương, của Kinh Pháp Bảo Đàn, của Bát Nhã Tâm Kinh. Điều tình cờ nữa, trường hợp vị sư trong bài Kệ 46 là một trường hợp đốn ngộ, ngay khi thấy một quang năng làm nhà sư chứng thực ngay được pháp ấn vô thường, vô ngã. Trong tích truyện Pháp Cú, duyên khởi cho bài kệ này là từ một nhà sư. Sau khi nhận một đề tài thiền tập từ Đức Phật, vị này vào rừng. Thầy ra sức thiền định, nhưng không thấy tiến bộ bao nhiêu, nên quyết định quay về tìm Đức Phật để xin hướng dẫn thêm. Lúc đó Đức Phật đang ở Tu viện Jetavana.

Trên đường vị sư rời khu rừng để tìm tới Đức Phật, đột nhiên nhìn thấy một ảo ảnh quang học (mirage), là một hình ảo hiện ra trên một lớp nước. Ngay khi đó, nhà sư nhận ra thân mình cũng vô ngã, cũng như huyền y hết như một quang năng. Khi giữ tâm vào tánh vô ngã của thân, nhà sư tới bên bờ sông Aciravati. Trong khi ngồi dưới một gốc cây gần sông, nhìn thấy các bọt sóng tan vỡ, nhà sư nhận ra tánh vô thường của thân.

Lúc đó, Đức Phật hiện ra trong linh ảnh và nói với nhà sư, "Con ơi, đúng như con vừa nhận ra, thân này vô thường y hết bọt sóng và vô ngã y hết như quang năng." Rồi Đức Phật mới nói bài kệ Pháp Cú trên. Khi nghe bài Kệ xong, nhà sư đắc quả A la hán. (3)

Nơi cuối Kinh Kim Cương, ý đó nằm trong bài thơ chữ Hán, nơi đây chúng ta dịch lại như sau: *"Tất cả các pháp hữu vi: đều như mộng, như huyền, như bọt sóng, như ảnh chiếu, như hạt sương, như tia chớp. Hãy quán chiếu như thế."* Nhờ nghe Kinh Kim Cương, Lục Tổ Huệ Năng ngộ đạo. Đơn giản chỉ vì ngộ ra pháp ấn vô thường, vô ngã.

Tới đây, chúng ta nói thêm về một Kinh trong tạng Pali, có thể gọi là một trong những kinh do Đức Phật dạy theo ngôn phong của những Lâm Tế, Trần Thái Tông. Người đương cơ là Nanda. Nếu Đức Phật trong Kinh này, lấy gậy nện cho Nanda vài gậy, là chúng ta thấy y hết như Thiền sư Trung Hoa, Việt Nam. Kinh này là "Nanda-manava-pucchā: Nanda's Questions" trong Kinh Tập, Phẩm Qua Bờ Kia. Ngài Thanissaro ghi ký số Kinh

này là Snp 5.7, nhưng Sujato ghi ký số là Snp 5.8. Kinh này trong nhóm Kinh Nhật Tụng Sơ Thời, nghĩa là các Kinh mà Đức Phật khi còn sinh tiền đã yêu cầu chư tăng tụng hàng ngày. Để bảo đảm là bản Việt dịch trung thực, theo sát từng chữ, chúng ta dẫn ra 4 bản Anh dịch khác nhau (nhưng phù hợp nhau), đoạn trích lời Đức Phật dạy về niệm thân (những gì thấy, nghe, hay, biết) như sau.

Trích bản dịch Thanissaro Bhikkhu: *"Those here who've abandoned what's seen, heard, & sensed, precepts & practices — all — who've abandoned their manifold ways — again, all — who, comprehending craving, are effluent-free: they are the ones, I tell you, who've crossed over the flood."* (4)

Bản dịch Sujato: *"There are those here who have given up all that is seen, heard, and thought, and precepts and vows, who have given up all the countless different things. Fully understanding craving, free of defilements, those people, I say, have crossed the flood."* (4)

Bản dịch Khantipalo Mills: *"those who've let go of the seen, heard, and known, of rites and of vows and others—all, completely craving Known and from the inflows free— those persons I say have crossed over the flood."* (4)

Bản dịch Bhikkhu Anandajoti: *"whoever here has given up reliance on what is seen, heard, or sensed, and virtue and practices, and has also given up all the countless other ways, who, by fully knowing craving, are pollutant-free— I say those men have crossed over the flood."* (4)

Bản Việt dịch nơi đây sẽ tổng hợp, viết cho thật rõ nghĩa để nhìn thấy rằng văn phong "Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ" đã có sẵn trong lời Đức Phật dạy: *"Những ai nơi đây đã buông bỏ những gì được thấy, đã buông bỏ những gì được nghe, đã buông bỏ những gì được tư lường, đã buông bỏ cả các giới luật, đã buông bỏ cả các nghi lễ tu tập, và cũng đã buông bỏ tất cả những vô lượng pháp khác nhau. Những vị đó, bằng cách hiểu rõ tận tường tâm tham, là người đã vô nhiễm --- ta nói, những người như thế đã vượt qua trận lụt."*

Đó là những pháp bổ túc, trong trường hợp quán tâm bất tịnh không khả dụng.

GHI CHÚ:

(1) Kinh AN 6:60: https://suttacentral.net/an6.60/vi/minh_chau

(2) Kinh SN 35.127: https://suttacentral.net/sn35.127/vi/minh_chau

Kinh SA-1165: https://suttacentral.net/sa1165/vi/tue_sy-thang

(3) Kinh Pháp Cú, Kệ 46: <https://thuvienhoasen.org/p15a7961/pham-01-10>

Tích truyện Pháp Cú: <https://www.tipitaka.net/tipitaka/dhp/verseload.php?verse=046>

(4) Kinh Snp 5.7, bản dịch Thanissaro: <https://accesstosight.org/tipitaka/kn/snp/snp.5.07.than.html>

Kinh Snp 5.8, bản dịch Sujato: <https://suttacentral.net/snp5.8/en/sujato>

Kinh Snp 5.8, bản dịch Khantipalo: <https://suttacentral.net/snp5.8/en/mills>

Kinh Snp 5.8, bản dịch Anandajoti: <https://suttacentral.net/snp5.8/en/anandajoti>



TÂM CHÁNH NIỆM

(*Phật Pháp Thứ Năm*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Lam Viên thương mến,

Hôm nay **NHÓM ÁO LAM** (NAL) xin kể các bạn nghe một câu chuyện của một vị tỳ kheo mà kiếp trước là một chàng thiện xạ...

Một hôm đức Thế Tôn ở chùa Kỳ Viên, nước Xá Vệ... Ngài kể rằng có một tỳ kheo bị một người đàn bà quyến rũ, lòng mơ tưởng đến sắc đẹp của nàng ấy, muốn hoàn tục, biếng nhác trong việc tu hành, thân hình tiêu tụy, sức khoẻ yếu kém. Các bạn đồng tu lo lắng đưa ông đến gặp Phật thưa thỉnh Phật việc xảy ra. Đức Phật dạy: "Này tỳ kheo, người đàn bà làm con tơ tưởng trong tâm vốn là vợ con trong kiếp trước. Lúc đó con là một nhà thiện xạ, bắn cung thật giỏi. Một hôm hai vợ chồng đi qua một khu rừng vắng thì bị một đoàn cướp chặn đường cướp của. Trong khi con cố sức chiến đấu với tướng cướp thì vợ con nhìn thấy thân hình tên đầu đảng vạm vỡ lại sinh lòng yêu, nên khi con kêu to "đưa gươm cho ta" để chém tên cướp, vợ con lại đưa kiếm cho tên cướp; kết quả con bị giết và cô ta đi theo sống với kẻ thù. Người đàn bà ấy đã hại một đời con như thế, nay lại muốn quyến rũ con hoàn tục, hại thêm một đời tu hành giải thoát của con."

Thầy tỳ kheo giật mình tỉnh ngộ, trở lại tu hành nghiêm chỉnh. Đức Phật nói lên 2 bài kệ:

*"Người bị tâm xấu ác khuấy động
Nhiều tham dục si mê
Tâm khát ái gia tăng
Sẽ bị Ma vương trói chặt.
(Kệ 349 - Kinh Pháp Cú)*

*Người không còn vướng tư tưởng bất thiện
Tinh giác, thường quán thân bất tịnh
Đoạn dứt ái dục, tâm chánh niệm
Ma Vương khó mà trói buộc được.
(Kệ 350, KPC)*

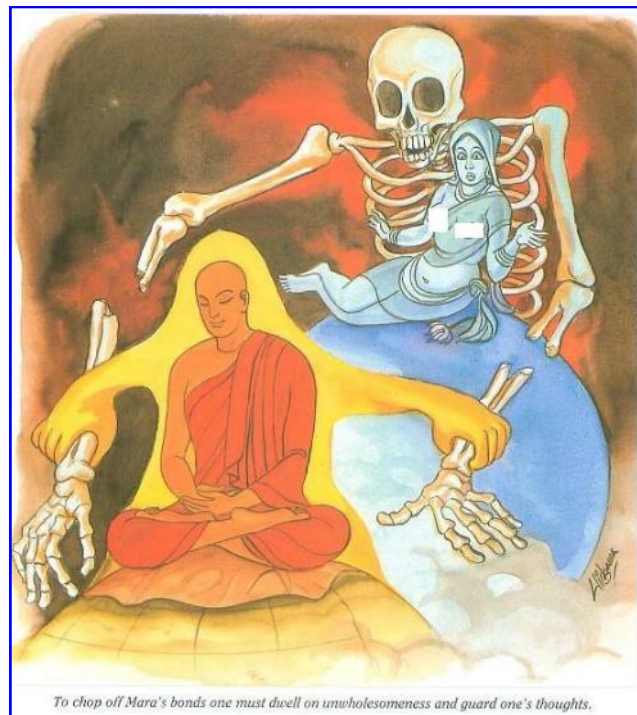
Rõ ràng, đức Phật dạy chúng ta: khi một ý bất thiện nổi lên trong tâm thì phải dùng chánh niệm chặn bỏ đi ngay, nếu không sẽ bị phiền não trói chặt.

Thương mến kính chúc ACE "một ngày như mọi ngày," chánh niệm lòng an vui.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



With lust intense, on beauty dwelling, crushed by one's thoughts, craving productively grows.



To chop off Mara's bonds one must dwell on unwholesomeness and guard one's thoughts.

12 ĐOẠN THƠ ĐẠO MÙA THU

MAY MẮN

Đời này thật may mắn thay
Thấm nhuần Giáo Pháp thâm sâu đạo Thiên
Con đường hành giả trở về
Mới thật là chỗ tuyệt siêu ngát trời.

BỌT NƯỚC

Ta như bọt nước giữa dòng
Lênh đênh chìm-nổi, mất-còn, có-không
Nhìn đời với ánh mắt trong
Dù cho dẫm bước vô thường ngàn năm.

ĐI TÌM

Mọi người đến cuối đi tìm
Tìm cây Bất Tử không tên vĩnh hằng
Thiền định tâm trí sáng ngân
Mới tỏ ngộ được Xuân Tâm hiện tiền.

Y NGUYÊN

Dẫu rằng thân mạng vô thường
Vẫn còn một cái mệnh mong sống hoài
Hình hài dù có đổ nhào
Chân Tâm vô tướng độ nào y nguyên.

CỬA KHÔNG

Người tu ở chốn cửa Không
Cắt ái, từ thân đâu còn tha thiết
Không hờn, giận, oán, ghét, yêu
Con đường giải thoát nhẹ tênh nghiệp trần.

CÔ ĐƠN

Bước chân hành giả cô đơn
Con đường cô tịch chiều buông cuối ngày
Mong sao đạt đạo đời nay
Của tiền, danh vọng mây bay lửng trôi.

UỐNG TRÀ

Uống trà buổi sáng trầm tư
Bên giàn hoa giấy nhớ xưa nhiều đời
Lang thang đi mãi luân hồi
Cỏ cây cũng phải ghen lời xót thương.

MÙA ĐÔNG

Hôm nay là đầu mùa đông
Chúng ta rồi sẽ già cùng như nhau
Đời như dòng nước qua mau
Tóc xanh mây chốc bạc màu tuyết sương.

NGƯỜI ĐI

Qua đây đã biết bao lần
Bao lần cây lá chuyển xanh thành vàng
Âm-dương chia cách đôi đàng
Nghĩa trang đầy những mộ phần người đi.

TUỔI GIÀ

Tuổi già sức yếu, thân gầy
Bao năm đã đủ đến ngày biển tan
Nỗi buồn thấu tận tâm can
Còn đâu để thấy hoa vàng, bướm bay.

MỘT THỜI

Thanh minh thăm viếng nghĩa trang
Lòng như se lại trước hàng mộ bia
Cỏ ơi, cỏ thấy thương đau
Những người nằm đó khi xưa một thời.

NIỆM DI ĐÀ

Tôi-anh chỉ sống một đời
Mà cây đào cõi sống hoài nở hoa
Ta về niệm Phật Di Đà
Tuổi thọ vô lượng không đâu sánh bằng
Không còn già, chết, tử-sanh
Trời Tây sen nở hoa vàng ngát hương.



thơ **DIỆU VIÊN**

TIẾNG HÚ CỦA THIÊN SƯ KHÔNG LỘ

Huỳnh Kim Quang

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Chắc bạn đã từng nghe nói đến tiếng “quát” kinh thiên động địa của thiền sư Vân Môn Văn Uyển, tiếng “hét” dựng tóc gáy của thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền, hay cây gậy “đánh” người túi bụi của thiền sư Đức Sơn Tuyên Giám trong thiền sử Trung Hoa. Nhưng bạn đã có bao giờ nghe tiếng “hú” lạnh buốt cả bầu trời của thiền sư Không Lộ trong thiền sử Việt Nam?

Bài viết này xin giới thiệu tiếng “hú” đặc biệt hy hữu đó.

Thiền sư Không Lộ, thế danh là Dương Minh Nghiêm, sinh ngày 14 tháng 9 năm Bình Thìn (1016) đời Vua Lý Thái Tổ tại làng Giao Thủy, huyện Hải Thanh, Tỉnh Nam Định, và viên tịch vào năm Giáp Tuất 1094 đời Vua Lý Nhân Tông, thọ 79 tuổi. Như thế, năm nay, Nhâm Thìn, 2012, là 996 năm sinh của thiền sư Không Lộ. Ông sinh 6 năm sau khi nhà Lý dựng đế nghiệp. Thiền sư Không Lộ là người khai sơn Chùa Keo, tức Chùa Nghiêm Quang, sau đổi tên là Chùa Thần Quang ở Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình. Chùa nguyên ở hữu ngạn Sông Hồng, vì bị lụt làm hư hại, đến đầu thế kỷ 17 đã dời sang tả ngạn sông Hồng và tồn tại đến ngày nay.

Thiền sư Không Lộ làm nhiều bài thơ, trong số đó nổi tiếng nhất là hai bài: Ngôn Hoài và Ngự Nhàn. Bài viết này xin nói đến bài Ngôn Hoài vì trong bài thơ này xuất hiện tiếng “hú” kỳ bí của thiền sư Không Lộ.

言懷
宅得龍蛇地可居
野情終日樂無餘
有時直上孤峰頂
長叫一聲寒態虛

Ngôn Hoài (âm Hán Việt)
Trạch đắc long xà địa khả cư
Dã tình chung nhật lạc vô dư
Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.



Dịch nghĩa:

Chọn được đất rồng rắn có thể ở
Tình quê mộc mạc suốt ngày an lạc trọn vẹn
Có lúc leo thẳng lên đỉnh núi cô quạnh
Hú một tiếng dài làm lạnh cả bầu trời.

Bài thơ này đã được nhiều người dịch. Nay xin trích một vài bản dịch tiêu biểu để đọc giả thưởng lãm. Trước hết là bản dịch Việt của Ngô Tất Tố:

Lựa nơi rồng rắn đất ưa người,
Cả buổi tình quê những mảng vui.
Có lúc thẳng lên đầu núi thăm,
Một hơi sáo miệng, lạnh bầu trời.

Sử gia Lê Mạnh Thát dịch Việt như sau:

Chọn chỗ thâm u, đất rắn rồng
Tình quê suốt buổi mãi vui rong
Có khi lên thẳng đầu non quạnh

Huýt một hơi dài lạnh cõi không.

Người viết xin dịch như sau:

Chọn đất rắn rồng để ẩn cư
Suốt ngày an lạc với tình quê
Có khi lên tận trên đầu núi
Hú một tiếng dài lạnh bầu trời.

Trong bài thơ trên có mấy chỗ cần ghi chú trước khi đi vào nội dung tổng quát. Mấy chữ “long xà địa” ở câu đầu, theo Ngô Tất Tố và một số nhà bình giải khác là “đất rồng rắn,” thuộc khoa phong thủy, nhưng sử gia Lê Mạnh Thát thì cho là “chỗ thâm u.” Cùng quan điểm với sử gia Lê Mạnh Thát có nhà thơ Minh Đức Triều Tâm Ảnh trong bài “Tiếng Hú Trên Đỉnh Cô Phong.” Trong bài viết này, nhà thơ Minh Đức Triều Tâm Ảnh trích dẫn nhận định của nhà nghiên cứu An Chi cho rằng, “Nhà nghiên cứu An Chi có nói về sự hiểu sai đáng tiếc này: Tiếc rằng, thuật phong thủy và các thầy địa lý lại không bao giờ nói đến “những rặng núi hình rồng, hình rắn” hoặc “kiểu đất có hình thể của rồng, rắn”, chỉ đơn giản vì

"long xà địa" là một lối nói không hề tồn tại trong thuật phong thủy. Rồi ông còn chịu khó lục tìm trong sách "Bí ẩn của phong thủy", trong đó nêu ra 21 khái niệm thường dùng và 92 thuật ngữ cơ bản của thuật phong thủy nhưng chẳng có khái niệm hoặc thuật ngữ nào là "long xà địa." Cuối cùng, An Chi nói, "Long xà địa" là đất ẩn dật, bắt nguồn từ một lời "Hê từ" trong Kinh Dịch: "Long xà chi trập, dĩ tồn thân dã", nghĩa là "rồng rắn mà ẩn nấp là để giữ mình vậy." Có lẽ cách giải thích "long xà địa" như là "chỗ thâm u" hay là "đất ẩn dật" là phù hợp nhất, bởi vì nhờ ở "chỗ thâm u" hay "đất ẩn dật" nên thiền sư có thêm thuận duyên cho đời sống "dã tình," tức tình quê mộc mạc, chất phác, đơn sơ, giản dị, thông dong tự tại không bị ngoại cảnh quấy rầy, phiền lụy. Và vì vậy, suốt ngày thiền sư mới an trú trong cảnh giới "lạc vô dư." "Lạc vô dư" là sự an lạc trọn vẹn không còn một chút phiền não nào chen vào, trạng thái tâm thức hết vô minh và phiền não một cách rốt ráo. "Vô dư" là không còn lưu lại, không còn rơi rớt lại, là một trong hai đặc tính của niết bàn: hữu dư và vô dư. Niết bàn thường được dịch sang Hán văn là tịch diệt, tức là sự vắng lặng do hết các lậu hoặc, phiền não. Vô dư niết bàn là niết bàn lạc đức Phật và các vị A La Hán viên tịch.

Chữ "khiếu" trong Hán văn, có nghĩa là kêu, tiếng kêu. Nhưng khi chữ "khiếu" đi với chữ "trường" thành "trường khiếu" thì ý nghĩa ắt có thay đổi. "Trường khiếu" là tiếng kêu dài, mà khi phát ra tiếng kêu dài thì người kêu phải vận dụng đến hơi thở và sức lực, tức là sức thì phải mạnh và hơi thì phải dài. Điều đặc biệt là trong câu thơ cuối này còn có thêm hai chữ "nhất thanh," tức là một tiếng, một âm thanh, nghĩa là tiếng kêu chỉ phát ra và kéo dài thành một âm thanh chứ không phải phát ra đứt đoạn, hết hơi này tới hơi khác. Hành động phát ra tiếng kêu với sức mạnh và hơi dài thành một tiếng mà không bị đứt đoạn tất nhiên phải tạo ra âm thanh của tiếng hú. "Trường khiếu" vì vậy là tiếng hú dài.

Điều cần đặc biệt lưu ý ở đây là trạng thái tâm thức của một người khi phát ra tiếng hú và khung cảnh lúc người đó cất lên tiếng hú dài. Tiếng hú không phải là động thái được làm bình thường trong đời sống thường nhật của một người, nhất là người đó không những là một tăng sĩ mà còn là một vị thiền sư có uy tín đương thời. Tiếng hú chỉ được kêu lên trong hoàn cảnh và trạng thái tâm lý đặc biệt, chẳng hạn, khi hú một người nào đó thì nhất định là người hú muốn cho người nghe biết rằng ông hay bà ta đang nhận gửi một thông điệp khẩn cấp chứ không phải bình thường, như vì sợ người kia đang ở xa, đang bị chi phối bởi ngoại cảnh nào đó nên người hú phải cất lên tiếng hú để tạo chú ý cho người nghe. Đôi khi tiếng hú cũng là động thái biểu lộ trạng thái tâm thức nào đó mà người hú không thể hay không muốn bày tỏ qua tiếng nói bình thường. Tiếng hú càng dài, càng lớn thì tính cách đặc biệt của nó càng được thấy rõ.

Trong tiếng hú của bài thơ Ngôn Hoài của thiền sư Không Lộ, có hai sự kiện mà chúng ta cần quán sát, đó là khung cảnh mà tiếng hú xảy ra và trạng thái tâm thức của thiền sư Không Lộ khi phát ra tiếng hú.

Trước hết, xin nói về khung cảnh. Bài thơ Ngôn Hoài mô tả khung cảnh lúc thiền sư Không Lộ cất tiếng hú dài rất đáng chú ý. Tiếng hú dài đó

không xảy ra nơi sân chùa, nơi góc núi, nơi bờ rừng hay cạnh một con suối, mà diễn ra trên đỉnh một ngọn núi cô quạnh. Hãy hình dung rằng một thiền sư với dáng người mảnh khảnh đi bằng bằng lên đỉnh núi cô quạnh, nơi đó không một bóng người, không một bóng thú vật, chung quanh toàn là rừng núi bạt ngàn với khói sương và mây trắng lãng đãng, đỉnh núi đó sừng sững giữa bầu trời mênh mông bát ngát, rồi thiền sư ngược cổ lên trời mà hú một tiếng dài, âm ba xé nát không gian, kinh động khắp mười phương khiến bầu trời cũng phải lạnh buốt. Mấy chữ "lạnh cả bầu trời" trong bài Ngôn Hoài mang đầy tính hình tượng, gợi lên trong tâm trí người đọc một khung cảnh không gian sâu hun hút bị choáng ngợp, hay bị chìm ngập trong tiếng hú kỳ bí của thiền sư. Hãy để ý đến hình tượng một ngọn núi cô quạnh, một thiền sư cô độc, một tiếng hú dài lạnh lốt.

Bây giờ xin nói về trạng thái tâm thức. Thiền sư một hôm đi phẳng phẳng lên đỉnh núi rồi cất tiếng hú dài không phải là chuyện làm để giỡn chơi. Tất yếu đó là hành động biểu lộ cho trạng thái tâm thức đặc biệt nào đó. Tâm thức đó là gì? Dĩ nhiên, chỉ có thiền sư Không Lộ mới thực sự cảm nhận được một cách đúng thực trạng thái tâm thức lúc đó của ngài. Nhưng, qua khung cảnh của bài thơ, qua hình ảnh đời sống thiền của các thiền sư, chúng ta cũng có thể hiểu được phần nào trạng thái tâm thức lúc ngài cất tiếng hú dài. Đối với một thiền sư như thiền sư Không Lộ thì có lẽ chỉ có một cách lý giải mà hầu hết các nhà bình giải bài thơ Ngôn Hoài xưa nay đều giống nhau, đó là biểu lộ giây phút cực kỳ trọng đại xảy ra với người tu thiền: kiến tánh, giác ngộ, hay chứng đạo. Vì chỉ có trạng thái tâm thức bùng vỡ tận cùng sâu thẳm của nội tâm lúc chứng ngộ mới có đủ sức mạnh phi thường để khiến cho thiền sư phải đi phẳng phẳng lên đỉnh núi cô quạnh mà hú một tiếng dài bất tận làm lạnh cả bầu trời. Ở đây, người đọc còn cảm nhận thêm một điểm lý thú nữa. Đó là trạng thái tâm thức bùng vỡ của thiền sư khi chứng ngộ đã mở tung cánh giới bí ẩn sâu nhiệm của tâm để nó nhập thể hay trở về nguồn cội uyên nguyên của nó, và lúc đó tâm là pháp giới, tâm là vũ trụ, tâm là cõi không gian vô cùng, mà thật ra tâm cũng không là gì cả, vì tâm vô tướng, và pháp giới cũng vô biên tế. Chính vì thế, tiếng vọng của tâm qua tiếng hú dài mới có thể làm lạnh cả bầu trời, làm không gian vô biên đặc quánh thành một, rồi tan đi trong tiếng hú vô hình vô tướng.

Cho nên, tiếng hú dài của thiền sư Không Lộ là tiếng hú độc nhất vô nhị trong rừng thiền tử xưa tới nay.



CHỈ TIN MỘT NGƯỜI

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

"Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbila, tại Veluvana, dạy các Tỷ-kheo:

Có năm nguy hại này, này các Tỷ-kheo, trong lòng tịnh tín đối với một người. Thế nào là năm?

Trong người nào, này các Tỷ-kheo, một người có lòng tịnh tín, và người ấy rơi vào một tội phạm, và tùy theo tội phạm ấy, chúng Tăng ngưng chúc vi ấy. Người này suy nghĩ: "Người mà ta ái mộ ưa thích, vi ấy bị chúng Tăng ngưng chúc", và người này không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo.

Do không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo, người này không có liên hệ với các Tỷ-kheo khác. Do không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, người này không nghe diệu pháp. Do không nghe diệu pháp, người này thối đọa khỏi Chánh pháp. Đây là nguy hại thứ nhất, này các Tỷ-kheo, trong sự tịnh tín đối với một người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong người nào, một người có lòng tịnh tín, và vi ấy rơi vào một tội phạm, và tùy theo tội phạm ấy, chúng Tăng bắt vi ấy ngồi vào phía cuối. Người này suy nghĩ: "Người mà ta ái mộ ưa thích, vi ấy bị chúng Tăng bắt ra ngồi phía cuối", và người này không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo. Do không có liên hệ đến các Tỷ-kheo khác. Do không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, người này không nghe diệu pháp. Do không nghe diệu pháp, người này thối đọa khỏi Chánh pháp. Đây là nguy hại thứ hai, này các Tỷ-kheo, trong sự tịnh tín đối với một người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong người nào, một người có lòng tịnh tín, rồi người ấy đi vào một địa phương khác... người ấy bị loạn tâm... người ấy mạng chung. Người này suy nghĩ: "Người mà ta ái mộ ưa thích, vi ấy đi vào một địa phương khác..., bị loạn tâm..., mạng chung", và người này không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo. Do không có liên hệ đến các Tỷ-kheo khác. Do không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, người này không nghe diệu pháp. Do không nghe diệu pháp, người này thối đọa khỏi Chánh pháp. Đây là nguy hại thứ ba, thứ tư và thứ năm, này các Tỷ-kheo, trong sự tịnh tín đối với một người."

(Kinh Tăng Chi Bộ II, chương 5, phẩm Ác hành)



SUY NGHIỆM:

Trong niềm tịnh tín Tam bảo, tin Tăng có vai trò rất quan trọng. Nhờ thâm tín Tăng bảo nền nương tựa tu học mà dần dần tăng thêm tin hiểu vào Pháp bảo và Phật bảo. Đồng thời, đức tin Phật bảo và Pháp bảo cũng chính là nền tảng để tin sâu, bất động vào Tăng bảo ngày một kiên cố hơn.

Tuy nhiên, tịnh tín Tăng bảo tức là tin tưởng sâu sắc vào Tăng-già, **đoàn thể xuất gia từ bốn người trở lên thanh tịnh và hòa hợp, chứ không phải tin vào cá nhân một vị Tỷ-kheo, vị bổn sư hay vị thầy danh tiếng mà mình ngưỡng mộ, tôn thờ.** Nếu xa lìa niềm tin Tăng bảo, chỉ tin vào một người dù cho vị đó là

bất kỳ ai, theo Thế Tôn cũng đều là nguy hại, có thể bị thối đọa khỏi Chánh pháp.

Vô thường với muôn vạn đổi thay là một sự thật. Một người hôm nay thế này, ngày mai sẽ thế kia, có thể tốt hơn hoặc xấu hơn, không ai có thể lường trước được hết mọi sự biến động trong cuộc đời. Khi chưa là bậc Thánh thì nhân cách của vị Tỷ-kheo mà ta ái mộ nhất, ưa thích nhất, tôn kính nhất... cũng không nằm ngoài quy luật ấy, sát na sanh diệt đổi thay luân chuyển không cùng.

Khi thầy của ta, tôn sư của ta nếu chẳng may có sơ suất, tạo ra lầm lỗi, bị Tăng-già cho ngưng chúc, bắt phải ngồi ở cuối cùng trong Tăng chúng hay vì sự duyên phải đi xa, bị bệnh tật tâm trí loạn động, thậm chí bị chết đi thì ta sẽ bị hụt hẫng, không nơi nương tựa, thậm chí còn oán trách và xa lánh chúng Tăng. Người học Phật nên biết rằng, đây là cơ sở của sự thối đọa, sự nguy hại cần phải tránh.

Trong quá trình tu học, nếu chúng ta biết nương vào chúng Tăng, tức là luôn **dựa vào đoàn thể và không thiên về bất cứ vị Tỷ-kheo nào** thì khi những cá nhân trong Tăng-già có biến động gì sẽ chỉ là vấn đề của cá nhân, niềm tin Tăng bảo của chúng ta vẫn trọn vẹn. Không vì một vị Tỷ-kheo mà khiến cho mình thối thất niềm tin vào Tăng bảo, rồi không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, không nghe diệu pháp và gây nên sự thối đọa khỏi Chánh pháp là một trong những tuệ giác lớn mà người học Phật cần thành tựu để ngày một tiến xa trên lộ trình tu học giải thoát.

NGHE, LẮNG NGHE VÀ KHÔNG NGHE

Tâm Không Vĩnh Hữu

DIỄN ĐÀN

Nghe, lắng nghe, và không nghe khác nhau ở điểm nào?

Nghe. Dĩ nhiên là bằng đôi tai rồi. Nhĩ căn tiếp nhận, giao lưu với Thanh trần.

Nhưng có kiểu nghe mà không nghe. Âm thanh vẫn chảy vào, chui vào, tấn công vào hai bên màng nhĩ, mình cảm nhận được là mình đang có nghe, nhưng mình chỉ biết là có nghe vậy thôi, chứ không rõ là mình đang nghe cái chi chi, cái gì gì.

Nhà thiền có một công phu, thôi, gọi là phương pháp cho dễ hiểu, là phương pháp mở rộng hết, mở toang ra cả lục căn (nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý) để đón nhận lục trần (sắc thanh hương vị xúc pháp) trong cùng một lúc.

Mới nghe nói vậy, quý vị tưởng là khó khăn, là cao siêu, là ghê gớm lắm, nhưng thiệt ra quý vị có thể thực hành được. Nếu quý vị chưa tin, hãy mạnh dạn thử công phu này, thử nhiều lần, qua nhiều nơi, nhiều thời khắc khác nhau, thế nào quý vị cũng sẽ cảm nhận được sự vi diệu của Thiền. Sẽ có một sát-na, giây phút, khoảnh khắc nào đó quý vị sẽ không thấy-nghe-nếm-ngửi-động-đẩy-ngĩ-ngợi gì hết trơn, tuyệt nhiên không. Thật vi diệu!

Trở lại chuyện nghe.

Nếu muốn nghe thì quý vị phải tập trung tâm ý, vận dụng đôi tai, và mở lòng ra để đón nhận âm thanh, gọi là lắng nghe. Còn nếu không muốn nghe, khi đang bị bắt nghe, bị cưỡng bức phải nghe, thì quý vị còn một phương pháp này nữa là nhất tâm chuyên chú... niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát hoặc chơn ngôn. Ai nói gì cứ nói, ai hát chi cứ tha hồ hát, ai nạt nộ chửi bới cứ thoải mái cho đến khi... mồm miệng tắt tiếng.

Tôi có được phước duyên dự "Lễ đặt đá khởi công tái thiết Chùa" ở một vùng ngoại thành còn nghèo khó, thuộc tỉnh lân cận của xứ Trầm Hương Khánh Hòa. Chư tôn đức Tăng Ni, quan chức các cấp chính quyền địa phương, cùng Phật tử thiện tín trong vùng về dự rất đông trong không khí hân hoan rộn rịp rộn ràng, mà cũng rất trang nghiêm

long trọng. Có chư tôn giáo phẩm Ban Trị Sự Tỉnh Giáo Hội, chư tăng trú trì các tự viện đến chứng minh buổi lễ cùng an tọa ở hai dãy bàn ghế được thiết trên lễ đài (tựa như sân khấu).

Vào lễ, tất cả mọi người đều đứng trang nghiêm để chào cờ. Im lặng. Nhạc trỗi lên, âm lượng hùng mạnh phát ra từ những cái loa cực đại.

Chư tôn đức tăng ni, cùng Phật tử có đang lắng nghe những ca từ "in máu," "xây xác quân thù"... hay không? Tôi đang làm nhiệm vụ ghi hình, nên có thời gian tranh thủ quan sát chư tăng trên lễ đài chứng minh, thấy quý ngài đều đang nhắm mắt. Tôi tin rằng, cho dù nhạc có mở hết âm lượng, lời có rõ từng chữ từng câu, chư tôn đức tăng ni trong giây phút ngắn ngủi ấy đều đã không-nghe-được-gì ở những ngón tay đang vang vọng bên tai, bằng cách nhiếp tâm mật niệm.

Còn cả ngàn Phật tử, cư sĩ tại gia phạm phu như tôi đang lúc đó thì sao, có đang lắng nghe, hay đang nghe mà không nghe, nghe mà không vướn? Tôi thì nói thiệt là đang nghe rất rõ từng từ ngữ, khổ vậy!

Cho dù nghe hay không nghe, bỏ qua hay vướn, lắng nghe hay để trôi vụt qua tai ngay tức thời, thì tôi vẫn muốn đề nghị khi cử hành nghi thức chào cờ

trong một buổi lễ của Phật giáo, chỉ nên mở Quốc Thiều (nhạc của Quốc Ca, không lời), để không làm khó, làm tội làm tình, trở thành một "chướng duyên" (do làm chướng tai) cho những người xuất gia, cũng như bao người con của Phật, vốn đã phát tâm nguyện xa lánh điều dữ, buông xóa hận thù, lìa bỏ sát giới máu me, cùng cả trăm giới luật giáo điều khác để tu tập theo Chánh Pháp của đạo Tử Bi Hy Xả.

Nếu bài viết này của tôi có làm buồn lòng chột dạ, hay gây phiền não cho ai, rất mong ai đó hãy hoan hỷ "nghe qua rồi bỏ."

Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo tác đại chứng minh!



PHẬT GIÁO VÀ MÔI TRƯỜNG

Đồng Thiện

DIỄN ĐÀN

Mọi người ai cũng biết đạo Phật là đạo trí huệ, tử bi, tôn trọng sự sống của muôn loài. Thế giới cũng công nhận đạo Phật là tôn giáo hòa bình, ôn hòa nhất. Lịch sử hơn hai mươi lăm thế kỷ đã chứng minh như thế.

Đạo Phật ngày nay không còn hạn hẹp ở châu Á nữa mà đã lan tỏa khắp mọi nơi trên thế gian này. Đạo Phật dạy con người sống tinh thức, tử bi, khuyến khích con người kiểm nghiệm và thực hành chứ không phải ép buộc bằng giáo điều, không chấp nhận sự tin tưởng mù quáng. Đạo Phật có tính khế cơ khế lý, nói theo ngôn ngữ ngày nay là tính thực tiễn, thích hợp với điều kiện của xã hội và đời sống. Ban đầu đạo Phật chỉ ở vùng Bắc Ấn cổ đại, sau đó phát triển toàn lục địa Ấn và lan tỏa sang các nước khác. Đạo Phật truyền đến địa phương nào thì kết hợp với đặc tính văn hóa, tập quán, truyền thống và trình độ căn cơ của dân chúng ở vùng ấy, vì thế mà có nhiều dòng truyền thừa với truyền thống khác nhau.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, đạo Phật đã chứng minh cho loài người thấy được sự ưu việt của mình. Đạo Phật không chỉ tử bi mà còn rất khoa học. Đạo Phật yêu chuộng hòa bình, tôn trọng sự sống muôn loài, không đe dọa hay làm hại ai, ngay cả với động vật và cỏ cây cũng thế. An cư (kiết hạ và kiết đông) ngoài ý nghĩa tu học, sám hối, thực hiện lục hòa còn có mục đích khác nữa là không đi lại để không làm hại đến côn trùng sâu bọ và cây cỏ trong các tháng mùa mưa.

Vấn đề môi trường hôm nay là một vấn đề có tầm vóc toàn cầu. Sự nóng lên của trái đất và bầu khí quyển, băng tan ở hai cực đe dọa đời sống tự nhiên, biến dạng nhấn chìm những vùng đất thấp, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất đai, sa mạc hóa, rác thải nhựa ngập trong các đại dương... Môi trường tự nhiên ô nhiễm không còn là chuyện của bất cứ quốc gia hay dân tộc nào, tất cả cộng sinh với nhau, liên đới nhau cùng chịu trách nhiệm và hậu quả. Giáo lý nhà Phật dạy: "Cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt." Điều này ứng vào vấn đề môi trường hiện nay, sự tồn vong của con người và đời sống tự nhiên cũng thế, khi tự nhiên bị hoại thì con người không thể tồn tại độc lập được. Sự ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bởi sự khai thác vô độ của con người, bởi sự vô trách nhiệm của con người. Con người khai thác đến độ tận diệt, xả thải vô tội vạ. Con người làm hại môi trường thiên nhiên cũng chính là đang tự hại mình.

Bấy lâu nay truyền thống và các mạng xã hội liên tục đưa tin, hình ảnh những con cá voi khổng lồ bị chết vì nuốt quá nhiều rác thải nhựa, những con rùa biển cũng bị chết oan vì nuốt những bao nylon mà chúng lầm tưởng là sứa biển. Các nhà

khoa học và các tổ chức bảo vệ môi trường khảo sát, ước tính khối lượng rác thải nhựa, cao su, rác thải vô cơ... ở trong các đại dương bằng điện tích nước Pháp và ngày càng tăng thêm nhanh chóng. Các nhà khoa học, các nhà trường khẩn thiết kêu gọi Liên Hiệp Quốc sớm đề ra luật và các biện pháp để cứu lấy đại dương. Các tổ chức bảo vệ môi trường cũng hoạt động hết mình để bảo vệ và cứu lấy hành tinh xanh.

Cộng đồng quốc tế cũng đang tích cực hành động, vậy còn Phật giáo nói chung, cộng đồng Phật giáo Việt chúng ta thì sao? Hình như chưa quan tâm đến, chưa thấy có bất cứ ý tưởng hay hành động gì, lẽ nào một tôn giáo tử bi, trí huệ, tôn trọng sự sống muôn loài mà lại im lặng trước vấn đề sinh tồn của con người và muôn loài? Tôi thiết nghĩ các cấp lãnh đạo Phật giáo của chúng ta nên đề ra chương trình hành động cụ thể, hãy kêu gọi và đánh thức ý thức trách nhiệm của Phật tử chúng ta, hãy cùng hành động vì môi trường.

Đời sống hiện đại cho chúng ta rất nhiều những phương tiện dễ dàng, những sản phẩm vật chất rất tiện lợi cho sinh hoạt hàng ngày. Một trong những món ấy là túi nylon, túi nhựa, hộp xốp (foam), chai nhựa PE, PP, những món đồ xài một lần như đĩa, chén, đĩa bằng plastic... Những món đồ này vô cùng phổ biến và vô cùng tiện lợi nhưng mặt khác cũng chính những món đồ này là nguồn rác thải gây ô nhiễm nghiêm trọng nhất đối với biển cả và đất liền. Những món đồ xốp, nhựa, cao su... này được sử dụng tràn lan và xả vô tội vạ.

Đại dương ngập ngụa rác gây nên thảm họa cho đời sống hoang dã tự nhiên. Đất liền thì những khu vực thải rác nhựa này thì không thể trồng trọt gì được, ngay cả cây đại cũng không thể phát triển. Các cấp lãnh đạo Phật giáo chúng ta nên hưởng ứng lời kêu gọi bảo vệ môi trường của Liên Hiệp Quốc, của những tổ chức bảo vệ môi trường tiêu biểu như: Green Peace. Hãy kêu gọi Phật tử chúng ta nên giảm bớt và tiến tới không dùng những món đồ xài một lần, những món đồ bằng xốp, nhựa như đĩa, chén, hộp, túi nylon... Chúng ta quay lại xài đồ bằng sành, sứ, thủy tinh chịu khó một tí để lau rửa những món đồ ấy sau khi sử dụng. Điều này vừa tiết kiệm được nhiều tiền, vừa góp phần bảo vệ môi trường, vừa nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho Phật tử và đồng hương. Tôi thấy có một trung tâm Phật giáo Việt ở Pháp có cách hành hoạt vô cùng hay, không chỉ độ người Việt mà còn có độ được rất nhiều người phương tây, người các chủng tộc Âu, Á, Phi... Một trong những cách hành hoạt ấy là trong bữa ăn, mỗi người chỉ dùng một cái đĩa sứ để lấy thức ăn (kiểu buffet), mọi người ăn trong chánh niệm và sau khi ăn xong thì mọi người tự đi

rửa đĩa và muỗng của mình. Tất cả cùng vui vẻ, an lạc và hòa đồng. Việc này tiết kiệm tiền trong việc mua chén, đĩa, hộp xốp, vừa giảm đi áp lực công việc cho nhóm thiện nguyện và nhà bếp, vừa thực hiện được chữ "Hòa" (thân hòa đồng trụ, lợi hòa đồng quần) trong Phật giáo. Những bữa ăn ở trung tâm Phật giáo này rất yên lặng, an lạc tràn đầy năng lượng tích cực, khác xa với những bữa ăn sau lễ hội của các chùa ở Mỹ, rất lảng xảng, bận rộn, ồn ào và thậm chí như quán chợ. Tôi ước ao các chùa Việt, trung tâm Phật giáo Việt áp dụng cái mô hình của trung tâm Phật giáo ở bên Pháp, từ bây giờ chỉ dùng đĩa hay các món đồ sành sứ, không dùng đồ nhựa, xốp nữa. Cộng đồng Phật giáo Việt của chúng ta tuy nhỏ, việc làm này có thể không ảnh hưởng lớn nhưng rõ ràng giáo lý nhà Phật đã dạy: "Việc ác dù nhỏ cũng phải tránh, việc thiện dù nhỏ cũng cố làm" hay "Không làm các việc ác, hãy làm các điều lành"... Vậy thì việc góp phần bảo vệ môi trường không còn là việc nhỏ nữa, nó ảnh hưởng đến sự sinh tồn của con người và muôn loài. Lý thuyết đã thuộc lòng, nếu chỉ tụng đọc suông thì chẳng có ích gì, phải hành động ngay thôi! Giả sử các chùa cùng hành động, tất Phật tử cùng hưởng ứng thì việc này ắt sẽ có tiếng vang tốt, sẽ có ảnh hưởng tốt đến địa phương nơi ta sinh sống và sẽ còn lan tỏa xa hơn dù ít dù nhiều.

Nhân đây tôi cũng xin mở rộng thêm một chút, với các địa phương khác thì tôi không nói đến, tôi chỉ đề cập đến địa phương nơi tôi sống vì tôi thấy và biết rất rõ ràng. Người Việt và các chùa Việt khi mới tâu mả, việc đầu tiên là muốn người cắt hết các cây to lớn ở phần đất của mình. Có những khu vực với vườn thông xanh ngắt đẹp như mơ, cây cao bóng cả mát rượi rất thanh bình; ấy vậy mà khi người Việt làm chủ là cắt hết, cắt cây xanh như là một đặc điểm chung của người Việt ở đây. Điều này thật khó hiểu nhưng lại là sự thật. Tôi nhớ đâu đó đức Phật từng cấm các tỷ kheo không tự tiện vô ý chặt hạ cây xanh, chỉ cắt bỏ khi có lý do chính đáng. Việc cắt cây xanh cũng là một việc ảnh hưởng xấu đến môi trường, và cũng gây khó chịu cho láng giềng, nhất là cư dân da trắng. Bởi vậy mà những khu vực có nhiều người Việt và chùa Việt thì người da trắng bán nhà bỏ đi hết (tất nhiên còn nhiều nguyên nhân khác chứ không chỉ mỗi nguyên nhân cắt cây).

Ô nhiễm môi trường hiện nay rất nghiêm trọng, tuy nhiên mỗi người chúng ta còn sống yên ổn trong những khu vực an toàn nên chưa cảm nhận được sự nguy hại, vì thế cái ý thức bảo vệ môi trường xem nhẹ hoặc chưa ý thức được. Hy vọng sao mỗi Phật tử chúng ta, mỗi chùa Việt cùng tham gia hành động vì môi trường. Việc bảo vệ môi trường là một việc thiện, việc có ích cho chúng sanh.

Sử dụng túi nylon, bao nhựa, chai nhựa, hộp xốp, chén đĩa xài một lần... quá tiện lợi, dễ dàng và đã trở thành thói quen; bây giờ kêu gọi từ bỏ quả thật là khó, tuy nhiên chúng ta là Phật tử, hãy nghĩ đến chữ từ bi, nghĩ đến môi trường sống của con người và muôn loài vạn vật thì chúng ta sẽ làm được thôi. Từ bỏ những vật dụng xài một lần ấy có thể làm chúng ta thấy mất đi một chút tiện lợi nhưng sẽ đem lại lợi ích lớn cho môi trường, điều này cũng có nghĩa là lợi cho muôn loài, lợi cho thế hệ con cháu sau này.



MỘT BIỂN KINH

*Bỏ mình hạ thấp thật sâu
Tôi quên tôi đã từ lâu lắm rồi
Bỏ đi buông xuống lặng ngời
Vì chúng học Phật nên thôi rộn ràng*

*Vậy mà lòng lại thênh thang
Mái vui với đóa hoa vàng ngoài sân
Ngõ vắng cũ
Lại thanh tân
Đặng nhiều an lạc tâm thần phi phong*

*Dẫu còn những nỗi nhọc lòng
Nhưng đời cũng đã thông dong ít nhiều
Vui chợ sớm
Vãn chùa chiều
Mặc dòng thế sự lắm điều nhiều nhưng*

*Hương hoa đánh lễ cúng dường
Biển kinh một hóa mười phương Phật đà
Sóng âm vang vọng gần xa
Rằng mười pháp giới cũng là tại tâm.*

thơ

ĐỒNG THIÊN

Ất Lãng thành, 08/22



LOẠI BỎ BỆNH LAO TRONG ĐỜI MÌNH

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Thống kê năm 2008, cho hay trên thế giới có trên 1.3 tỷ người bị nhiễm, 15 triệu người mang bệnh và số tử vong mỗi năm lên tới 2.5- 3 triệu.

Tại Mỹ, bệnh lao đã giảm rất nhiều. Năm 2010 có 11,182 ca mà phần đông thấy ở di dân, người vô gia cư, người nghiện chích thuốc, bệnh nhân bị liệt kháng HIV.

Theo văn phòng Y Tế Thế Giới, tại Việt Nam, bệnh lao còn khá phổ biến và đứng hàng thứ 12 trong 22 nước có số bệnh nhân lao cao trên thế giới. Mỗi năm, Việt nam có khoảng 175,000 ca lao mới đủ loại trong đó lao phổi dương tính với vi khuẩn Koch là 60,000. Tổng số bệnh nhân lao lưu hành lên tới trên 260,000 người. Tử vong hàng năm là 30,000, nghĩa là cứ 18 phút có một người chết vì lao.

Trong những năm gần đây, bệnh lao trở nên khó chữa vì sự xuất hiện của các vi khuẩn lao kháng thuốc.

Với "Stop TB in My Lifetime," các tổ chức y tế trên toàn thế giới cổ vũ mọi người từ trẻ tới già tự nguyện tìm mọi cách để loại bỏ bệnh lao. **Vi Bệnh Lao có thể phòng ngừa và điều trị được.**

Để thực hiện được hoài bão này, cần biết bệnh lao là gì và làm sao loại bỏ.

Xin cùng ôn lại mấy điều về bệnh Lao.

1. Nguyên nhân nào gây ra bệnh Lao?

Lao là một bệnh truyền nhiễm do trực khuẩn Mycobacterium tuberculosis gây ra. Vi khuẩn được bác sĩ người Đức Robert Koch (1843-1910) nhận diện vào năm 1882.

Vi khuẩn này rất hiếu khí, cho nên thường tấn công phần đỉnh của phổi, phần đầu và thân của xương. Gan, dạ dày, thực quản ít bị lao vì lượng dưỡng khí ở đây thấp.

2. Bệnh Lao Lan truyền như thế nào?

Lao lan truyền hầu như duy nhất qua không khí từ người bệnh sang người khác. Vi khuẩn lặn vào không khí khi người bệnh ho, hắt hơi, cười nói to và sống được khoảng vài giờ. Người kế cận hít vào và mang bệnh.

Sự truyền lan qua không khí chỉ xảy ra trong trường hợp lao ở phổi hoặc ở họng, chứ không xảy ra khi bị lao ở các nơi khác như thận, xương.

Bình thường cần có sự chung sống lâu với người lao chưa được điều trị mới mắc bệnh, chứ chỉ gặp gỡ thoáng qua một vài lần thì ít khi bị. Chẳng hạn như đi trên cùng chuyến xe bus mà người ngồi cạnh bị lao thì cũng không đủ thời gian để bệnh truyền sang.

Bệnh không lây lan khi sờ đụng vào nhau, dùng chung bát đĩa, phòng vệ sinh, phòng tắm.

3. Bệnh Lao còn nhiều không?

Theo cơ quan Y tế Thế giới thì 1/3 dân số trên trái đất bị bệnh lao, nhất là ở các quốc gia kém mở mang vì nghèo đói, ăn ở chật chội, kém vệ sinh công cộng, thiếu phương tiện phòng ngừa bệnh. Cũng theo cơ quan này, lao đứng hàng thứ nhì trong số các bệnh nhiễm với tử vong khoảng hai triệu trên thế giới.

Với sự di chuyển dễ dàng, di dân du lịch toàn cầu, mọi quốc gia đều có nhiều khả năng tiếp nhận bệnh nhân lao, kể cả lao kháng thuốc.

4. Xin nói về triệu chứng của bệnh Lao

Người bị lao thường ho cả mấy tuần lễ, đôi khi đàm lẫn máu, đau ngực, khó thở, nóng sốt, đổ mồ hôi ban đêm, gây ốm mất kí. Ho ra máu xảy ra khi có "lổ" cavity ở phổi.

Khi có những dấu hiệu vừa kể, kéo dài vài tuần lễ mà không biết rõ nguyên do, đều cần đi bác sĩ để được khám nghiệm.

Riêng với trẻ em, các triệu chứng thường thấy gồm có ốm yếu, sút cân trong 2 tháng mà không biết rõ nguyên nhân, ho, thở khò khè, sốt vào ban chiều, đổ mồ hôi trộm.

5. Làm sao để tìm ra bệnh?

Định bệnh căn cứ vào các dấu hiệu bệnh lý, thử đàm tìm vi khuẩn lao, chụp quang tuyến phổi, làm phản ứng tuberculin, soi phết quản.

a) Xét nghiệm tìm trực khuẩn trong đàm rất chính xác để chẩn đoán lao phổi, nhất là sau khi nuôi cấy trong môi trường riêng. Thử nghiệm rẻ tiền, dễ thực hiện, thích hợp với các quốc gia đang phát triển.

b) Thử nghiệm nhiễm lao bằng tuberculin test chích dưới da với một chút chất đậm đặc biệt. Sau 48 giờ, chỗ chích hơi sưng đỏ là dấu hiệu nhiễm vi trùng lao, nhưng còn yếu không đủ gây bệnh.

Thử nghiệm này do bác sĩ người Pháp Charles Mantoux khám phá, áp dụng vào năm 1910 và là thử nghiệm chính xác nhất hiện nay.

Những người sau đây cần thử Mantoux trên da:

- đã tiếp xúc thời gian lâu với người bệnh lao
- bị nhiễm HIV
- cho rằng mình đã bị bệnh lao
- sống ở quốc gia mà bệnh lao thường có, như Đông Nam Á châu
- nghiện chích thuốc cấm.

c) Thử máu QuantiFERON-TB để đo khả năng miễn dịch của cơ thể với trực khuẩn lao. Trong tương lai, thử nghiệm này có thể thay thế cho phản ứng da.

Hai thử nghiệm sau chỉ cho biết có bị nhiễm

lao hay không chứ không cho biết có bệnh lao. Cần xác định bằng X-quang, thử nghiệm đàm.

Cơ quan Y tế Thế giới đưa ra một hướng dẫn tìm bệnh lao như sau:

- Mọi người bị ho không lý do kéo dài 2-3 tuần lễ hoặc lâu hơn đều cần được khám nghiệm coi có bị bệnh lao hay không.

- Mọi bệnh nhân nghi ngờ bị lao phổi cần được thử đàm ít nhất hai, hoặc tốt hơn, ba lần để coi có vi khuẩn lao. Nếu có thể được, nên lấy một mẫu đàm vào buổi sáng sớm.

- Mọi bệnh nhân có kết quả X-quang không bình thường đều cần được thử nghiệm đàm để kiểm vi khuẩn gây bệnh.

6. Cần phân biệt nhiễm lao với bệnh Lao

- Trong nhiễm lao (TB-infection), vi khuẩn nằm im không tăng trưởng vì bị hệ miễn dịch của cơ thể khống chế, không gây ra bệnh, không có dấu hiệu triệu chứng, X-quang phổi bình thường và không truyền lây bệnh được. Tuy nhiên, nhiễm có thể trở thành bệnh nếu cơ thể suy nhược, mắc HIV, nghiện chích thuốc cấm, sống gần gũi với người bị bệnh lao.

Người nhiễm lao cần phải uống thuốc isoniazid phòng tránh bệnh trong sáu tháng.

- Bệnh lao (TB-Disease) là khi vi khuẩn đang hoạt động mạnh, tấn công mô bào các cơ quan, gây ra các triệu chứng dấu hiệu bệnh và có thể truyền vi khuẩn cho người khác.

7. Xin nói về cách điều trị bệnh Lao

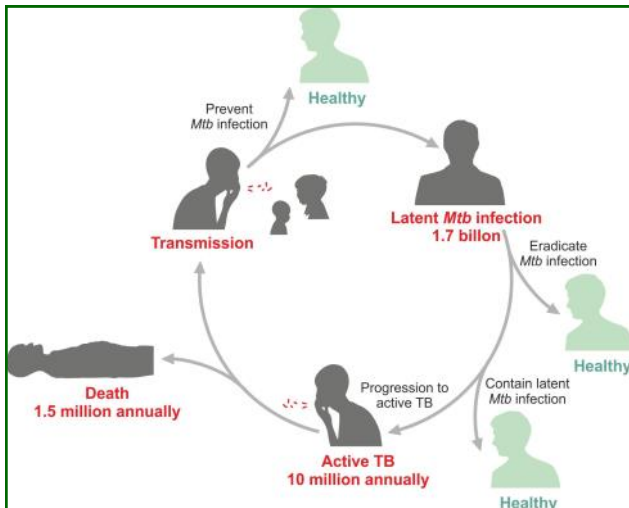
Cách đây trên nửa thế kỷ, không có thuốc nào có thể trị dứt bệnh lao. Lao đã được liệt kê vào nhóm bốn nan bệnh trong nền y học cổ truyền dân tộc Việt Nam, Trung Hoa (Phong, Lao, Cổ, Lại, Tứ chứng nan y).

Nhưng kể từ năm 1950, nhiều thuốc trị lao rất công hiệu đã được khám phá, sản xuất. Có hai nhóm thuốc chữa lao:

- Nhóm thiết yếu hàng đầu gồm có Isoniazid, Rifampin, Ethambutol, Pyrazinamide.

- Nhóm hàng hai thứ yếu là streptomycin, ethionamid, prothionamid, PAS, cycloserin, kanamycin và capreomycin.

Vì lao là bệnh có nhiều ở các quốc gia đang phát triển, sự điều trị không đồng nhất, nên cơ quan Y tế Thế giới đã có hướng dẫn chung như sau. Hướng dẫn này đã được nhiều tổ chức y tế tại các quốc gia ủng hộ:



- Mọi bệnh nhân, kể cả người bị nhiễm HIV, mà trước đây chưa nhận điều trị lao, đều nên dùng các thuốc hàng đầu đã được mọi người công nhận.

Giai đoạn đầu kéo dài hai tháng với isoniazid, rifampin, pyrazinamide và ethambutol.

Gian đoạn kế tiếp được ưa thích là bốn tháng với hai thuốc isoniazid và rifampicin. Có thể thay thế bằng isoniazid và ethambutol trong sáu tháng nếu người bệnh không tuân thủ điều trị, nhưng e rằng bệnh sẽ khó lành và nhiều nguy cơ tái phát có thể xảy ra, đặc biệt đối với người bị nhiễm HIV.

- Mọi bệnh nhân cần được theo dõi kết quả với thử đàm vào lúc kết thúc điều trị hai tháng của giai đoạn đầu, sau năm tháng và khi hoàn tất trị liệu. Bệnh nhân dương tính với thử đàm vào tháng thứ 5 đều bị coi như thất bại và cần được xem xét lại phương thức điều trị.

- Bệnh nhân lao kháng thuốc cần được điều trị với bốn thuốc hàng hai trong thời gian ít nhất là 18 tháng.

Nói chung, người mắc bệnh lao phải uống thuốc trong thời gian lâu, ít nhất là sáu tháng. Sau hai tuần lễ uống thuốc, nguy cơ lan truyền bệnh đã giảm đi rất nhiều.

Nếu ngưng thuốc giữa chừng, bệnh tái phát và rất khó chữa. Điều quan trọng là phải uống thuốc cho tới khi bác sĩ thử nghiệm, chụp phim thấy hết bệnh chứ không phải là ngưng khi thấy trong người khỏe trở lại và lên cân.

Nếu bị bệnh mà không chữa thì không những sẽ thiệt mạng mà còn rủi ro truyền bệnh cho người khác.

8- Có thể phòng ngừa bệnh Lao được không?

Phòng tránh lao tập trung vào các điều sau đây:

Loại trừ nguồn gốc gây ra lan truyền bệnh.

Bệnh nhân lao phổi và cuống họng cần được chẩn đoán càng sớm càng tốt, tạm thời để họ ở riêng và bắt đầu điều trị ngay bằng dược phẩm để tiêu diệt vi khuẩn gây lao.

Trong thời gian này, bệnh nhân không trở lại nơi làm việc hoặc trường học, tránh tiếp xúc với người lành, đặc biệt là trẻ em, người nhiễm HIV, không lai vãng nơi công cộng nhiều người tụ tập.

Thường thường, sau 2-3 tuần lễ uống thuốc đều đặn, thử nghiệm đàm âm tính thì khả năng lây truyền bệnh giảm.

Sớm khám phá ra bệnh.

Khi nghi có bệnh, cần đi bác sĩ để được khám nghiệm, thử đàm, chụp hình phổi, thử phản ứng tuberculin ngoài da và điều trị, nếu có bệnh.

Điều trị trường hợp nhiễm lao, phản ứng da dương tính và chưa có dấu hiệu bệnh.

d) Tạo sức đề kháng với vi khuẩn lao bằng vaccin BCG. Đây là loại vi khuẩn lao sống nhưng đã giảm độc tính và hiện đang được dùng ở mọi nơi, đặc biệt là trẻ em tại các quốc gia đang phát triển, lao nhiều. Vaccin không ngừa bệnh lao nhưng tăng cường sức đề kháng của cơ thể với vi khuẩn lao.

Nên nhớ là bệnh lao không di truyền, không gây ra do hút thuốc lá.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Pháp Lạc Thất

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tiệc vui tưởng không bao giờ dứt, nhưng rồi cũng đến lúc bọn trẻ lục tục ra về. Tiễn xong nhóm bạn cuối cùng, cô bé chạy ngay vào phòng khách, ở đó, các gia nhân đang bận rộn dọn dẹp. Hoa đèn, ly tách, bánh trái, quà tặng... la liệt khắp nơi. Cô cúi nhặt cây nến hồng mang số 16, đã cắm trên chiếc bánh sinh nhật đêm nay, nhìn đám gia nhân, mỉm cười với họ, rồi chạy lên lầu.

Ông Thái-Lâm đứng chờ con gái ngay ngoài hành lang rực rỡ ánh đèn. Cô bé chạy đến bên cha. Ông hỏi cô, giọng tràn ngập thương yêu:

- Thế nào, công chúa nhỏ của cha, con có vui không ?

- Thưa cha, con vui lắm.

- Nào, bây giờ con hãy nói cho cha biết con muốn món quà gì trong ngày sinh nhật thứ 16 này? Con muốn bất cứ thứ gì trên đời, cha cũng cho con được. Con là con gái yêu duy nhất của cha mà.

Cô bé dụi dụi mắt nhìn cha. Cô biết, cô được cha yêu quý vô cùng. Cha cô vẫn nói, cô giống mẹ từ chân tơ, kẽ tóc, vừa xinh đẹp, vừa tài hoa. Cha thương nhớ mẹ bao nhiêu là yêu quý cô bấy nhiêu. Tai nạn thảm khốc mười một năm trước đã lấy đi tiếng cười trong tòa biệt thự nguy nga này. Chiếc máy bay riêng chở mẹ cô đi thăm bà ngoại đã lao xuống vùng biển đầy đặc sương mù.

Cha đã sống mười năm cô đơn dù ông bà ngoại đã nhiều lần khuyên cha nên tìm người chia sẻ vui buồn. Cô không biết cha muốn sống với kỷ niệm của mẹ hay cha chưa tìm được tri kỷ, cho tới khi gặp dì Quỳnh-Lan.

Dì về đây chỉ mới hơn một năm thôi. Chính cô đã từng nói, cảm ơn dì vì dì đã mang lại cho cha cô tiếng cười vắng tắt lâu nay. Dì chăm sóc hai cha con chu đáo, chia sẻ với cha những bận rộn trong việc kinh doanh, chia sẻ với cô những khúc mắc ở

học đường.

Nhưng bỗng nhiên, sao mỗi ngày cô mỗi thấy bất ổn trong tình cảm dành cho dì. Sự bất ổn vô cớ này làm cô buồn rầu, bức bối triền miên...

- Kia, con gái, sao không nói đi? Con làm cha hồi hộp quá. Mỗi sinh nhật con, theo mỗi tuổi, cha đã đoán biết ý con mà mua quà. Thường là cha đoán đúng, phải không? Sao năm nay con lại cần dặn, đừng cho con gì cả, hãy chờ buổi tiệc tan, con sẽ nói với cha là con muốn gì. Con muốn bà Tiên có chiếc đũa thần cha cũng sẽ tìm được cho con.

Tiếng cười ròn rã của cha cô ngưng bật khi cô nói:

- Con muốn vườn Trúc-Lâm.

- Con nói gì? Vườn Trúc-Lâm nào? Ở đâu?

Cô bé ngược nhìn cha. Lòng cô chợt quặn đau như có ai vỗ xé. Lẽ nào cha không biết vườn Trúc-Lâm ở đâu. Lẽ nào cha đã quên mẩu chuyện từng kể cho cô nghe. Khi cha mới cưới mẹ về biệt thự này, mẹ yêu ngay khu vườn sau vì vườn được bao bọc bởi những hàng trúc xanh mướt. Mẹ trồng trọt, chăm sóc thành một vườn hoa bốn mùa rực rỡ. Mẹ thường nói đùa với cha rằng vườn hoa của vua thì gọi là vườn thượng uyển, còn vườn hoa này mẹ sẽ đặt tên là vườn Trúc-Lâm vì đó là tên ghép lại của cha mẹ. Mẹ là Thanh-Trúc, cha là Thái-Lâm. Lâm còn có nghĩa là rừng nên khi ghép hai chữ "Trúc Lâm" với nhau còn có nghĩa là rừng trúc, đúng như phong cảnh của khu vườn. Mẹ cho đó là một sự ngẫu nhiên tình tứ.

Vậy mà cha đang hỏi cô, vườn Trúc Lâm nào? Ở đâu? Có phải dì Quỳnh-Lan đã hoàn toàn bôi xóa hình ảnh mẹ trong lòng cha rồi không?!

Mắt cô bé sưng ứ, và lệ đã rơi lã chã trên ngực áo dạ hội. Cô thốt thức trách móc:

- Mẹ đặt tên vườn là Trúc Lâm, cha quên rồi sao?

Ông Thái-Lâm ngạc nhiên:

- Vườn hoa trong biệt thự này ư?

- Vâng!

- Con gái yêu ơi, cha đâu có quên mẹ con đặt tên vườn là Trúc-Lâm, nhưng đó chỉ là cha mẹ nói với nhau cho vui mà thôi. Khi con hỏi xin vườn Trúc Lâm thì cha lại tưởng có khu vườn nào, ở đâu đó, mà con muốn. Biệt thự này đang là của con. Khi con đủ tuổi trưởng thành, cha sẽ trao gia tài cho con, con muốn biệt thự lớn hơn cũng có, con biết như thế chứ? Sao lại phải xin cha vườn hoa thôi ?

- Con muốn được có toàn quyền khu vườn đó.

- Con đang có toàn quyền cả ngôi biệt thự cơ mà.

Cô bé cảm thấy khó làm cho cha hiểu ý mình. Cô đổi giọng hờn dỗi:

- Con không muốn cả ngôi biệt thự. Con chỉ xin vườn Trúc-Lâm, cha có cho con không?

Ông Thái-Lâm, như đành chịu thua con gái, nói cho qua chuyện:

- Được, từ nay con là chủ vườn Trúc-Lâm.

Cô bé ôm chàng lấy cha, hôn lên trán, lên má ông. Nước mắt cô ướt trên vai áo cha. Cô đang khóc vì sung sướng...

Sáng hôm sau, cô thức sớm, đi ra vườn.

Khu vườn này cô đã thơ thẩn vào ra mười mấy năm rồi. Cô thuộc từng gốc bạch-mai, từng nhánh hải-đường. Cô yêu từng khóm hạc-đỉnh-lan, lá dài rủ xuống dáng hoa như mào chim hạc, từng giò phong-lan treo trong những giỏ tre, từng bụi ngâu hoa nhỏ, sắc vàng thơm ngát. Cô cũng biết là mẹ cô yêu cây ngọc-lan lắm. Mẹ cô trồng cây ngọc-lan bên hồ sen, tỏa hương thơm khắp vườn. Cha kể rằng, mẹ thường hái những bông hoa trắng muốt, dáng thon

như búp tay để gài lên tóc. Rồi hoa đào, hoa hạnh, hoa hồng, hoa cúc, hoa hoàng-anh lá điểm xanh vàng, hoa phượng-tiên khi nở có ba màu đỏ, trắng, tía.

Cô chậm rãi đi về cuối vườn, hít nhẹ hương thơm thoang thoảng từ dây cấm-nhung năm màu rực rỡ và không thể không dừng lại ở hàng cây bạch-hạc-tiên với những bông hoa trắng, sáu cánh, khi nở xòe ra như cái trâm cài tóc. Có lẽ vì vậy mà hoa còn có tên là hoa ngọc-trâm chàng?

Cô bé đã đứng ở cuối vườn, trước lều trúc. Cha cô kể rằng, khi gã làm vườn chặt bớt những bụi trúc quá rậm rạp thì mẹ cô bảo hãy để dành, khi có đủ sẽ dựng một căn lều đơn sơ toàn bằng trúc để mẹ vào uống trà những khi quanh quẩn ngoài vườn nắng.

Từ khi mẹ mất đi, lều trúc không còn thoảng hương trà nữa...

Nhưng kìa, có bóng ai ngồi bất động trong lều...

Cô bé dụi mắt...

Đó là gã làm vườn.

Gã ngồi xếp bằng, lưng thẳng, hai bàn tay đan vào nhau, đặt ngay ngắn trước đùi. Gã nhắm mắt, hướng về phía mặt trời. Trông gã tĩnh lặng như một pho tượng, mà lại toát ra vẻ uy nghiêm kỳ diệu khiến cô bé không dám nhúc nhích.

Lâu lắm.

Rồi hai bàn tay gã rời nhau, hai chân duỗi thẳng. Gã thong thả chà sát hai bàn tay vào nhau, xong, vuốt nhẹ trên hai mí mắt và từ trán xuống cằm. Sau đó gã lại dùng hai tay xoa bóp hai bắp chân rồi mới chậm rãi đứng lên, bước ra trước lều trúc. Gương mặt tràn đầy thành kính, gã chắp tay thành búp sen trước ngực và bắt đầu cúi lạy. Cô bé nhắm mắt, gã đã lạy sáu phương, mỗi phương ba lạy. Sau đó, gã vươn vai, và bây giờ gã mới nhìn thấy cô.

- Cô chủ, cô cần tôi làm gì không? Sao cô ra vườn sớm thế?

Cô bé cảm thấy như mình vừa ra khỏi cơn mơ. Và rồi cô đã nhớ, cô ra vườn sớm để làm gì. Cô nói với gã làm vườn:

- Này anh, nội trong ngày hôm nay tôi muốn anh dọn sạch hết vườn rau, cả những giây nho xanh và giàn thiên lý này nữa. Chặt bỏ hết.

- Sao vậy cô chủ? Bà chủ tự tay trồng vườn rau này mà. Bà



có vẻ thích lắm, nhất là giàn thiên lý.

Tội nghiệp gã làm vườn. Gã không biết, nên đã vừa chạm vào vết đau nhức trong lòng cô bấy lâu.

- Tôi là chủ khu vườn này, không có bà chủ nào khác nữa cả. Từ nay anh chỉ làm việc dưới quyền tôi. Tôi bảo anh trồng gì thì anh trồng nấy, bảo chặt bỏ gì thì anh chặt bỏ nấy, anh nghe rõ không?

Lẽ dĩ nhiên, gã đã nghe rõ. Chưa bao giờ gã thấy cô chủ nhỏ giận dữ và lớn tiếng đến như hôm nay. Gã biết rằng, sẽ phải làm theo lời cô, nhưng cũng lo lắng, nếu phá bỏ vườn rau thì sẽ trả lời thế nào với bà chủ?

Gã thấy có điều gì bất ổn đang xảy ra nhưng gã không thể hỏi gì hơn vì cô chủ nhỏ đang giận. Và cô đã quay đi.

Gã vào lều trúc, xách xéng cuốc ra vườn rau...

Bữa cơm tối, cô bé chờ đợi một trận chiến.

Nhưng lạ.

Dì Quỳnh Lan vẫn thản nhiên, âu yếm gấp thức ăn vào chén cho hai cha con cô như mọi bữa. Dì còn nói, cuối tuần này trời sẽ nắng đẹp lắm, cô có muốn đi chơi biển không?

Cô nhìn thẳng vào mắt dì, tìm dấu vết những giọt nước mắt hồi chiều. Dì không tránh cái nhìn của cô, chỉ dịu dàng mỉm cười. Chẳng lẽ dì không mách cha về cuộc xung đột chiều nay khi dì ra vườn, và sừng sốt thấy gã làm vườn đang gom dọn những rau trái bằm dập vào thùng rác?

Vườn rau dì vun trồng chỉ còn là khoảng đất trống.

Hồi chiều, cô đã không để gã làm vườn phải lúng túng; vì cô đã sẵn sàng những điều muốn nói.

- Dì chưa biết ư, từ tối hôm qua, con đã là chủ khu vườn này. Đây là vườn Trúc-Lâm, vườn mang tên cha và mẹ. Không ai được trồng gì khác ở đây ngoài những cây hoa, khóm trúc mà mẹ đã chăm bón. Cũng không ai được vào đây nữa, nếu không có phép của con.

Cô còn quay sang gã làm vườn, căn dặn:

- Từ nay anh chỉ tuân lệnh tôi mà thôi, và có bốn phạt không cho ai được vào vườn nếu tôi chưa đồng ý.

Lúc đó gã làm vườn mới hiểu được uẩn khúc trong lòng cô chủ nhỏ. Gã nhìn cô, buồn rầu. Cô không có thì giờ mà để ý đến cái nhìn buồn rầu của gã. Cô đang sung sướng hưởng sự ngỡ ngàng, đau đớn của dì Quỳnh-Lan. Nước mắt dì tuôn chảy trên má, hai tay dì xoắn vào nhau, dì nói mà lời như nghẹn lại:

- Dì xin lỗi... nhưng dì không có ý xâm phạm tới mẹ của con... Trời ơi, con phải biết như thế chứ!

- Đúng, con đã biết. Dì chỉ muốn bôi xóa hết hình ảnh mẹ trong lòng cha. Mẹ đã chết rồi, không làm gì được, nhưng còn con đây, dì đừng quên điều đó.

- Trời ơi, con nói chi lạ thế? Mô Phật, nếu dì có lòng nào...

Dì Quỳnh-Lan chưa dứt câu, cô bé đã vung tay tỏ ý bất cần rồi quay lưng bỏ đi...

Cô nghĩ, thế nào dì cũng mách cha. Và cô cũng đã sẵn sàng trả lời cha.

Nhưng rõ ràng là cha chưa biết gì cả. Cha vui vẻ hỏi dì hôm nay đi lễ, chùa có đông không.

Cha cũng âu yếm hỏi cô, làm được những gì trong ngày đầu tiên ở tuổi 16. Nếu dì đã mách cha thì chắc chắn cha không thể vui vẻ như thế.

Cô chợt nhận thấy một điều thật đơn giản, là cô, có thể sẽ làm khổ cha, còn dì Quỳnh-Lan thì, thà cam chịu câm lặng để tránh cho cha sự phiền não khó xử.

Vậy mà cô vẫn tự cho là cô thương yêu cha ư?

Suốt đêm, cô bé trằn trọc. Cô cứ tưởng cô dùng quyền làm chủ vườn hoa để làm dì Quỳnh-Lan đau đớn thì cô sẽ sung sướng. Vậy mà trái lại, dì như vẫn bình an mà cô mới chính là người đang đau đớn ...

Sáng hôm sau, cô ra vườn sớm, tâm vô định mà chân bước về lối trúc.

Cô lại thấy cảnh tượng như sáng hôm qua. Gã làm vườn ngồi xếp bằng, tĩnh lặng trong lều. Bao nhiêu biến cố do cô mới gây ra như không hề ảnh hưởng tới gã, tới dì Quỳnh-Lan, dù đó là hai người trực tiếp nhận chịu. Tại sao thế? Tại sao họ vẫn bình an mà cô thì rầy rứt? Tại sao cô không có được niềm an lạc như họ?

Cũng như sáng hôm qua, sau khi đứng ngoài lối trúc, vái lạy sáu phương, gã làm vườn mới nhận ra sự có mặt của cô. Cô tiến đến gần gã, và không dừng được để không hỏi:

- Mỗi sáng sớm anh ngồi, rồi lạy như thế là nghĩa gì?

- Ô... cô chủ đã thấy...

- Tôi thấy hôm qua và hôm nay. Khi anh ngồi, xong rồi đứng ra đây lạy, anh có vẻ bình an lắm.

- Cô chủ muốn biết điều đó không?

- Muốn.

- Thưa cô chủ, khi tôi ngồi trong lều trúc, đó là tôi thiền tọa. Khởi điểm khi bắt đầu thiền tập là ngồi tĩnh lặng, nhắm mắt, quán niệm hơi thở của mình. Quán niệm hơi thở là không nghĩ gì khác ngoài việc theo dõi hơi thở, nương vào hơi thở để có sự ổn định tâm lý mà nhận ra tự tánh của mình. Khi thở vào, ta biết ta đang thở vào. Khi thở ra, ta biết ta đang thở ra. Ta biết rằng ta đang thở, đó là hơi thở có ý thức. Ta đạt được những hơi thở có ý thức là do tâm ta chỉ chú trọng tới hơi thở nên tâm ta và hơi thở đã chuyên nhất, đã

trở thành một. Điều đó có nghĩa là khi ta chỉ nhất tâm theo dõi hơi thở, thì những tạp niệm vẫn vương, vô bổ, không còn có nơi dựa vào. Không có chỗ dựa thì tạp niệm phải buông, phải dứt. Khi tạp niệm dứt, đương nhiên là ta được an trú trong an lạc.

Cô bé ngạc nhiên quá. Cô hiểu ngay được những lời gã làm vườn vừa nói. Gã nói trong sáng, giản dị. Gã nói như lời Phật vừa truyền qua. Cô đã hiểu ngay để có thể hỏi tiếp:

- Như thế, có phải là chỉ cần một hơi thở tĩnh thức là ta đã có thể tạo được trạng thái an lạc trong tâm, ở giây phút ấy? Và nếu ta tập luyện để duy trì hơi thở mình tĩnh thức thường xuyên thì ta sẽ thường xuyên an lạc?

- Đúng thế, cô chủ ạ, cô chủ đã hiểu rồi đây. Trong giai đoạn đầu tu thiền, khi hành giả ngồi thiền, chính là lúc mọi vọng tưởng dậy lên. Vọng tưởng là những thứ niệm nhớ tưởng trùng trùng điệp điệp, luân tập lâu đời, chất chứa trong ta mà ta thường ngỡ là tâm. Những niệm đó khởi lên khi đối xúc với cảnh tượng, mà cảnh tượng thì thay đổi, sinh diệt luôn luôn nên niệm đó không thật. Bởi không nhận ra nó không thật nên ta vẫn dựa vào vọng tưởng, ngỡ giả là thật mà mãi chìm đắm trong vô minh.

- Làm sao nhận ra được đâu là vọng tưởng, đâu mới thật là tâm?

- Phải tu, cô chủ ạ. Có nhiều pháp tu, bởi chúng ta, trí huệ chẳng đồng nên mỗi người tự chọn pháp nào hợp với mình. Pháp nào cũng đi đến mục đích là gạn lọc hết vọng tưởng nhiễm ô để thấy được tự tánh thanh tịnh của mình. Vọng tưởng như mây, tự tánh như trăng. Mây bay đi, trăng sẽ tỏ.

Cô bé cảm thấy lòng như nở hoa. Cô lại hỏi:

- Sau khi thiền tọa, anh lạy sáu phương là lạy những gì?

- Lạy sáu phương là sự thực tập để có một đời sống đạo hạnh. Khi lạy phương Đông, ta hướng niệm lòng ghi ơn cha mẹ, tạ ơn công đức sinh thành tựa biển rộng sông dài. Khi lạy phương Tây, ta hướng niệm tới tình gia đình ruột thịt, nghĩa gần bó vợ chồng tận tụy thủy chung. Khi lạy phương Nam, ta

hướng niệm ơn thầy cô, những người đã vì yêu thương mà hết lòng khai sáng trí tuệ ta. Khi lạy phương Bắc, ta hướng niệm tới tình bằng hữu thâm sâu, tình tri kỷ chia sẻ ngọt bùi. Khi lạy phương Hạ, ta hướng niệm tới những người cùng ta làm việc, góp công sức và trí tuệ để hoàn tất nhiệm vụ tốt đẹp. Sau hết, khi lạy phương Thượng, ta hướng niệm về các bậc hiền nhân quân tử, về những người đã có đời sống như tấm gương trong sáng cho ta soi mà sửa mình rèn trí.

Cô bé đứng lặng trong nắng mai. Lòng cô không phải chỉ như đóa hoa vừa nở mà cô cảm thấy như cả khu vườn, muôn hoa đều đang nở rộ trong cô. Cô không thể ngờ rằng, chỉ cần đắm ba phút trong ngày, nếu hiểu biết và hướng tâm mình cho đúng, ta có thể được hưởng niềm an lạc mênh mông không gì mua được. Cô bé nhìn gã làm vườn và dịu dàng nói với gã:

- Từ sáng mai, anh dạy tôi thiền tọa nhé!

Ngạc nhiên, nhưng gã nói:

- Vâng, thưa cô chủ, tôi là người tuân hành theo ý cô mà.

Từ đấy, lối trúc trở thành đạo tràng, nơi mỗi sáng sớm cô chủ nhỏ và gã làm vườn cùng yên lặng thiền tọa. Cô rất thông minh và thành tâm nên không bao lâu cô đã đạt được tới trạng thái, tâm của cô đồng nhất với không gian, trong đó, mọi hình tượng, sắc thái đều tan biến. Không gian trở nên nền tảng của vũ trụ, và thân tâm cô nhẹ như mây khói.

Những buổi thiền tọa sau đó, cô cố gắng quán chiếu sâu sa hơn để tiến tới bốn tâm tư lớn trong đạo pháp. Tứ Vô Lượng Tâm đó là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Cô đã ngồi xếp bằng theo thể kiết già, chấp tay búp sen để nghe gã làm vườn giảng về bốn biển bao la này. Gã nói:

- Thưa cô chủ, tâm Từ là sự thương yêu, sự hòa đồng, sự rộng lượng mà ta có thể mang đến cho người khác. Người có tâm Từ sẽ dễ dàng giải tỏa được những giận hờn, ganh ghét. Tâm Bi là trái lòng rộng ra, tự nguyện thực hiện những việc có thể làm với đi những đau khổ cho người khác. Hai tâm Từ và Bi là những tình thương ta tự nguyện hành trì mà không hề mong chờ được đền trả. Tâm Hỷ là luôn luôn sẵn

sàng đem niềm vui đến cho người và mở rộng lòng mà vui theo cái vui của người. Cuối cùng, tâm Xả là quán chiếu chánh niệm để đạt được sự an tịnh, thanh thân, hầu tạo được những mối tương quan bình đẳng, đẹp đẽ giữa muôn người, muôn loài. Luyện được tâm Xả ta sẽ xua tan hết lòng đố kỵ, nghi hoặc.

Cô bé lắng nghe chăm chú. Những điều cô vừa nghe thật cao siêu mà cũng thật giản dị. Cô nhận ra ngay rằng, giáo lý của Đạo Phật không phải chỉ là lý thuyết mà là sự hành trì. Người Phật tử, dù tụng ngàn pho Kinh cũng chưa phải là người hiểu Đạo nếu không áp dụng được Giáo lý đó cho bản thân mình và cho đại chúng.

Không bao lâu, cô bé bỗng nhận thấy, sau những bồn phận và công việc thường ngày, cô chỉ mong mau mau tới giờ xuống lầu trúc thiền tọa. Lòng cô tràn đầy vui vẻ mỗi khi cô bước vào lầu trúc để ngồi thiền. Chính vì sự vui vẻ đó mà cô đã nghĩ đến một cái tên rất đẹp để đặt cho lầu trúc.

Một buổi sáng, cô xuống vườn sớm hơn thường lệ, định nói với gã làm vườn là từ nay lầu trúc sẽ có tên là Pháp-Lạc-Thất, nghĩa là nơi tu học vui vẻ.

Nhưng, lầu trúc vắng lặng một vẻ khác thường, chỉ có tiếng lao xao của lá trúc đong đưa trong gió. Cô đến bên tọa cụ, nơi vẫn thiền tọa thì thấy một phong thư. Đó là phong thư gã làm vườn để lại: "Thưa cô chủ, cô chủ đã đạt được niềm thanh tịnh, an lạc rồi. Cô chủ sẽ sống đời thoải mái, hạnh phúc vì điều cô chủ đạt được chính là một, trong những điều căn bản của Đạo Lý Giác Ngộ. Trong Đạo Lý Giác Ngộ, thương yêu phải đi đôi với hiểu biết. Không hiểu biết thì không thể thương yêu. Cô chủ đã đạt, nên cô chủ sẽ cảm thấy rõ ràng, thương yêu cũng chính là hiểu biết. Cô chủ sẽ không cần tôi hướng dẫn nữa. Xin phép cô chủ cho tôi được ra đi để hoàn thành điều tôi tâm nguyện".

Cô bé cảm thấy lòng mình chùng xuống một mất mát lớn lao. Cô ngước nhìn cây Bồ Đề có tàng lớn che trên mái lầu trúc. Cô nhớ, có lần gã làm vườn đã nói với cô về cây Bồ Đề. Nó có tên nguyên thủy là cây Pippala. Thái-tử Siddhatta, tức sa-môn

VỀ

*Em ngồi về một chiều thu
Có từng cơn gió vi vu ngoài trời
Đu đưa từng chiếc lá rơi
Trái đầy lên cỏ phía nơi vườn nhà.
Em ngồi về buổi chiều tà
Hoàng hôn rụng xuống nhạt nhòa bóng ai
Liêu xiêu trên quãng đường dài
Chiếc đòn gánh vắt ngang vai nặng oằn.
Em ngồi về những nếp nhăn
Lên vàng trán mẹ tảo tần lo âu
Vẽ thêm đôi mắt quầng sâu
Vị đêm thức trắng canh thâu một mình.
Em ngồi về lại dáng hình
Mẹ quê mái tóc trắng tinh một màu
Nụ cười tựa như vì sao
Để cho em vẽ sâu vào trong tim.*

thơ **VỸ TUẤN**

Gotama đã đắc đạo dưới gốc cây Pippala sau bao khổ công quán chiếu, dựa trên sự vận dụng minh mẫn của tri thức. Đạo Tri Thức, theo tiếng Magadhi là Buddha. Bởi Đức Phật đắc đạo dưới gốc cây Pippala nên cây Pippala được gọi là cây Bodhi, vì chữ Bodhi cùng họ với chữ Buddha. Cây Bodhi được ta phiên âm thành cây Bồ Đề từ đây.

Một chiếc lá Bồ Đề nhẹ rơi. Cô đưa tay ra, đỡ lấy, rồi đi về hướng hồ sen.

Bông sen đầu mùa vừa nở, ngào ngạt hương. Cô ngồi xuống bên hồ, chăm chú nhìn. Bông sen, với những cánh màu hồng đào ôm lấy nhau, vươn lên từ mặt hồ trong vắt. Những lá sen xanh mướt, hân hoan như trợ lực đóa hoa đón ánh mặt trời vừa rạng. Nhìn kỹ hơn, từ bông sen, cô bé không chỉ thấy đài hoa, cánh hoa, nhị hoa mà cô còn thấy cả bùn, đất, gió, cát, nắng, mưa... Tất cả những thứ đó giúp bông sen có mặt. Nếu không có bùn, đất, gió, cát, nắng, mưa... thì bông sen không thể có mặt. Sự có mặt của cái này ở trong sự hiện hữu của cái kia. Đó là bài học

về nguyên lý của Tương Nhập và Tương Tác mà gã làm vườn đã từng dạy cô. Đó là sự tương quan trùng trùng của vũ trụ.

Thực thế, gã làm vườn đã ra đi, nhưng trong tương quan mệnh mông huyền nhiệm mà cô vừa quán chiếu được, thì gã vẫn còn đây, trên chiếc lá này, trên bông hoa kia, trên khóm trúc nọ. Chiếc lá, bông hoa, khóm trúc đang vì gã mà có mặt. Cô bé thấy rõ như thế. Và cảm giác mất mát, buồn rầu hoàn toàn tan biến.

Trở lại Pháp-Lạc-Thất, hương về phương Nam, cô chấp tay búp sen, lay ba lay.

Đó là bài học đầu tiên, Lay Sáu Phương, để thực tập đời sống đạo hạnh mà cô đã được gã làm vườn chỉ dẫn.

Cô vừa cúi lay phương Nam.

Đó là phương mà hành giả hưởng niệm tới bậc thầy đã khai sáng trí tuệ cho mình.

Huệ Trân
(Độc Cư Am – Thời khoa Quán Tâm)

SU SU XÀO CHAY (Vegan stir-fried chayote squash)

(VNAC) - Quả su su thông dụng nhiều nơi trên thế giới, ở Nam Phi người ta cũng gọi là "chouchou." Trên đất nước Việt Nam chúng ta, Tam Đảo nổi tiếng là củ su su ngon.

Cách chọn su su rất dễ, bạn nên tìm vỏ nhẵn mịn, đừng bị đốm đen. Su su không có chất béo, không có cholesterol, không có chất muối (sodium), và là nguồn sinh tố C rất tốt. Bạn có thể giữ su su trong tủ lạnh khoảng 1 tháng, khi ăn chỉ lấy ra rửa sạch. Vỏ su su ăn được, không cần gọt bỏ.



Thực hiện:

- Thái chỉ 1 quả su su.
- Bắc chảo, lửa cao, cho su su vào, nấu với ¼ chén nước lọc.
- Khi sôi, bớt lửa vừa, đậy nắp lại cho mau chín.
- Khi su su mềm, nêm tí muối, 1 muỗng cà-phê nước tương, 1 muỗng cà-phê đường. Tắt lửa.
- Ngò thái nhỏ, trộn đều. Rắc tiêu và dầu mè. Múc ra đĩa, trang hoàng với hạt hạnh nhân sống (raw).

Chúc bạn ăn chay ngon và vui.



Vegan Stir-fried Chayote Squash

The chayote squash is called by many names around the world, showing that it is quite popular. It has a seed inside, so technically, it's a fruit. A good source of vitamin C, the chayote is sort of crunchy and fat-free, cholesterol-free, as well as sodium-free. Choose the ones with smooth and unblemished skin (there is no need to peel when cooking). Chayotes can be kept well in the refrigerator for up to 1 month.

- ♦ Cut 1 chayote squash into thin strips.
- ♦ Cook in high heat with ¼ cup of water.
- ♦ When the water is boiling, reduce to medium heat, and cover the pot with a lid.
- ♦ When the chayote is softened, season with a pinch of salt, 1 teaspoon soy sauce (or liquid aminos), and 1 teaspoon vegan sugar. Turn off stove.
- ♦ Add chopped cilantro, stir well.
- ♦ Sprinkle ground black pepper and sesame oil. Put on a plate. Garnish with raw almonds.

And there we have it, another vegan dish, simple and nutritious!

<http://www.vietnamachay.com/2010/12/bep-chay-thanh-nhe-su-su-xao-chay-vegan.html>

Hồng Hương

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



VỚI MÔN ĐỒ

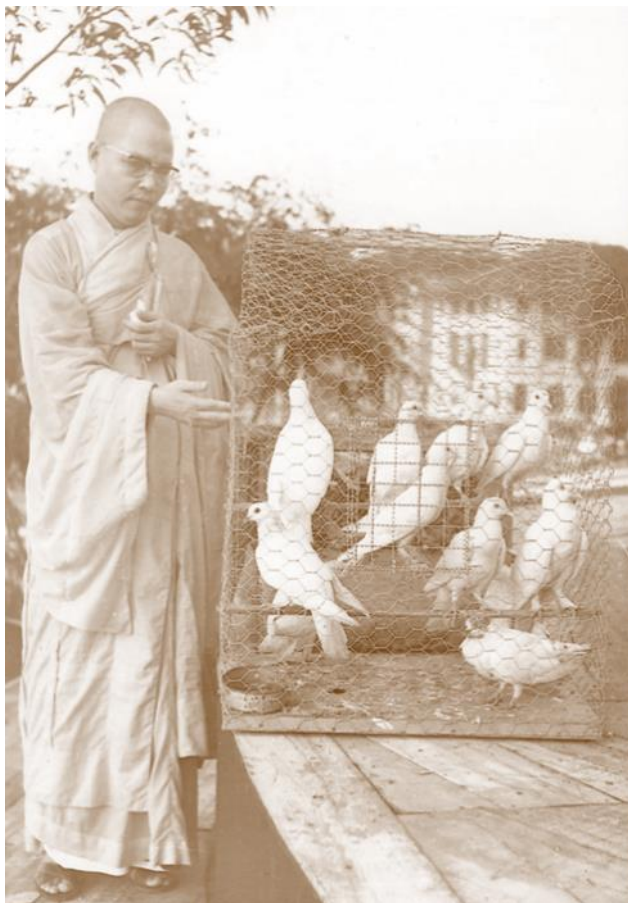
Năm ấy xảy ra pháp nạn, cường quyền u mê phá chùa hại tăng. Chúng muốn triệt hạ cơ đồ của Như Lai vì tham vọng cá nhân. Hòa thượng là một trong những vị trụ cột của Ủy ban Liên phái tranh đấu cho bình đẳng và tự do tôn giáo. Một lần đối diện với người của họ, thầy khẳng khái:

- Dù có đi về đâu thì Phật giáo vẫn đứng trong lòng dân tộc, đấu tranh cho đến cùng.

Sau ngày nội chiến kết thúc, những tướng đầu khổ qua rồi, nào ngờ còn tệ hơn. Chính quyền mới với dã tâm triệt hạ các vị tôn túc hàng đầu để đoạt quyền lái con tàu theo mưu đồ đen tối. Hòa thượng lại lần nữa can trường đứng mũi chịu sào. Người của ma vương đến gặp thầy và đe dọa: "... Chúng tôi có nhà tù, quân đội và súng đạn..." Thầy cười:

- Chúng tôi một tấc sắt cũng không có nhưng chúng tôi biết bài học lịch sử..."

Bấy giờ xã hội vào thời hắc ám và đạo pháp sâu vào mặt pháp. Thầy đã bỏ thân mạng vì sự tra tấn dã man tàn độc của bạo quyền. Thầy chết nhưng tinh thần vô úy, hạnh nguyện độ sinh và hành hoạt vẫn còn mãi với môn đồ



THIỆN HIỄN VÔ ÚY OAI DĨNG CẠN TRƯỜNG
DUY LỰC NGUYỆT VONG THÂN MỆNH VÌ ĐẠO
PHÁP

MINH HIỂN TỪ BI NHIỆT HUYẾT TÂM ĐAN MÃI
THIỆN THU TỒN THÂN KHÍ VỚI MÔN ĐỒ.

NHỚ CÁI QUÊN

Phật tử có người mắc bệnh hay quên, nhiều khi anh ta quên cả tên con đường mà hàng ngày vẫn đi qua, đang tung kinh thì quên mất là đang tụng phẩm nào... Một ngày kia thầy trò gặp nhau qua thiên trà, nhiều người trêu tánh hay quên của anh ấy, anh ta lém lỉnh:

- Cũng có thể là đấng trí, cũng có thể con ngộ chút chi đây nên xả hết những cái thông thường.

Thầy cười:

- Khả năng thứ nhất nặng ký, khả năng thứ hai như hơi sương.

Anh Phật tử biển báo:

- Cũng ngộ thật, con mắc bệnh quên nhưng lại nhớ cái quên, ấy cũng có khi là ngộ!

Thầy chốt hạ:

- Ủ, thì ngộ thật! Nhưng ngộ kiểu này thì nên quên đi, kéo không ngộ cái đọa thì hồi không kịp.

HỎI CHI KHÓ VẬY

Thiền sư hành cước phương xa, ghé thăm ngôi chùa nọ. Nhiều Phật tử đến tham vấn:

- Bát thức tâm vương là gì? Làm sao chuyển thức thành trí?

Thiền sư cười to:

- Hỏi chi khó vậy? Dị tăng tôi sao trả lời được?

Phật tử nài nỉ:

- Chúng con đọc sách thấy vậy như không hiểu hết nên mới hỏi, thầy từ bi giảng cho.

- Vậy thì thế này nhé, tai anh là nhĩ căn để nghe, nhĩ thức là để phân biệt âm thanh, từ phân biệt mà sanh ra yếu - ghét, bám - bỏ... Từ giờ trở đi chỉ dùng tai để nghe, âm thanh là âm thanh, đừng phân biệt thô - tế, hay - dở nữa. Tiếp đó nhãn, tỷ, thiệt, thân... cũng làm như thế!

Các Phật tử lắc đầu lè lưởi:

- Khó quá thầy ơi, kiểu này chắc hỏng xong rồi!

Thầy nhìn chúng một lượt rồi cười:

- Vì vậy mà giờ này chúng ta mới còn ngồi đây và có câu hỏi khó này!

OAN CỪU

Vua Lý đánh Đờ Bàn, chém ba vạn thủ cấp, bắt vô số tù binh. Đến đời nhà Trần, quân Chiêm mười hai lần tấn công Đại Việt, bốn lần đốt phá

Thăng Long, oán cừu chông chất nhưng cũng có lúc hữu. Nhân lúc hòa hoãn, thượng hoàng sang thăm Chiêm và hứa gả công chúa. Vua Chiêm tham sắc liền cắt hai châu làm sính lễ. Người Chiêm mỉa mai:

Châu sành dầu có sơn son

Đổi ngay Ô – Rí nước non sao đành

Trong khi ấy dân Việt ngạo mạn:

Tiệc thay cây quế giữa rừng

Để cho thăng mản thăng mừng nó leo.

Năm sau vua Chiêm chết, thượng hoàng sai người đi dự tang và lên đem công chúa về. Quân Chiêm đòi lại hai châu không thành thế là oán cừu cũ bùng lên. Duệ Tông thân chinh đi đánh Chiêm, vì hữu đồng vô mưu nên trúng kế mà bỏ mạng tại Đồ Bàn, từ đó Chiêm-Việt không còn có thể hòa hoãn được nữa. Người đời sau thương cho cả hai, lại tiếc cho nàng công chúa bất hạnh:

**HUYỆN HOẶC TRANG QUỐC SẮC ĐÁNG GIÁ
NGÀN VÀNG VẼ CHAM PA LÀM DẦU CHIÊM QUỐC
TRẦN BẢO CẢNH THIÊN HƯƠNG SÍNH LỄ HAI
CHÂU NHẬP ĐẠI VIỆT THÀNH ĐẤT NAM BANG.**

NGHỀ DỄ GIÀU NHẤT

Nhậu đã đời trời đất, anh Sáu sẵn sẵn đổ khơi khơi:

- Vậy chứ tụi bay biết nghề gì dễ giàu nhất không?

Cả chiều nhậu nhao nhao, người thì nói buôn vũ khí, kẻ thì bảo bán ma túy, một vài người thực tế hơn thì chỉ nghề vàng hoặc sản xuất đồ điện tử... Anh Sáu ngồi cười ruồi chưa nói gì thì anh Tám đã cãi:

- Buôn ma túy dễ dựa cột hay chuyển sang buôn muối (*), buôn vũ khí thì phải có thể lực lớn... nói chung hồng có ý kiến nào coi được.

Bấy giờ anh Sáu lên tiếng:

- Buôn chổi đót, chạy xe ôm, thả nai... là giàu nhanh nhất, cất biệt phủ và đếm tiền thối cả móng tay luôn!

Cả đám cười sảng sặc, bà Tư vỗ đùi cái đét:

- Thăng Sáu sáng sượng sượng, trưa sẵn sẵn, tối say sưa vậy mà nói hồng trật chút nào!

TẾ

Chính sự vừa trải qua cơn rung lắc nhẹ, nhiều quan tham xô khảm. Bọn vây cánh khác thì mừng hí hả, truyền thông thì hí hứng rùm beng phen này làm trong sạch guồng máy. Trùm cuối ngồi sau rèm cười nhạt xoa tay:

- Xin lỗi mấy chú, ta buộc phải tế vài chú để xoa dịu tình thế chứ thật lòng ta cũng đau buồn lắm đó nhen!

Đợt này mấy quan bộ tế dính hơi nhiều, bọn họ vốn bị dân chửi giần trời nên mới bị tế:

- Cái quân bất nhân thất đức, dân đã nghèo lại khổ vì bệnh, thế mà chúng ăn trên đầu trên cổ, chúng nhập về thuốc giả, thuốc hết hạn dùng để bán cho dân.

Nhiều người khóc như tế quan:

- Dịch cúm Tàu làm bao nhiêu người chết, nhiều gia đình tán gia bại sản, vậy mà các quan còn đề dân ra ngoáy mũi để ăn mấy ngàn tỉ tiền.

Một số người nhẹ dạ cả tin nên mừng vì thấy

các quan vào lò, tuy nhiên đa số vẫn nghi ngờ:

- Đem vài quan bộ tế ra làm dê tế thần, còn trùm cuối vẫn ngồi yên vị để đám tiểu yêu hiến tế mỗi ngày.

LÒ ẤP TIẾN SĨ

Tại một nhà máy nọ, đốc công thúc công nhân cho máy chạy hết công suất, ấy vậy mà sản phẩm cho ra vẫn chùng mực không được như ý muốn. Y cau gắt:

- Tuy chất lượng tốt nhưng chậm và ít như thế này thì chỉ có nước cạp đất mà ăn.

Thằng đệ của hắn ta nghe vậy bèn hiến kế:

- Hay là xếp thử áp dụng công nghệ ấp của xứ quờn? Công nghệ ấy cho ra sản phẩm nhanh và nhiều lắm!

Tay đốc công mừng:

- Chú em nói thử xem, công nghệ xứ quờn là công nghệ gì mà hay quá xá vậy?

- Công nghệ ấp tiến sĩ, tiến sĩ xứ ấy cứ sòn sòn ra lò, đến nỗi nhân viên phurong của thủ đô xứ ấy cũng toàn tiến sĩ, thậm chí cầu lông cũng tiến sĩ, hành vi nịnh cũng tiến sĩ hết ráo.

Đốc công vỗ đùi cái đét, mắt sáng rỡ, cười hô hố:

- Hay, hay thật! Ta phải áp dụng cái công nghệ ấp tiến sĩ vào xưởng này mới được.

ĐẤT MƠ

Đất mới trù phú, biển rộng sông dài, kinh kỹ tân tiến, giáo dục nhân bản, nghệ thuật khai phóng, chính trị thanh minh, nhân quyền tôn trọng... Người xứ ấy cũng bao dung dang tay tiếp nhận hàng ức người từ khắp các xứ, bởi vậy mà thiên hạ triu mến đặt cho nhiều cái tên thân mật như: Đất tự do, đất mơ, xứ Cờ Hoa, xứ cao bồi...

Năm ấy xứ Quờn bên kia địa cầu trải qua cuộc bể dâu kinh hoàng, sau lại gặp phải quần ma hung hãn nên người xứ ấy lao ra bề tìm đường sống, lần hồi cũng đến được bến bờ tự do. Bọn người ấy sau một thời gian thì lại trở nên khảm khá và con cháu lại thành đạt như người bản xứ. Người xứ Quờn biết ơn mảnh đất dung thân này lắm, không biết ại trong bọn họ đã viết:

**HOA KHAI PHỤ PHÁT THANH MINH CHÍNH TRỊ
KINH KỸ CỰC SIÊU ĐẠI ĐỊA TRƯỞNG GIANG VẠN
VẬT ĐỘNG THỌ HƯƠNG**

**KỶ PHẬT QUY PHỊ BÌNH ĐẲNG DÂN QUYỀN
GIÁO NGHỆ KHAI PHONG CAO SƠN KHOÁT HẢI
NHÂN QUẢN DỊ MƯU SINH**

Steven N
Georgia, 08/22



Dìu dìu trăng thu

TỊNH BÌNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Không rực rỡ như vầng trăng nguyên tiêu tháng Giêng với ánh sáng vàng kỳ ảo mê hoặc gợi cảm hứng cho biết bao thi nhân với bao nguồn thơ bất tận. Vầng trăng thu đêm rằm tháng Tám âm lịch vẫn có sức cuốn hút riêng diệu kỳ, trong tiết trời giao mùa se se hơi lạnh, từng cơn gió mát rượi hiu hiu luồn qua hàng tàu dừa đong đưa ngoài sân, gió đưa trăng lên cao tỏa vầng vạc thứ ánh sáng vàng pha xanh dìu dìu gợi cảm giác vừa hự vừa thực, nửa xa nửa gần không kém phần diễm ảo của vầng trăng thu...

Đêm thu lung linh vầng nguyệt rằm cũng ghi dấu biết bao hoài niệm tuổi thơ. Những đêm trăng sáng thường được đám trẻ con nông thôn như chúng tôi trông đợi háo hức. Thở ấy ở quê chưa có điện, dưới ánh trăng bọn con nít xóm trên xóm dưới tha hồ tụ tập đùa giỡn, ca hát vang trời, chơi chán thì mạnh ai về nhà nấy. Còn sớm không ngủ được, tôi thường hay vò vĩnh đòi ông nội kể chuyện đời xưa, chuyện cổ tích thì tôi không khoái nghe lắm mà chỉ thích nghe mấy truyện Tàu như Tam Quốc, Phong Thần, Tây Du Ký... mà thôi; cái này thì đúng là sở trường của ông tôi luôn! Sau này đến ba tôi cũng rất thích đọc nên nhà có cả rương đủ các bộ truyện Tàu, mỗi mùa hè chúng khiến tôi chúm mũi đọc say mê đến quên ăn quên ngủ...

Trăng đêm thu thì lúc nào cũng quyến rũ mời gọi nhưng có lẽ chỉ đêm trăng rằm tháng Tám là được lũ trẻ quê như chúng tôi trông mong nhất, vì vừa được chơi trò rước đèn vừa hăm hờ chờ đến giờ phá cỗ tha hồ ăn chè xôi bánh trái. Đèn trung

thu chủ yếu là tự chế từ vỏ lon bia nước ngọt, đĩa nào khéo tay thì tự làm hình ông sao có viền tua xinh xắn và sang lắm là những đĩa xách đèn hình cá chép, búp sen, bướm bướm... mua trên phố huyện... Thời đó chưa có lồng đèn điện tử xài pin như bây giờ...

Đêm càng khuya, gió đưa mát rượi, càng lên cao trăng càng sáng... vẫn là vẻ đẹp huyền ảo thanh khiết của trăng thu như gợi một chút nhớ xa xôi, một chút buồn man mác. Những vì sao nhấp nháy trên cao, những bụi chuối tàu dừa gió đưa xào xạc. Đâu đó tiếng kêu lẻ loi của bầy chim ăn đêm ngang trời khuya. Dưới mái tranh quê, lũ trẻ chúng tôi đã nhanh chóng chìm sâu vào giấc ngủ sau những phút giây nô đùa rượt đuổi. Vầng trăng nghiêng nghiêng bên song khế dòm qua liếp cửa. Chút gió thoảng đưa như vỗ về xoa dịu giấc mơ thân thiện thơ bé...

Thời gian thấm thoát trôi nhanh, mới đó mà lũ trẻ ngày nào đã lớn, những ngả rẽ cuộc đời mở ra chờ đợi, cuộc sống bon chen bao lăm lăm mưu sinh cơm áo đã khiến ánh trăng thu mùa ấu thơ đêm nào dần phai trong tâm tưởng. Những lồng đèn hình ông sao, cá chép mộc mạc thủ công ngày nào đã thay thế bằng những chiếc lồng đèn gắn pin điện tử đủ màu sắc hiện đại tinh xảo xinh xinh...

Mùa trung thu lại về, làng quê giờ đã khác xưa: điện đã vào tận ngõ xóm, những đứa trẻ say mê chơi game trên Iphone, Ipad... Nhưng, vầng trăng thu vẫn còn đó, muốn đời tỏa ánh nhìn dìu dìu thân thương...



Chiếc Áo Kỳ Diệu

THÍCH NỮ NHƯ THỦY

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngày xưa có một vị hoàng đế thích quần áo mới đến nỗi suốt ngày Ngài chỉ làm một việc duy nhất là thay quần áo mới. Ngài chẳng ngó ngang gì đến binh sĩ, triều chính. Người ta thường nói: "Hoàng đế đang làm triều" nhưng đối với vị vua này người ta phải nói "Hoàng đế đang mặc quần áo."

Một hôm có hai người lạ đến hoàng cung, tự xưng là thợ dệt và khoe rằng: Họ có thể dệt ra thứ vải tuyệt đẹp, quần áo may bằng thứ vải ấy có một đặc tính kỳ lạ. Ai không làm tròn bốn phận hoặc ngu xuẩn thì không thể nhìn thấy quần áo, dù đứng rất gần. Hoàng đế tự nhủ: "Đây mới là bộ quần áo quý nhất. Ta chỉ cần mặc vào là biết ngay trong đám quan lại của ta đứa nào không làm tròn bốn phận. Ta phải may một bộ mới được."

Hai người lạ bày ra hai khung cửi rồi ngồi vào làm như đang dệt thật, nhưng tuyệt nhiên trên khung chẳng có gì. Họ đòi bằng được thứ sợi tơ đẹp nhất, thứ vàng quý nhất, đem bỏ túi, rồi giả vờ làm việc trên khung cửi rỗng tuếch. Hoàng đế nóng

lòng muốn đến xem họ làm việc nhưng lại nhớ đến đặc tính kỳ lạ của thứ vải ấy, tự nhiên Ngài đâm ngại. Ngài bèn sai quan thừa tướng đến xem.

Quan thừa tướng vừa giương to đôi mắt tự nhủ: "Lạy Trời! Ta chẳng nhìn thấy gì cả." Nhưng may mà ngài nén lại được, không nói ra điều ấy. Hai người lạ đến gần và hỏi ngài xem vải có đẹp không?

- Thật là tuyệt! Hoa văn màu sắc không thứ vải nào sánh nổi.

Quan tể tướng trả lời nhưng trong bụng lo ngay ngáy. Họ bắt đầu ngờ mình trở nên ngu ngốc và trẻ nãi với công việc.

Hai người lạ lợi dụng dịp may lại kỳ kèo xin thêm vàng để thuê vào vải. Họ lại thủ vàng vào túi và say sưa làm việc trên khung cửi rỗng không.

Chẳng bao lâu hoàng đế lại cử một viên đại thần khác đến xem vải. Hai người này chỉ vào tấm vải tưởng tượng và chứng minh cho quan đại thần đây là tấm vải không đầu có. Quan đại thần tự nhủ: "Mình đâu phải là thằng ngu hay là mình không

làm tròn phận sự. Dầu sao cứ giấu biến đi là hơn cả." Nghĩ vậy, ngài bèn vờ ngắm nghĩa và quả quyết với hai người kia là ngài "chưa thấy vải nào đẹp bằng, và cũng như quan thừa tướng lần trước, ngài lại trở về và kính cẩn tâu với hoàng đế: "Muôn tâu bệ hạ, không có gì đẹp bằng."

Khấp kinh thành nô nức bàn tán về thứ vải kỳ lạ ấy.

Không thể dẫn lòng được, hoàng đế đành phải đến xem vải. Ngài không quên dắt theo một kẻ nịnh thần. "Quái ta chẳng nhìn thấy gì cả. Chẳng lẽ một vị hoàng đế lại ngu ư?" Ngài bèn gật đầu lia lịa: "Đẹp lắm! Đẹp lắm!" Ngài ra về hài lòng ngắm nghĩa hai chiếc khung cửi, không dám thú nhận là chẳng nhìn thấy gì.

Lũ nịnh thần xuýt xoa phụ họa: "Thật là tuyệt vời!" Và chúng khuyến hoàng đế nên mặc bộ quần áo vô song đó trong ngày lễ rước thần sắp tới.

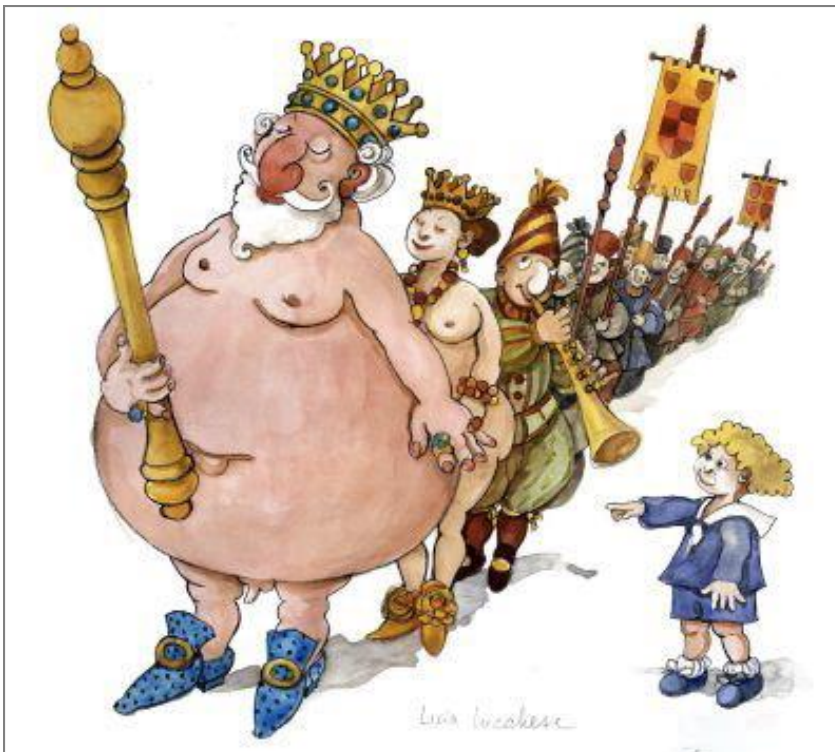
Hoàng đế ban cho hai thợ dệt mỗi người một tấm bội tinh với danh hiệu "thợ dệt của nhà vua." Suốt hôm trước ngày lễ rước thần, hai thợ dệt ngồi làm việc "cật lực dưới ánh sáng mười sáu ngọn đèn." Họ cắt may, khâu, đính suốt đêm... Cuối cùng bộ quần áo coi như may xong, kịp cho ngày lễ rước thần. Hoàng đế và các vị đại thần tới. Hai ông thợ dệt của nhà vua vờ giơ tay lên trời nâng vật gì và tâu:

- Đây là quần, còn đây là áo thưa bệ hạ, quần áo này nhẹ như mạng nhện, mặc vào mà tưởng như không và đây cũng là một trong những đặc tính quý báu của thứ vải này.

- Đúng đấy ạ!
Bọn nịnh thần phụ họa, tuy chẳng đứa nào thấy gì.

Hai ông thợ may lại nói:
- Muôn tâu thánh thượng, cúi xin Ngài cởi quần áo ra và đứng trước gương lớn, chúng thần xin mặc quần áo mới cho bệ hạ.

Hoàng đế cởi sạch quần áo, hai ông thợ dệt của nhà vua làm



bộ như mặc từng cái quần, cái áo mới vào người hoàng đế, rồi quàng tay quanh thân Ngài như khoác đai lưng. Hoàng đế quay đi quay lại ngắm nghía trước gương. Bọn nịnh thần đồng thanh hô to:

- Trời! Bộ quần áo sao mà đẹp quá chừng!

Quan trưởng lễ báo tin:

- Long tặc đã đến chờ hoàng thượng đi rước thần.

Nhà vua đáp:

- Ta đã sẵn sàng.

Rồi ngài lại nhìn vào gương mà ngắm nghía. Các quan thị vệ cố nhiệm vụ đỡ đuôi áo, thò tay sát đất giả đồ như cầm vật gì đó, rồi vừa đi vừa đỡ cái vật vô hình ấy trên không, chẳng dám nói là mình không nhìn thấy gì.

Ngoài phố mọi người cũng trầm trồ khen ngợi bộ quần áo mới của hoàng đế vì không ai muốn mang tiếng là ngu xuẩn hoặc không làm tròn trách nhiệm. Nhưng rồi, từ một góc nào đó, một đứa bé thốt lên:

- Kia! Hoàng đế cởi truồng kia!

Mọi người chung quanh đều nghe rõ câu nói của cụ Tèo, nhưng ai cũng giả bộ như chẳng nghe. Chỉ biết là đương không đức vua truyền lệnh quay về lập tức. Có lẽ Ngài cảm thấy choáng váng, một chiếc kiệu vàng được vờ đến, bốn chiếc rèm ngọc được buông xuống và đoàn quần nhạc cất cao bản "hồi cung."

PC: Cái bản ngã của mỗi người chúng ta có lẽ cũng huyền ảo và kỳ diệu như chiếc áo của đức vua này chẳng?

Em thân mến!

Đây là một câu chuyện cổ nước ngoài mà tôi đã đọc đâu đó thật lâu rồi. Câu chuyện chấm dứt khi nhà vua hồi cung. Nhưng để câu chuyện có hậu hân, tôi xin kể rằng: "Khi đức vua trở về, mười hai tên ngự lâm quân chức sẵn trước thềm để nâng cái đuôi áo kỳ diệu, mười hai cô quạ xà phòng bột sẵn để giặt áo cho vua, mười hai cô chức phối, mười hai cô quạt bàn ùi để sẵn v.v..."

Sau khi thay đổi thường phục hàng ngày, ngự một ly sâm lạnh, đức vua của chúng ta nằm duỗi chân giữa mười hai chiếc quạt lông ngỗng xoa trán thăm nhủ: "Có thể mà mình lại sợ bờ vĩa. Rồi đâu lại vào đấy... Chả nhẽ thẳng nhóc con đó lại khôn ngoan hơn cả bầy dân thiên hạ. Hừm! Con cái nhà ai mà mất dạy thế, báo hại mình thót cả tim!

(Trích từ tác phẩm *Hư Hư Lục* của Ni sư Thích Nữ Như Thủy)

CON MUỖ

*Trước chết một lần... nhờ phép lạ
Hồi sinh từ máu của chồng xưa
Cho hay yên phận bên duyên kiếp
Đẹp quá đời hạnh phúc chưa?*

*Giấc mơ nhung lụa chi mà tẻ
Một sớm sang ngang bỏ bạn nghèo
Quên sạch ân tình trong mái lá
Chẳng buồn ngó lại kẻ trông theo*

*Người xưa bên túp lều xiêu vẹo
Và nổi cô đơn cuộc sống tàn
Mắt hết từ khi thuyền tách bến
Chập chùng kỷ niệm lúc ly tan*

*Chàng trai đánh lễ mười phương Phật
Nhờ giúp người yêu trở lại nhà
Phật dạy: cho gì con lấy lại
Sẽ hoàn nguyên trạng những ngày qua*

*Trả ba giọt máu cho chồng cũ
Nàng hiện nguyên hình một tử thi
Xác rửa hóa thân thành kiếp muỗi
Vo ve đòi nợ lúc đêm về*

*Chắc nghĩ tìm ra ba giọt máu
Sẽ hoàn hình vóc tuổi xanh xưa
Nàng bay hút máu toàn thiên hạ
Rồi cũng ô hô kiếp sống thừa*

*Vô minh từ một duyên tiền kiếp
Nợ cứ vay hoài chẳng trả xong
Con muỗi ngàn năm còn kiếp muỗi
Đầy tâm sân hận đến đâu cùng*

*Con muỗi soi gương tìm bóng nó
Mũi kim chực đốt thịt da người
Nhân kia phát khởi từ trong ý
Rốt cuộc thu về quá đặng thôi...*

thơ

HỒ THANH NHÃ



CHÙA BÁT NHÃ TRANG NGHIÊM TỔ CHỨC ĐẠI LỄ VU LAN 2022

Thanh Huy

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Santa Ana (Thanh Huy)- - Chiều Thứ Năm ngày 11 tháng 8 năm 2022, Chùa Bát Nhã tọa lạc tại số 803 S. Santa Ana, CA 92704 do Hòa Thượng Thích Nguyễn Trí Viện Chủ đã trang nghiêm tổ chức Đại Lễ Vu Lan năm 2022.

Như thông lệ hằng năm, chùa vẫn tổ chức đúng ngày Rằm Tháng Bảy, đặc biệt năm nay vào ngày Thứ Năm 11 tháng 8 năm 2022.

Tham dự buổi lễ hơn một trăm Chư Tôn Đức Tăng, Chư Tôn Đức Ni và hằng trăm đồng hương, một số các cơ quan truyền thông và anh chị em nghệ sĩ thân hữu.

Chứng minh buổi lễ có Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, Viện chủ chùa Liên Hoa; Hòa Thượng Thích Phước Thuận, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm, Viện chủ chùa Trí Phước; Hòa Thượng Thích Minh Mẫn, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Viện chủ Tu viện Huệ Quang; Hòa Thượng Thích Nhật Quang, Đệ nhị Phó chủ tịch Nội Vụ HĐĐH Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; (GHPGVNTN/HK) Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng thư ký, HĐĐHGHPGVNTN/HK, Viện chủ chùa Phật Đà và Tu viện Pháp Vương San Diego; HT. Thích Thiện Long, Tổng vụ trưởng Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh, HĐĐH-GHPGVNTN/HK, Viện chủ chùa Phật Tổ; HT. Thích Tuệ Uy, Tổng Vụ Phó, Tổng Vụ Giáo Dục HĐĐH-GHPGVNTN/HK, Viện chủ chùa Hộ Pháp; TT. Thích Thánh Minh, Tổng

Vụ trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ HĐĐH-GHPGVNTN/HK, Viện chủ chùa Hội Phước New Mexico; TT. Thích Thường Tinh Trụ Trì Chùa Phật Tổ... Ni Trưởng Thích Nữ Như Tịnh, Viện chủ Tu Viện Đại Bi; Ni Trưởng Thích Nữ Huệ Âm, Viện chủ chùa Liên Hương; Tiến Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng vụ trưởng Tổng Vụ Pháp Chế HĐĐH-GHPGVNTN/HK và chư tôn đức tăng ni về từ các chùa Nam California.

Quan khách có Nghị Viên Thành Phố Westminster Dr. Kimberly Hồ, ứng cử viên Thị Trưởng Thành Phố Westminster. Ông Jay Chen Thiệu Tá Trừ Bị Hải Quân Hoa Kỳ, ứng cử viên Dân Biểu Liên Bang Địa Hạt 45; trong dịp này ông Jay Chen cũng đã đến tặng hoa và nhờ chuyển lời cầu chúc cho HT. Viện Chủ thân tâm thương an lạc, bệnh tật tiêu trừ.

Mở đầu buổi lễ, với nghi thức cung thỉnh chư tôn đức quang lâm lễ đài do các em Gia Đình Phật Tử và Phật tử đạo tràng Bát Nhã thực hiện.

Điều hợp chương trình buổi lễ do Đại Đức Thích Đức Trí,

Sau khi ổn định đạo tràng, nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút nhập Từ Bi Quán, sau đó các em gia Đình Phật Tử lên dâng hoa cúng Phật.

Tiếp theo Hòa Thượng Thích Minh Mẫn lên tuyên đọc Thông Bạch vụ Lan của Hòa Thượng Chánh văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm trong thông bạch có những đoạn như: "...*Trước sự nghèo*



khó hiện nay: Người đệ tử Phật, chúng ta cùng nhận cảm sự đau thương ấy bằng cách tiết giảm những chi tiêu không cần thiết và thường quán chiếu rằng, chúng ta có thật nhiều phước may giữa hàng triệu triệu người đói khổ và lâm than. Cuộc sống của người Mỹ đang đối diện nhiều thách đố và chật vật hơn. Xin cùng thấp lên tấm lòng của người cùng khổ và thực hành hạnh bố thí để giúp cho lòng ta giảm bớt muộn phiền và giúp tha nhân bớt khổ đau.

Năm xưa, hình ảnh của đại tăng chú nguyện cho mẹ ngài Mục Kiền Liên trong chốn u đồ đau khổ, thì hôm nay, hình ảnh của tất cả Tăng già và Thiện Tín mọi nơi tinh tấn tu tập sẽ cứu giúp phần nào kiếp nạn của con người hiện nay. Phước báo của nhân gian và loài người đang xuống thấp thấy rõ, trong đó sự nhân danh, thống trị, bản ngã, lừa lọc ngập tràn...

Sức mạnh của con người ngày nay là vũ khí, tiền bạc. Sức mạnh của Đạo Phật là lòng từ và bao dung. Hồi những người con Phật hãy nỗ lực hơn nữa để mang lại chút bình an cho con người, trái đất và chính ta. Mỗi tự thân là dòng hải triều ngấm chảy để di dời những rác rưởi của tự lòng mình.

Lễ Vu Lan là ngày lễ lớn của Phật Giáo Việt. Cộng đồng Phật giáo Việt ở Hoa Kỳ tổ chức thật long trọng. Chùa Viện nào cũng đông đảo chư Tăng Ni và Phật tử trong ngày lễ. Vu Lan là ngày lễ của sự cứu độ. Cứu độ cha mẹ, người thân... và cứu độ chính mình để ra khỏi ngọn lửa của tham sân, bản ngã."

Sau phần thông bạch Vu Lan, các em Gia Đình Phật Tử đi cài hoa hồng lên quý chư tôn đức Tăng, Ni và đồng gương Phật tử tham dự, trong lúc cài hoa hồng Ca sĩ Hồ Quốc Việt hát nhạc phẩm "Bông Hồng Cài Áo." Tiếp theo Phật tử Phổ Hiệp lên có lời cảm niệm Vu Lan.

Sau đó là Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng thư ký HĐĐH Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, lên Ban Đạo Từ, Hòa Thượng nói: "...*Khi chúng ta kỷ niệm chương trình mùa Vu Lan, cần phải hội đủ bốn điều kiện, thứ nhất là Đức Bốn Sư Mâu Ni Thế Tôn phải có mặt ngay trong đạo tràng này để chứng minh cho một sự kiện lịch sử hiếu thảo cách đây gần ba ngàn năm. Thứ hai là chư tôn đức tăng, biểu tượng một hình ảnh tu chứng suốt trong thời gian từ Rằm Tháng Tư đến Rằm Tháng Bảy, người chứng đắc sơ quả, nhị quả đến chứng đắc tứ quả như Tôn Giả Đại Mục Kiền Liên. Điều kiện thứ ba phải có là hình bóng của cha mẹ. Và hình ảnh thứ tư là những người con cháu.*"

"*Khi nói đến mùa Vu Lan báo hiếu, cha mẹ phải có bốn phận trách nhiệm giáo dục con cháu*

biết được công ơn sinh thành ngàn đời giáo dưỡng của mẹ cha mà thể hiện tinh thần hiếu thảo với hai bậc sinh thành! Và ngược lại con cháu lúc nào cũng phải nhớ tưởng nhớ đến tấm lòng của mẹ cha, và ước mong rằng những người con hãy thương cha mẹ mình nhiều hơn! Đức Thế Tôn đã dạy 'Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật'. Phụng dưỡng cha mẹ là công đức tối thượng."

Hòa Thượng cùng mọi người đều nhất tâm cầu nguyện chư Phật mười phương gia hộ cho Viện chủ Thích Nguyên Trí pháp thể được khinh an, "*để luôn là bóng cây che mát cho mái chùa Bát Nhã, trong đó có tứ chúng đệ tử Phật, nếu được như vậy là một phần nào đã nhớ ơn...*"

Tiếp đến Ni Sư Huệ Chiếu, Trụ trì Chùa Bát Nhã thay mặt Ban tổ chức lên có lời cảm tạ, mở đầu lời cảm tạ Ni Sư đã nghẹn ngào, không nói được vì nghĩ đến Hòa Thượng Ân Sư đang nằm trong bệnh viện. Sau phút nghẹn ngào, Ni Sư gởi lời cảm tạ Chư Tôn Đức Tăng Ni cùng đồng hương Phật tử đã về tham dự, Ni Sư nói: "...*Trong kinh Tương Ưng Bộ, đức Phật có dạy cho các Tỷ Kheo về công lao to lớn của mẹ, cha ví qua những hình ảnh không thể nghĩ bàn: 'Này các Tỷ Kheo sửa mẹ mà các thầy đã uống trong suốt quá trình cuộc sống luân hồi nhiều hơn nước trong đại dương...' Qua lời dạy của Đức Phật, có thể nói không thể có bút mực nào tả hết được tình mẹ cha! Nhắc đến hai đấng sanh thành, Đức Phật lại dạy thêm trong Kinh Tăng Chi: 'Này các tỳ kheo, Như Lai nói có hai hạng người khó có thể trả ơn được, đó là cha và mẹ. Này các tỳ kheo nếu để cha mẹ trên đôi vai, đấm bóp xoa chà tắm rửa, và nếu dù cha mẹ có phóng uế trên người cũng không nhòm gắm, làm như vậy cũng chưa gọi là đền ơn tròn đủ. Còn hạnh phúc nào hơn khi còn đủ cả cha và mẹ sống trên cõi đời để cảm niệm thâm ân cao cả!'*"

Tiếp đến Đại Đức Thích Đức Trí cung thỉnh chư tôn thiên đức tăng lên lễ đài cử hành nghi thức lễ Vu Lan. Sau nghi thức niệm hương bạch Phật, đánh lễ Tam Bảo, tất cả mọi người cùng tụng kinh Vu Lan và hồi hướng nguyện cầu chư Phật mười phương cho Hòa Thượng Viện Chủ cùng tất cả bệnh tật tiêu trừ thân tâm thường an lạc.

Trong buổi lễ, Ban Tổ chức đã mời tất cả quý Phật tử trong ban đầu bếp lên lễ đài để vinh danh những vị bồ tát, có những vị đã âm thầm làm việc trong suốt chiều dài kể từ khi mới bắt đầu thành lập chùa Bát Nhã.

Kết thúc chương trình, ban tổ chức cung thỉnh chư tôn đức quang lâm trai đường thọ trai, quý đồng hương Phật tử cùng dùng bữa cơm chay thân mật.



THIÊN CỦA PETER COYOTE

by JENNIFER KEISHIN ARMSTRONG

Người dịch: **Tiểu Lục Thần Phong**

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Thầy dạy thiền Peter Coyote còn là một diễn viên, nhà văn, người tường thuật (kể chuyện) cấp tiến. Đây là một bài viết về Peter Coyote, được đăng trên trang nhà Lion's Roar vào ngày 21/10/2020 bởi nữ phóng viên Jennifer Kaishin Armstrong.

Peter Coyote là người rất đặc biệt, chẳng bao giờ đọc trước kịch bản hay văn bản. Peter Coyote kể lại tám bộ phim của đạo diễn Kern Burns, đó là những bộ phim sử thi, tài liệu nổi tiếng như: *The Roosevelt, An Intimate history, The Vietnam War, Contry Music...* Điều này có thể tốn đến hàng nhiều chục giờ đồng hồ để nói, ấy vậy mà mỗi lần ông xuất hiện đều rất tươi mới và nói những từ ngữ mà ông chưa hề đọc trước đó, thật sự là ông chưa hề đọc trước.

Cách tiếp cận này (không đọc văn bản, kịch bản trước) của Peter Coyote đã khiến sự gặp mặt lần đầu tiên với đạo diễn Kern Burns diễn ra không mấy suôn sẻ. Mặc dù lúc ấy Peter Coyote đã là một diễn viên, một nhà văn, một thầy dạy thiền. Kern Burns là nhà làm phim tài liệu nổi tiếng và đặc trưng của PBS, loạt phim 2009 như: *The National Parks: America's Best Idea*. Hai người đã làm việc trong những dự án khác như loạt phim năm 1996: *The West*. Dự án này Kern Burns là nhà sản xuất và đạo diễn do Stephen Ives. Đây cũng là những kinh nghiệm trực tiếp đầu tiên giữa Peter Coyote và Kern Burns.

Khi Kern Burns đến với mười kịch bản, sáu tập giấy màu vàng, những đĩa DVD, bút chì, bút tô màu những chỗ cần chú ý... Peter Coyote với giọng nghiêm chỉnh hỏi: "Những cái quái gì thế?" Burns nói bằng giọng mũi: "Anh hãy đọc kịch bản và ghi chú những chỗ quan trọng". Coyote nói: "Không, không cần thiết, tôi chỉ cần đọc trong phòng thu thôi". Ngưng một lát, Burns lại nói: "Điều ấy chẳng bao giờ đem lại hiệu quả! Anh không biết tôi là một người hoàn hảo như thế nào đâu!" Coyote

cũng bảo: "Còn anh, anh không biết tôi giỏi như thế nào đâu?"

Kern Burns rồi cũng sớm nhận ra sự thật. Ông ấy nói với tôi (Jennifer Keishin Armstrong): "Chúng tôi thích thú và quan tâm đến cái khả năng của người tường thuật, cái khả năng sống với ngôn từ. Peter Coyote là người đặc biệt, không ai có thể làm tốt hơn" và cuối cùng ông ấy đã sử dụng Peter Coyote.

Đây không phải là sự tưởng tượng của bạn, Peter Coyote đã tường thuật những tác phẩm của Kern Burns trong hơn mười năm qua. Diễn viên Peter Coyote đã học thiền, nghiên cứu Phật giáo hơn bốn mươi năm qua và anh ta đã xuất gia để trở thành một thầy dạy thiền vào năm 2016. Peter Coyote đã nhận được sự dạy dỗ và truyền thọ từ Lew Rischmond trong mười hai năm và hiện là lãnh đạo tăng đoàn ở thiền viện Vimala Zen Center Sangha ở Mill Valley, California.

Hiện nay Peter Coyote quan tâm coi sóc tăng đoàn của mình là "Bất cứ nơi nào tôi ngồi". Khi được truyền thọ, ông đã tự hứa với bản thân: "Tôi sẽ không dạy gì trong vòng năm năm". Ông có Zendo nhỏ nhỏ trong trang trại của mình ở Sebastopol thuộc California. Từ nơi này, theo thời gian ông có cơ hội yết kiến thăm những người sinh viên đồng nghiệp. Ông thường xưng "pháp hữu" mà tránh cái danh từ "thầy."

Nhiệm vụ thực sự của Peter Coyote là giữ bỏ những thủ tục và đẳng cấp của thiền truyền thống. Ông sử dụng sự diễn xuất và cải tiến kỹ thuật để giúp sinh viên buông bỏ những ràng buộc chấp trước của bản thân. Ông đã in hai quyển hồi ký về thiền, kết quả rất khả quan. Quyển *Zen inflected - Sleeping Where I Fall*, năm 1998 và quyển *The Rainman's Third Cure: An Irregular*, năm 2015. Ngoài ra ông còn viết một cuốn sách khác (nhưng chưa in) về thiền, hội thảo thiền và diễn xuất mà ông dạy trong khoảng thời gian ba mươi năm.

Coyote nói: "Những bài tập diễn xuất này buộc bạn phải di chuyển theo cái cách mà bạn không dùng đến, những cái khó chịu hoặc không thuận này sẽ chỉ cho bạn cái lợi thể của bản thân bạn" Coyote nói tiếp: "Mỗi lần như thế bạn lại thốt lên: "Ồ, đây không phải là tôi". Khi tôi đeo mặt nạ cho bạn, tôi giơ cái kiếng lên thì bạn không còn hiện diện, cái tôi bỏ lại phía sau là những nghi ngờ, bất an và ước chừng của bạn.

Từ những kinh nghiệm ban đầu đó, Coyote nói: "Một thủ lĩnh thất bại", một cửa vào thật sự và gọi là: "Sơ ngộ". Bạn có sự điềm tĩnh và lạnh như băng, nó giống như trạng thái phiêu diêu khi dùng thuốc nhưng chỉ là tạm thời thôi, sau đó thì

việc mới thật sự bắt đầu. Bạn muốn khắc phục tình trạng này thì bạn phải thực hành thiền định.

Trông có vẻ như là một món quà thực sự. Ông ấy sống trong tất cả những vai trò của mình với mọi lúc: Một diễn viên, một thiền sư, một người kể chuyện. Có lẽ tốt hơn để nói điều này là anh ta không có phân biệt, tách rời hay chia chẻ những vai trò đó trong mọi khoảnh khắc. Ông ấy chỉ là Peter Coyote và Peter Coyote là biểu hiện của tất cả những yếu tố liên quan đến: Một giọng nền, một kênh căn bản của một nhân vật, một sự hiện diện có cơ sở.

Bên cạnh một người đàn ông bảy mươi tám tuổi, sống trong một căn phòng của khách sạn Manhattan, trong một chuyến đi thu âm cho bộ phim kế tiếp của Burns, một bộ phim tài liệu về nhà văn Hemingway. Hoàn cảnh này đã nhẹ nhàng đưa tôi vào khoảnh khắc với ông ấy. Coyote mặc y truyền thống của Phật giáo Nhật Bản – Yamabushi, với cái đầu lâu như hạt tràng Guru, đây là một điều nhắc nhở về sự vô thường mà ông vẫn thường nói.

Ông ấy mặc áo màu xanh, cài kín nút, mái tóc dày màu xám được tẽm ra sau, đôi mắt màu xanh trông hiền và tử tế. Ông ấy làm những điều không khác mấy trong cuộc phỏng vấn, nhưng đặc biệt ông ấy triết lý về con đường của mình, hoặc là thiếu một lối rõ ràng. Với vai trò là một người thầy, ông ấy nhận biết ngay sự mơ hồ lẫn lộn trên gương mặt tôi khi tôi nói: “Đây là những cảm giác”. Ông ấy ngưng lại và rồi hỏi: “Phải nó không? Có phần nào là nó không?” Ông ấy thật sự muốn biết, muốn giải thích và muốn tác động lại với phút giây này.

Đôi khi Burns gọi Coyote là “Roshi” trong những buổi thu âm. Burn giải thích: “Y tôi đây là một sự tôn trọng và cũng là một cái nháy mắt”. Burns nói tiếp: “Peter Coyote là một người đàn ông nghiêm túc đáng hoàng. Ông ấy đang đi trên một con đường rất thú vị và có những trải nghiệm phi thường trong đời sống của mình”. So với ông ấy thì tôi như một đứa trẻ ở bậc mẫu giáo, ông ấy thì đây kinh nghiệm ở mọi cấp bậc. Bởi vậy kinh nghiệm và sự tử tế là một niềm vui ấy, những lời khen ngợi anh ấy trên thế giới, khiến anh ấy không sao cưỡng lại được.

Peter Coyote vốn tên là Robert Peter Cohon sinh năm 1941 tại New York và lớn lên ở New Jersey với sự hống hách thành công của người cha là một tay đầu tư nhà băng, người cha tên Morris và người mẹ là Ruth. Coyote bắt đầu diễn xuất từ khi còn ở tuổi thiếu niên, lấy những cái lớp ở gần nhà tại New York. “Ông ấy cũng đã bắt đầu đọc về các nhà thơ Beat, bởi vì họ là những người lớn nổi loạn, họ là những loại biện minh cho nhiều cảm xúc của tôi”. Ông đặc biệt yêu thích nhà thơ Gary Snyder.

Khi ở bậc đại học, ông đã đổi tên mình. Sau khi dùng thuốc an thần ông cảm thấy như là những dấu vết sỏi hoang ở trong tuyết và cảm thấy bị thu hút bởi sỏi đồng cỏ. Ông xem nó như linh vật của hồn mình. Cái tên mới, Coyote cũng cho ông ta hình thành một bản sắc hoàn toàn khác với cha ông, một người đàn ông nam tính mãnh liệt trái ngược với khuynh hướng nghệ thuật của ông.

Coyote tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành văn chương Anh ở trường Grinnell College – Iowa, sau

đó học ở San Francisco State University theo đuổi học viết văn sáng tạo ở cấp bậc thạc sĩ, cũng chính tại đây ông đã phải lòng với gánh hát kịch câm the San Francisco Mime Troupe, được biết đến như là rạp hát đường phố của chính trị cấp tiến.

Trong thời gian làm việc với Mime Troupe, Coyote đã diễn xuất, đã viết kịch bản, đã đạo diễn. Đạo diễn thành công về vang những tua diễn khắp cả nước, với tác phẩm được gọi là Minstrel Show, Civil Right in a Cracker Barrel. Thông điệp gửi đến cả những người tự do và những kẻ phản biệt chủng tộc, khiến tranh cãi dữ dội và đoàn kịch bị đóng cửa bởi chính quyền ở những thành phố mà đoàn kịch lưu diễn. Dẫn diễn viên cũng đã bị bắt nhiều lần.

Cuối những năm 1960 đến đầu những năm 1970, Coyote với tư cách là thành viên sáng lập của nhóm chống lại truyền thống văn hóa Diggers. Ông đã cung cấp thực phẩm, nhà ở, chăm sóc y tế cho những người chạy trốn vì việc biểu diễn cho nhà hát đường phố ở khu phố Haight- Ashbury thuộc San Francisco. Nhóm Diggers đã đem lại tình trạng gia đình tự do (không gia đình), một cộng đồng của những công xã trên khắp dải tây bắc thái bình dương và tây nam. Ông cũng bắt đầu xài nhiều ma túy hơn, ban đầu là LSD, sau đó là heroin và tốc độ, các loại ma túy được lựa chọn cho người hùng âm nhạc như: Charlie Parker, Billies Holiday.

Khoảng năm 1969, khi Coyote sống trong một nhóm của những công xã. Bạn của ông là Lew Welch, một nhà thơ Beat đã mạng con trai của riêng của ông ấy đến để biểu diễn, cậu bé tên là Hugh Anthony Cregg III, cậu bé mới mười bốn tuổi và có thể hát được những bản nhạc Jazz đến độ bạn không tin nổi. Cậu bé lớn lên để trở thành ngôi sao nhạc pop Huey Lewis. Welch cũng rất mê và thần tượng ngôi sao Gary Snyder và anh ta còn giới thiệu và khuyên Coyote nên gặp anh ấy, cuối cùng thì Welch cũng đưa Gary Snyder ra khỏi nhóm công xã.

Snyder đã đến ở trong một cái xe van Volkswagen mới toanh. Coyote thì nghĩ: “Cái bougie như thế nào trong công xã?” Ông ta hỏi tương lại: “Chúng ta là những người nghèo khổ dơ dáy, khó chịu, những hippies cuối của thế giới, lối ra ngoài rìa vô chính phủ và Gary đã cùng với nhau.”

Mặt khác trong thời gian gần đây, Snyder đã xuất bản quyển the Smockey the Bear Sutra, một tuyên ngôn về môi trường được viết dưới dạng như kinh Phật, rất tuyệt. Những bài thơ thiền biến cách (Zen-inflected) của ông đã trở thành huyền thoại. Snyder đã học thiền ở Nhật Bản và truyền cảm hứng The Dhamma Bums của Jack Kerovac’s.

Coyote đùa rằng: “Khi tôi gặp anh ấy, tôi đã bị sốc vì anh ấy không công nhận ngay lập tức tôi là một bạn thiền giác ngộ”. Khi hai người ngồi ăn đậu phộng bơ và bánh quy giòn với nhau, Coyote nói: “Anh ta cứ nhìn tôi một cách ngờ vực như thể ‘Người này là ai?’ điều này thật sự làm cho tôi mất nhuệ khí.” Tuy nhiên thì cuối cùng hai người cũng trở thành bạn của nhau và Snyder là cố vấn đi dắt thiền của Coyote.

Coyote nhận biết rằng, thói quen xài ma túy sẽ giết chết mình trước khi có thể sống với những tiềm năng vốn có. Coyote bỏ việc và bắt đầu trị liệu. Năm 1974 ở độ tuổi ba mươi ba. Coyote

chuyển đến trung tâm thiền San Francisco (San Francisco Zen Center), ở đây, cuộc đời của Coyote bắt đầu sang bước ngoặt. Ông nhận thấy tác dụng của bất cứ loại ma túy nào cũng biến mất. Ông bắt đầu công việc khó khăn là giữ cho sạch sẽ, ngày qua ngày theo đuổi nghĩa lý thông qua thiền thay vì ma túy.

Snyder vẫn là người hướng dẫn thiền quan trọng của Coyote. Căn bản tự nhiên của Snyder về Phật giáo đã cộng hưởng với Coyote, người đã có thời gian dài lớn lên từ trang trại ở New Jersey, trang trại là một phần tài sản kinh doanh trong sự điều hành của cha Coyote. Coyote nói với Snyder: "Tôi sẽ nói: Phật, pháp, tăng" và ông ta cũng đã nói: "Thiền nhiên hoang dã, những người thầy và bạn bè."

Sự kết hợp giữa thiền nhiên với cách tiếp cận thiền của Snyder đã truyền cảm hứng từ lâu cho Coyote và Coyote đặt ra câu hỏi về sự khác biệt giữa thật sự thực hành thiền và hình thức nông cạn bề mặt.

Coyote giải thích rằng: "Ở những quốc gia mà đạo Phật du nhập vào, nó đã kết hợp với tín ngưỡng bản địa ở đây. Phật giáo vốn phát triển từ văn hóa Hindu (*), ở đây chúng ta nhận biết nhiều thứ về quá khứ, nhiều kiếp trong quá khứ. Đạo Phật du nhập đến Trung Hoa thì kết hợp với đạo Lão và đạo Khổng và cuối cùng trở thành đạo Phật mạng màu sắc Trung Hoa (Chan)". Vì vậy ở mỗi nền văn hóa khác nhau, bạn có thể nói rằng biểu hiện của nó là gói quà bọc lấy món quà của đức Phật. Tôi quan tâm đến việc mở lòng gói quà để người Mỹ tìm món quà thật sự và sau đó thể hiện nó bằng ngữ cảnh của mình. Nếu nó được thể hiện một cách hoàn toàn như người Nhật thì nó sẽ trông rất xa lạ như của nước ngoài."

Coyote nói về vấn đề với mô hình trung tâm thiền hiện đại của người Mỹ rằng: "Mọi người đến đây, họ đã nói là một nơi tuyệt vời và họ không rời đi. Điều này cũng giống như sinh viên diễn xuất đến trường học diễn xuất và họ đã yêu thích, họ ở lại. Bạn không phải là một diễn viên cho đến khi bạn nhận được một công việc và bạn không phải là một thầy tu cho đến khi bạn quan tâm và chăm sóc con người."

Khi Snyder thắng giải Pulitzer Prize năm 1975 cho tuyển tập thơ Turtle Island. Ông Jerry Brown thống đốc bang California đã hỏi Snyder về tổ chức hội đồng nghệ thuật liên bang. Snyder lại hỏi Coyote giúp đỡ cho đề án chương trình, vào năm thứ hai thì Coyote được chọn làm chủ tịch và ông đã làm trong bốn năm. Ngân sách từ một triệu nhảy vọt lên mười tám triệu Mỹ kim trong thời gian dưới sự hướng dẫn của ông. Coyote cũng diễn xuất trong suốt thời gian ấy, việc ông chuyển từ một hipster phản văn hóa thành một người gây quỹ cho nghệ thuật đã khiến ông được quan tâm. Lần đầu tiên được xem xét là một ngôi sao điện ảnh chuyên nghiệp.

Bấy giờ Coyote đã có một cô con gái để hỗ trợ, tên cô bé là Ariel, tên người vợ là Marilyn. Ông đã cân nhắc giữa hai niềm đam mê của mình là viết lách và diễn xuất. Với khả năng tài chính của mình, ông quyết định cho diễn xuất một cú shot ngoài sự nghiệp, một phần cũng tại vì ông bảo vệ viết lách hơn là diễn xuất. Ông nói: "Tôi trở thành một diễn viên để hỗ trợ bản thân với tư cách là một nhà văn, tôi viết văn không phải vì

tiền, với tôi viết là một điều thiêng liêng". Thực tế ông đã là một nhà văn tài năng, đã được giải thưởng Pushcart 1993 - 1994 với tác phẩm đầu tay: *Sleeping Where I Fall*.

Năm ông ba mươi chín tuổi, ông quyết định dành ra năm năm để xây dựng sự nghiệp điện ảnh vững chắc. Ông nói: "Nếu nó không hoạt động thì tôi cũng không chết vì điều đó". Ông đã thực hiện bộ phim đầu tay của mình với một vai phụ, đó là bộ phim *Die Laughing* sản xuất năm 1980. Năm 1985 ông và Marilyn có thêm một cậu con trai. Ông cam kết ưu tiên cho việc hành thiền và gia đình hơn là cuộc sống của một ngôi sao điện ảnh, cũng trong năm này ông từ San Francisco đến Los Angeles để thử giọng và chụp ảnh. Ông nói tiếp: "Tôi không có người đại diện. Tôi đã không đến Los Angeles nhiều hơn là có thể. Tôi cũng không dám chắc tên tuổi của tôi sẽ được công chúng biết đến. Tôi có cái cảm giác đã dành nhiều thời gian trên sân khấu, bởi vậy tôi quyết định sẽ dành thời gian cho cuộc đời nhiều hơn cho thời gian trên sân khấu. Tôi phải chăm sóc cuộc sống ngoài sân khấu cẩn thận hơn. Cũng vì vậy mà tôi sẵn sàng từ chối những việc (vai) mà tôi không thích nếu tôi còn một tháng tiền trong nhà băng, còn nếu như tiền ít hơn một tháng thì tôi sẽ nhận lấy bất cứ thứ gì (vai gì, việc gì)."

Thật đặc biệt, thật khác thường, nó đã hoạt động. Coyote đã có hàng tá vai diễn cho phim điện ảnh và Tivi với các tên tuổi như: *E.T.*, *Jagged Edge*, *Outrageous Fortune*, *Bitter Moon*, *A Walk to Remember*, *Erin Brockovich*, *The 4400*, *Commander in Chief*, *Brothers & Sisters*. Ông ấy chỉ tình cờ đọc trước kịch bản phim, không giống như đọc kịch bản kể chuyện của ông ấy. Ông ấy không bao giờ trở thành một cái tên thông thuộc, mặc dù ông đã có một cú hích vào nó. Ông đã thử giọng cho vai chính trong *Raider of the Lost Ark* nhưng cuối cùng lại thuộc về Harrison Ford. Tuy nhiên ông đã kiếm sống một cách ổn định với vai trò diễn viên và người kể chuyện trong bốn mươi năm, một kỳ công hiếm thấy.

Kết quả một cuộc sống độc đáo đã chiếm nhiều phần chia sẻ với con người, nơi chốn và kinh nghiệm. Burns nói: "Tôi không biết bộ phim nào mà chúng tôi đã làm việc chung mà ông ấy không kết nối nổi một dự án nào khác. Tôi gọi ông ấy là Zelig, luôn luôn là vậy. Tôi biết rõ ông ấy như đã đi bộ trên đường mòn, hoặc như là biết con gái ông ấy."

Một ví dụ như từ dự án làm phim tài liệu về Hemingway đang diễn tiến, cha của Coyote đã từ chối một trận đấu quyền anh với một tác giả nổi tiếng và đầy nam tính tại phòng tập thể dục. Morris không hề tôn trọng kỹ năng đâm bốt của Hemingway và còn miệt thị Hemingway "Thằng ẻo lả". Morris từ chối đọc sách của Hemingway.

Cuối những năm 1990, Coyote nhận nhiều những vai tồi tệ như: Chính trị gia tham nhũng, CEO tham nhũng, chủ tịch tham nhũng, khoa học gia tham nhũng... Coyote nói: "Nó chán quá, các con tôi đã ra trường. Tôi không cần phải làm những việc này nữa". Ông ấy tiếp tục hành động khi ông ấy nghĩ rằng một vai diễn đáng nỗ lực nhưng ông đã bỏ xuống. Một loạt các hợp đồng về tường thuật đã bị ế ẩm.

Trong khi ấy thì Coyote thực hành thiền một cách rất ráo tinh tấn hơn. Năm 2009 ông chạm

ngưỡng sáu mươi tám tuổi, ông đạt giác ngộ tỉnh thức với Rohatsu Sesshin trong bảy ngày thực hành thiền Zazen một cách chuyên sâu mãnh liệt. Ông đã vật lộn theo nghĩa đen hơn cả bình thường với cái thực tế bệnh tật, già nua và cái chết. Ông đối diện với những cơn đau của đầu gối khiến nhiều lúc ông phải ngồi trên ghế. Ông suy ngẫm câu hỏi: "Tôi vẫn còn thiếu cái gì hay đang tìm kiếm một cái gì? Và nó là cái gì?" Vào ngày thứ sáu, trong một buổi chiều cuối ngày đi hành thiền, ở vòng thứ hai hay thứ ba gì đó tại thiền đường Zenzo. Ông vẫn tự hỏi bản thân câu hỏi đó, lặp đi lặp lại nhiều lần, bất chợt ông nghe con chim giẻ cùi khóc: "Eek eek eek eek..." và ông nghe ra là: "It it it it..." và ông đã hiểu ra, ngộ ra đây chính là câu trả lời.

Cái biên giới giữa "Ở đây" và "Ngoài kia" đã không còn nữa, sau đó Coyote viết trong quyển hồi ký *The Rainman's Third Cure*: "Thế giới vốn vẫn dễ nhận biết nó luôn là như thế và nó hoàn toàn không phụ thuộc tính chất ngôn ngữ hay khái niệm mô tả". Ông viết: "Mọi thứ hiện diện như là cái bóng ma của chính nó, tuy rục rờ nhưng không có trọng lượng và sắc chất. 'Tôi' đã được tái đặt lại, gần nhất tôi có thể mô tả cái mà tôi cảm nhận như là một phần của nhận thức mà không có một địa điểm vật lý, không thể tách rời khỏi toàn bộ vũ trụ. Điều đó nói rằng: Trong khoảnh khắc tiếp theo tôi đã hiểu rằng nó vốn không phải là tất cả những gì quan trọng."

Sau đó Coyote học với Lew Richmond, một người truyền thừa pháp tử Shunryu Suzuki Roshi, Roshi là người sin ra ở Nhật Bản và cũng là người sáng lập trung tâm thiền San Francisco. Năm 2013 Richmond yêu cầu Coyote học một khóa ba năm để trở thành một thầy dạy thiền. Cứ mỗi tháng họ lại gặp nhau vào những ngày cuối tuần. Coyote đồng ý với lớp học chuyên sâu nhưng ông ấy bảo rằng không quan tâm đến việc trở thành thiền sư. Tuy nhiên sau đó Coyote có ấn tượng sâu đậm bởi chất lượng của những người trong lớp học và ông đã hỏi thăm xem ông có thể được thọ pháp hay không?

Từ năm 2016, năm mà Coyote được truyền pháp, ông luôn chờ đợi một lời giảng dạy có ý nghĩa với ông, đây là cái cảm giác như một biểu hiện đích thực thiền ở Mỹ. Ông viết: "Khi tôi được truyền pháp, tôi tự hứa với bản thân là tôi sẽ không dạy chính thức trong vòng năm năm", bây giờ thì bước vào năm thứ năm.

Ở bắc San Francisco, gần nhà ông có quá nhiều đến dự thừa những thầy dạy thiền, với chu vi ba mươi dặm có các trung tâm thiền như: Stone Creek Zen Center, Santa Rosa Zen Center, Sonoma Zen Center, Xa thêm hai mươi dặm nữa thì có thêm Green Gulch Zen Center.

Coyote nói: "Ở Sebastopol nơi tôi đang sống, bạn có thể du trên một con mèo và sẽ đụng một thầy dạy thiền và khi có tin đồn tôi sẽ lên đó, điều này đã tạo ra nhiều lo lắng với cái ý "Bộ phim với diễn viên dạy thiền này xuất hiện sẽ lấy cắp học sinh thiền của chúng ta". Bởi vậy ngay khi tôi đến đây, tôi liền đưa ra một thông báo: "Thật hạnh phúc khi trở thành một giáo viên khách mời, tôi đã làm điều đó, đã tiếp nhận sinh viên của người khác, các bài giảng vào sáng chủ nhật và mọi ngày khác."

Coyote cũng điều hành một Rohatsu sesshin,

một cộng đồng thực hành thiền Hokyoji. Mặc dù ông ấy không biết chắc là có tiếp tục tư cách này hay không? Ông nói: "Tôi nghĩ rằng, có thể thực hành ngồi kiêu sesshin là một món quà tuyệt vời, có được một cộng đồng để tổ chức nấu ăn và làm cho người khác cùng ngồi xuống. Tôi nhập vào tăng đoàn của người khác với tư cách là một giáo viên khách mời, Nói pháp cũng là điều tôi thích nhưng tôi không ủng hộ cách thực hành thiền kiêu chính thức của Nhật Bản cho đến khi tôi có một ý tưởng rõ ràng hơn về cách hoạt động của nó, những ý tưởng riêng của tôi vốn chưa định hình. Tôi nhận ra tầm quan trọng của hình thức và tôi nghiêm khắc việc đó nhưng tôi vẫn đang tìm kiếm cách thể hiện nó như là một người Mỹ".

Để tìm ra những ý tưởng đó, Coyote tập trung vào cuốn sách đang tiến hành của mình, nó đã bị nằm nhà xuất bản từ chối, bởi vì nó không giống với những quyển khác trước đây của ông và nó khó để phân loại thuộc loại gì. Bây giờ ông đang sửa lại để làm sao cho những bài tập mà người ta có thể làm được ở nhà và song song đó là một phiên bản video dài ba mươi phút của một trong những lớp học của ông ấy. Có thể ông ấy tự xuất bản sách của mình để bán cho những người trực tiếp học ở lớp của ông.

Coyote tiếp tục hành động khi có dự án thích hợp đến, mùa thu năm ngoái ông đã quay cuốn *The Comey Rule*, một bộ phim chuyển thể từ quyển hồi ký *A Higher Loyalty* của cựu giám đốc FBI, James Comey và bộ phim đã phát hành trước cuộc bầu cử. Trong phim ông đóng vai Robert Muller, một giám đốc FBI tiền nhiệm và sau đó là một công tố viên đặc biệt, người đã điều tra sự can thiệp của người Nga vào cuộc bầu cử năm 2016. Ông yêu cầu sự diễn xuất của vai diễn rất quan trọng để đảm nhận. Vai của ông và dàn diễn viên đều rất xuất sắc như: Jeff Daniel trong vai Comey, Holly Hunter trong vai phó tổng chưởng lý Sally Yates và diễn viên người Ireland, Brendon Gleeson trong vai tổng thống Trump. Coyote nói thêm: "Tôi không thể từ chối điều này" và dĩ nhiên là ông vẫn yêu thích và tiếp tục dài lâu nhất mà ông có thể là giọng nói, kể chuyện trong những bộ phim tài liệu của Ken Burns. Đây chính là phép mầu nhiệm thật sự mà Peter Coyote đã đi qua, diễn xuất, giọng nói, thơ Beat và thiền tất cả hoạt động nhuần nhuyễn như một.

"Nếu tôi sống thật sự trong cái khoảnh khắc này, cảm xúc của tôi sẽ tự động điều chỉnh, ở đây tôi không có gì sai lệch. Mọi người vẫn nói với tôi là 'Tôi thật sự tin bạn' và bởi vì tôi luôn luôn ở bên rìa phía trước của việc học cái cảm xúc của mình." Ông nói điều này khi mô tả khoảnh khắc mắt ông bắt gặp những từ ngữ trên trang giấy ở trước micro. Một cách khác là tôi làm điều đó với ý thức về hơi thở. Tôi để bao tử của tôi thư giãn và bắt đầu bằng cách nạp đầy không khí. Allen Ginsburg thường nói về phép làm thơ, những bài thơ thả nổi trên hơi thở, mỗi câu, mỗi cụm từ đều đi ra khỏi hơi thở.

Đây là cái cách bạn làm lại đúng mà không cần phải đọc kịch bản. Đây là cái cách mà bạn có ngay được nó trong lần đầu tiên. Đây là cách bạn có được nó "It it it it..."

(*) Quan điểm của Coyote

ỨNG VÔ SỞ TRỤ NHI SANH KỲ TÂM

1. HÀNG PHỤC VỌNG TÂM

Tu Bồ Đề có lần hỏi Phật:
Làm thế nào hàng phục vọng tâm?
Kinh Kim Cang Phật dạy rằng:
Trước hết phải độ chúng sanh nơi mình.

Thọ giá và chúng sanh/nhơn/ngã,
Tất cả đều sanh khởi từ Tâm,
Hàng phục vọng tưởng trong lòng,
Chuyển VỌNG thành TỈNH vào trong Niết Bàn.

Muốn hàng phục được vọng tâm,
Cần phải thu nhiếp lục căn nơi mình,
Tâm không dính mắc lục trần.
Hàng phục vọng niệm, CHÂN TÂM nhẹ nhàng,
CHÂN TÂM lan tỏa không gian,
Tương ứng một cõi NIẾT BÀN TẠI TÂM.

2. AN TRỤ TÂM

Khi nội tâm an yên thanh tịnh
Không suy tư, phiền não, vọng trần
AN TRỤ ngay ở CHÂN TÂM
Vô minh/phiền não... tự vào hư không.

3. ẢO ẢNH, HỮU VI PHÁP

Pháp hữu vi chỉ là ảo ảnh,
Vũ trụ, càn khôn chuyển không ngừng,
Địa cầu biến đổi diệt /sanh...,
Vạn vật chuyển động theo từng sát na.

Pháp hữu vi... sanh sanh... diệt diệt.
Như mộng huyễn, giọt nước trên cành,
Như hạt sương sớm mong manh!
Như tia điện chớp nhanh vào hư vô!

4. ỨNG VÔ SỞ TRỤ LÀ GÌ?

Thế nào là Ứng Vô Sở Trụ?
Là Chân Tâm không trụ nơi đâu,
Chân Tâm phủ khắp toàn cầu,
Bao trùm vạn vật, không đâu trụ vào.

5. NHI SANH KỲ TÂM LÀ CHI?

Chân Tâm thì vô hình vô tướng,
Là Niết Bàn, Phật tánh, Chơn Như.
Niết Bàn ngay ở tâm mình,
Hòa trong vũ trụ, bao trùm mọi nơi.

TÂM luôn thấy an nhiên tự tại,
TÂM rộng rang thanh tịnh vô vi,
TÂM không TRỤ một điều gì,
Hạnh phúc hiện hữu DIỆU KỲ CHÂN TÂM...

Vạn vật biến đổi diệt sinh,
CHÂN TÂM BẤT DIỆT bao trùm muôn nơi.

thơ HOÀNG THỰC UYÊN
Arizona

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

(tiếp theo)

Bầu trời hãy còn lác đác vài ngôi sao ngái ngủ. Những nhánh cây bạch đàn từ hai bên đường chạy lui trên đầu chúng tôi. Xe bò không thể nào ôm ái được. Chúng tôi bị dẫn xóc dữ lắm. Rêm cả lưng. Càng dẫn xóc, thân hình nàng và tôi càng ép sát vào nhau hơn. Một lúc thì giữa chúng tôi chẳng còn chút ngại ngùng gì trong chuyện choàng tay ôm lấy nhau nữa. Hình như trong tư thế ôm nhau, chúng tôi cảm thấy bớt bị dẫn xóc. Mà cũng có thể, trong sức cuốn hút mê hoặc nào đó, chúng tôi hồi hả ôm lấy nhau, muốn nói với nhau chút gì đó bằng đôi vòng tay và hai cơ thể bồng bóng nóng để rồi sẽ chia tay nhau trong những giờ phút sắp tới. Một lúc sau, tôi thấy xe chạy êm, dễ chịu, không dẫn xóc như trước nữa. Nhưng trái tim tôi lúc ấy, giống con xúc xắc, bị xóc mạnh và xóc liên tục trong một cơ thể run rẩy. Tôi nhìn xuống thấy Mộng Huyền nhắm nghiền đôi mắt. Khuôn mặt thiên thần, ngây thơ. Nàng tuyệt đẹp. Đường như đến lúc này, tôi mới thực sự nhận ra điều đó. Khuôn mặt nàng hơi xương. Vàng trắn cao. Đôi mắt nhắm tạo thành hai vầng trắng lưỡi liềm cong. Rèm mi dài, đen, cũng cong lên một cách sung sức. Cánh mũi

thon, cao. Mũi trên, khoảng giữa, hơi đưa ra trước một chút. Mũi dưới đầy đặn, hơi trề xuống. Hồng tươi như hoa. Đôi môi đẹp và khêu gợi đến nỗi tôi tưởng chừng chúng được hiện hữu với một chức năng duy nhất là để được hôn mà thôi. Tôi vội nhắm mắt lại.

Xe lục cục lăn bánh một lúc lâu thì trời sáng lên mờ mờ. Bầu trời đầy mây. Tôi vừa vui nhẹ trong lòng mà cũng vừa tự thán: cái nghiệp hay duyên nợ nào mà cứ đẩy ta hết năm chung dưới đất, năm chung trên giường, rồi lại năm chung trên xe bò với một thiếu nữ duyên dáng như vậy!

Cũng khá lâu sau, xe dừng hẳn. Chúng tôi nghe tiếng bác trai nói nhỏ:

"Ày, đến rồi. Hai đứa chuẩn bị sẵn nghe. Khi nào bác mở cái bửng ở sau thì tung rơm ra, nhảy xuống, chạy liền vô sân chùa nghe. Sân chùa nằm ở hướng sau xe đó."

Nghe bác nói vậy, nàng bèn nhay biết trước là sẽ bắt đầu chia tay, không còn lý do để ôm nhau, gần nhau nữa, bèn mạnh dạn ngược lên, hôn lấy môi tôi. Tôi ngập ngừng một lúc, muốn hôn trả lại nàng một cái trên trán nhưng không dám. Nàng có vẻ chờ đợi. Thấy tôi không có dấu hiệu gì là sẽ hôn cả, nàng cười nhẹ. Rồi chúng tôi đỡ nhẹ bó rơm lên, ngồi dậy.

Tắm búng bật xuống, tôi nhảy xuống trước, phủi áo quần, cảm ơn ông già. Mộng Huyền xuống sau, cũng phủi sơ, cảm ơn vội vã. Chúng tôi tiến nhanh về hướng chùa. Chùng vài chục bước. Bờ rào thưa, chỉ cần bước qua, không cần leo. Ngang sân sau. Ngang nhà bếp. Phòng tầng. Chánh điện. Tượng Quan Âm lộ thiên. Tôi đứng lại chấp tay bái tượng Quan Âm. Nàng cũng làm theo. Rồi chúng tôi đi qua sân trước, đến cổng tam quan, đến sát con lộ. Đứng dưới cây muồng trâu cao rậm những cành lụ và những chùm hoa vàng sẫm. Đường vắng. Xa xa, vài người dọn hàng bên lề đường. Hình như có một cái chợ ở đó. Có một quán nước gần chợ. Nàng ngược nhìn tôi, mỉm cười. Rồi ngó bâng quơ ở đâu. Tôi chỉ mong xe đồ từ phía Vũng Tàu chạy đến. Một lúc, nàng bước đến gần tôi, hỏi nhỏ:

"Sau chuyến này, anh còn muốn đi nữa không?"

"Chưa biết nữa."

"Em hy vọng sẽ đi chung với anh trong chuyến khác."

"Nhưng đừng có xui xẻo như chuyến này."

Nàng ngó tôi một lúc, rồi nguyệt dài.

"Chắc gặp em xui lắm hả?"

"Không phải. Chuyện đi không thành thì xui, thế thôi."

"Nhưng em cũng thấy vui vui. Anh có thấy vậy không?"

"À... cũng vui."

Xe đồ tấp vào. Chúng tôi lên xe. Ngồi bên nhau. Xe chạy một đoạn, bàn tay nàng đan lấy bàn tay tôi, giỡn với mấy ngón tay của tôi. Cử chỉ thân mật. Có lẽ nàng muốn đóng cho tôi vai trò tình nhân hay vợ của tôi cho đến khi an toàn đặt chân xuống Sài-gòn.

Rời bến xe Hàng Xanh, chúng tôi tản bộ với nhau một đoạn, chưa biết quyết định phải chia tay thế nào. Lúc này nắng đã lên cao. Có lẽ khoảng tám giờ rưỡi sáng. Mấy anh xích lô, xe thô, chạy tới chạy lui hỏi chúng tôi muốn đi đâu. Tôi không buồn trả lời. Nàng cũng không ngược mặt lên. Chúng tôi cứ bên nhau, bước tới, bước tới, chẳng kể gì ngựa xe xuôi ngược chung quanh. Một chặp, nàng nắm tay tôi, ngược nhìn tôi với đôi mắt rưng rưng:

"Em chưa muốn chia tay. Mình đón xe lên Nguyễn Huệ uống cà phê nghe nhạc cho đỡ buồn. Anh đừng ngại, em còn tiền mang theo nè, nhiều lắm! Để em bao anh đi chơi hôm nay. Em biết có tiệm mở nhạc hay lắm. Đi nha, anh thích không?"

"Cũng được." Tôi biết trời sáng như vậy tôi trở về nhà bà Bằng không tiện. Lúc nào vào nhà cũng lựa giắc ban trưa vắng người hoặc lúc trời nhá nhem tối.

"Vậy đi xích lô há, chứ đi xe thô mỗi đứa một chiếc sợ mình lạc nhau quá..." nàng đề nghị.

"Ừ thì xích lô, có sao đâu. Xe bò còn đi được mà."

Nàng cười. Chúng tôi kêu xích lô. Nàng nói địa điểm rồi trả tiền trước để tôi khỏi giành. Chúng tôi lên xe. Lại ngồi sát bên nhau.

Phố Sài-gòn người xe tấp nập. Nhưng buồn quá. Lại thêm một chuyến đi không thành. Hình như đến giây phút rời bến xe, tôi mới nhớ lại cái thực tế đó: vượt biên thất bại lần nữa! Không có lúc nào nặng trĩu buồn tê như lúc vượt biên không được, trở về. Tất cả mọi dự định, mọi sắp xếp cho cuộc sống, sẽ được tính lại từ đầu. Tôi buồn ừ ừ. Nhưng nàng thì có vẻ vui. Mười ngón tay búp măng nhỏ xíu của nàng nhay múa trên cánh tay tôi trong một tiết điệu không lời nào đó mà chỉ có nàng, một tay chơi dương cầm mới nghe ra nổi.

"Nếu anh đến nhà, em sẽ đánh đàn cho anh nghe. Anh biết chơi dương cầm không?"

"Không, nhưng anh mê nghe tiếng dương cầm và vĩ cầm lắm."

"Em cũng biết vĩ cầm nữa, nhưng không nhuyễn bằng dương cầm. Anh hát được không, giọng anh ấm như vậy chắc hát hay lắm hả?"

"Cũng tạm tạm."

"Em sẽ đàn cho anh hát nha."

Tôi im.

Chúng tôi vào quán thì nhạc vừa trôi bản Imagine của Beatles. Giọng ca John Lennon. Bản ấy tôi đã nghe nhiều lần và rất thích từ những ngày trước khi xuất gia. Chỉ thích nhạc, chẳng hiểu lời. Nay bất chợt nghe lại bản nhạc cũ với tâm thức mới, tôi rung động dễ sợ nhưng cũng chỉ nghe tiếng được tiếng không, chẳng làm sao mà bắt trọn được lời. Nàng nói, không hiểu lời cũng đâu có sao, có nhiều bản nàng cũng không hiểu gì cả vẫn thích. Âm nhạc tự nó đã là lời rồi. Nói vậy, nhưng nàng cũng nhắc tôi nghe từng câu... *Imagine there is no heaven... No hell below us. Above us only sky... Imagine there's no country... and there's no religion too... Imagine all those people living for today...*

Mở nhạc ngoại quốc như vậy, chủ quán phải trả tiền hoặc cho mấy anh công an khu vực uống cà phê, hút thuốc thơm miễn phí bất cứ lúc nào. Nàng chọn một bàn gần khung cửa kính. Chúng tôi cùng ngồi một phía, mặt hướng ra đường. Nàng nói ngồi đây nhìn thiên hạ dập diu qua lại, thỉnh thoảng có mấy người ngoại quốc khối xã hội chủ nghĩa cũng cao lớn, cũng mũi lõ tóc vàng, đi ngang, sẽ có cảm tưởng mình đang ngồi trong một quán cà phê bên Tây.

"Em tưởng tượng nhiều chỉ thêm khổ," tôi nói.

"Em biết vậy, nhưng chẳng còn thứ vui nào khác trên đất nước này. Anh Ngôn của em có làm giấy bảo lãnh gia đình đó chứ. Nhưng nếu được đi liền mẹ em cũng chưa đi, vì bà muốn chờ ba về. Mà đâu phải có giấy xuất cảnh là đi được đâu. Chờ hoài, chờ hoài. Cho nên mẹ lo cho em đi. Nếu quen anh sớm chắc đời em vui hơn. Anh nói chuyện điều quá đó nha. Anh chọc em cười hoài. Nhưng sao mặt anh thấy lúc nào cũng

ng nghiêm trang, như có vấn đề gì phải suy nghĩ, đắn đo, cân nhắc. Anh có muốn chia sẻ với em không? Anh lạ quá, lúc thì nói nhiều, kể chuyện tùm lum, lúc thì im lặng như tượng đá..."

Cà phê tí tách nhỏ chậm. Nhạc ngoại quốc chọn lọc. Nàng cũng thích một số bản nhạc giống tôi. Uống xong cà phê, nàng lại kêu nước cam vắt để được ngồi thêm một lúc. Anh muốn về bây giờ chưa? Chưa, phải chờ trưa đứng bóng hoặc lúc sắp tối. Sao vậy? Bộ anh ở bất hợp pháp hay sao mà phải chờ? Ừ, đại loại như vậy, nói em nghe rồi mà. Hay anh đến nhà em chơi cái đã, khi nào anh muốn về thì về. Mà anh muốn ở lại cho đến ngày đi chuyến khác cũng được nữa, nhà em rộng lắm. Có phòng của anh Ngôn bỏ trống. Về nhà em đánh đàn anh nghe, há.

Chúng tôi cùng thả bộ với nhau một lúc trên hè phố Lê Lợi. Người qua kẻ lại nườm nượp. Chúng tôi im lặng không nói gì. Nội thất vọng tử chuyển vượt biển khiến chúng tôi có cảm giác như từ hành tinh khác bị rơi xuống hè phố này. Lạ lẫm, xa lạ. Thôi, về nhà anh. Đi bằng gì đây? Xích lô. Ừ. Lại xích lô. Lại ngồi sát bên nhau cho đỡ cô đơn. Đời sao buồn quá, anh nhỉ?

Mẹ nàng vừa ngạc nhiên, vừa thất vọng và cũng vừa mừng rỡ thấy nàng bước vào. Hai mẹ con ôm nhau. Nàng nói tíu tít một lúc. Ai đây? Dạ, anh ấy đi chung chuyến với con. Anh Khang. Không có ảnh chắc con chết quá mẹ ơi. A, mỗi người. Uống nước trà nhé. Hình như mẹ nàng nhìn tôi với một vẻ ngờ vực khó hiểu nào đó. Mẹ nàng xuống nhà dưới. Nàng đứng lại với tôi, xoay qua xoay lại, nói huyền thuyên. Về nhà, nàng có vẻ tung tăng, nhí nhảnh, tự nhiên hơn. Anh ngồi đây nói chuyện với mẹ em nha. Em đi tắm cái đã, được không? Chút nữa, anh muốn tắm thì cứ tự nhiên, trong nhà có đồ của anh Ngôn để lại. Anh ấy cũng đáng trung bình, không mập không ốm như anh. Chắc đồ của anh Ngôn anh mặc vừa. Ngồi đây chờ em, đừng bỏ đi nha, em giận lắm đó. Hứa đi. Hứa. Tôi ngồi lại một mình ở xa-lông. Vài bức tranh lập thể trên tường. Tôi nhà quê chẳng thưởng thức gì được. Chỉ thấy tranh và đồ vật chung quanh màu sắc hài hòa, sáng, nhạt.

Cây dương cầm ở góc trái phòng khách nổi bật lên một màu đen óng. Mẹ nàng trở ra với khay trà. Một người đàn bà đẹp, quý phái. Cũng gần năm mươi. Bà nói giọng Huế, nhỏ nhẹ. Có thể kể tôi nghe chuyện xảy ra làm sao không. Dạ thì như vậy, như vậy... Dĩ nhiên tôi không đủ can đảm để kể hết sự thực. Bà xuyết xoa. Phật trời ơi, may mà có cậu chứ không thì nó khổ lắm, nhất là, gặp chuyện gì ngồi một chỗ mà khóc thối. Đâu có, Mộng Huyền cũng lạnh lợi lắm chứ bác. Không đâu, nó khôn nhà đại chợ. Mẹ nói xấu con đó hả. Nàng bước lên với bộ đồ lụa màu hồng. Tóc còn ướt ươn. Nàng thật tươi mát như một đóa hồng hé nụ một sáng tinh mơ. Nàng vui vẻ nhắc lại vài chuyện của đêm qua, đôi mắt long lanh nheo riêng với tôi ở vài đoạn không tiện nói. Rồi mẹ nàng phải đi tìm gặp vài người liên quan đến nhóm tổ chức để hỏi lại về chuyện đi. Nàng đưa mẹ ra cửa rồi đóng lại, trở vào, đánh đàn tôi nghe. Nàng đánh đàn hay, điêu luyện, tôi biết. Nhưng tôi không còn lý do mà thương thức. Tôi muốn về. Trưa rồi, phải về. Anh về thực à? Anh không muốn ở chơi đến tối sao? Anh không muốn ở lại đây sao? Để em nói mẹ em cho anh ở lại. Ở đây cũng yên lắm. Không bao giờ công an xét nhà em đâu. Không, phải về. Còn nhiều việc phải lo. Thôi cũng được, nhưng anh phải biết rằng em lúc nào

cũng chờ đón anh đến chơi hết nha. Anh biết địa chỉ em rồi đó. Đường này, căn nhà có giàn hoa chuông ở trước. Đối diện là căn nhà có giàn bông hoa giấy màu cam. Anh khó ghê không chịu cho em địa chỉ của anh! Thôi hẹn gặp lại anh. Nàng nhón lên, hôn tôi một cái nơi má.

Vài ngày sau tôi trở lại. Cái gì khiến tôi trở lại thì tôi không biết. Tôi buồn, tôi đi vu vơ, rồi tôi ghé nàng. Cũng có thể tôi cố ý tìm đến nàng, dù chẳng biết để nói gì. Tôi lúc ấy như con xúc xắc còn bị xúc cái trong đĩa, hoặc đã được người xúc đĩa đặt xuống bàn nhưng vẫn còn quay lẩn theo cái trốn quá mạnh của con xúc. Biết làm sao bây giờ. Nó còn lẩn thì cứ lẩn.

Tôi bấm chuông. Nàng ra mở cửa, reo lên. Tôi vào trong, nàng ôm tôi. Nhớ anh quá. Nàng thật tự nhiên. Mẹ em đi vắng rồi, chốc nữa sẽ về. À, mẹ em nói là chuyến đi của mình hôm đó chưa có đổ bể hoàn toàn. Họ sẽ khởi hành trong vài ngày tới thôi. Anh có biết chuyện đó không? Anh có đi chuyến đó nữa không? Vậy hả. Anh cũng đi, ôi sướng ghê, có anh đi em vui biết bao. Em có nghĩ trước rồi: nếu anh không đi, em cũng không đi. Bậy, phần người nào thì người đó cứ lo đi. Chờ đợi chi nhau. Thực tình anh đó, lạnh lùng, lạt lẽo, mau quên quá. Bộ anh không nhớ gì chuyện hôm đó hết hả?

Có anh đi, em thấy yên tâm hơn. Mẹ em cũng nghĩ vậy nữa. À, mẹ nói là có ông thầy đi trong chuyến rồi, nghe nói ông cũng chạy thoát với một người nào đó. Vậy là em đoán trúng, thấy chưa. Chuyến sắp tới cũng có ông ấy đi nữa. Anh đi nha. Chuyến này chắc lắm mà. Kỳ rồi bị tụi du kích phá vì không được chia phần đó. Chuyến tới người ta mua luôn cả du kích lẫn công an. Ừ, thì đi. Tôi ngồi chơi với nàng một lúc. Nghe nàng đánh đàn. Nghe nàng nói chuyện. Nàng cười. Nàng khóc. Nàng nói yêu tôi. Nàng hôn tôi. Nhưng ruột tôi nóng quá. Công an đang tầm nã tôi. Mọi người khuyên tôi nên vượt biên gấp. Nhưng tôi đâu sợ bị bắt, vì vậy, tôi vừa muốn vượt biên, vừa muốn ở lại. Tâm tôi bất an. Như lên sốt. Tôi nghĩ là tôi không yêu được. Hay tôi có yêu mà lại chẳng muốn thừa nhận. Tôi đến nàng để thăm dò trái tim của tôi, hình như vậy. Tâm trí tôi bấn khoăn, bấn loạn suốt thời gian đó mà chẳng biết bày tỏ cùng ai. Nếu tôi nói ra e chừng người ta lại tưởng tôi khùng, hoặc vướng một thứ bệnh tâm thần nào đó. Tôi không muốn trốn lánh công an nhưng cũng muốn trốn lánh công an, tôi không muốn vượt biên nhưng cũng muốn vượt biên, tôi không muốn ở tù nhưng cũng muốn ở tù, tôi không muốn làm thầy tu lẳng mạn nhưng cũng muốn làm thầy tu lẳng mạn... Tôi thích chọn lựa mà





cũng không thích chọn lựa, cho nên mới để ra những thứ chọn lựa trái ngược nhau mà thực chất của chúng chẳng phải là chọn lựa gì cả. Tự do hay ở tù, yêu và tu, vượt biên và ở lại... và tất cả những cặp đôi đối nghịch khác, như niết bàn và sinh tử, hạnh phúc và khổ đau... tôi đều thích, đều có thể chấp nhận được. Và nếu vì sự kiện không biết chọn lựa cân nhắc gì cả ấy của tôi mà người ta cho rằng tôi mất tư cách, không lập trường, không căn bản... tôi nghĩ, tôi đều có thể chấp nhận được.

Ba hôm sau, chuyển đi khởi hành. Người ta sắp xếp tập trung tại nhiều địa điểm trên khu xóm khác với lần trước, vì tàu sẽ vào bãi mới chứ không phải bãi cũ. Tôi biết nếu tôi đi chuyến ấy, tôi sẽ gặp nàng. Nếu tôi gặp nàng ở một điểm tập trung, cùng ngồi với nàng trên ghe, cùng nàng đến trại tỵ nạn, cùng nàng đến Mỹ... chắc chắn tôi sẽ không khỏi yêu nàng. Nàng dễ thương như vậy, gần gũi tôi như vậy, làm sao tôi khỏi động tâm. Và chúng tôi sẽ không cần giả đò làm tình nhân hay vợ chồng nữa mà là làm thực! Tôi biết trước tôi sẽ thua cuộc. Thôi thì tôi ở lại, để nàng ra đi. Tạm biệt em, Mộng Huyền.

Nửa tháng sau, tôi không kèm được nổi háo hức muốn biết tin nàng. Tôi đến nhà nàng. Bấm chuông. Mẹ nàng ra mở cửa mời tôi vào. Không nói gì. Chỉ khóc. Chỉ khóc. Tàu bị bão, lật chìm. Chết hết. Chỉ còn một thanh niên được tàu buôn vớt. Mẹ nàng nói, tôi tưởng thanh niên đó là thầy... té ra không phải. Phải chi

có thầy đi chung với nó thì có thể chuyện không xảy ra thảm như vậy. Tôi thậm hỏi sao bà ấy biết tôi là thầy. Bà tự động giải thích: cái hôm thầy đến đây lần đầu, tôi đã biết rồi. Cái dáng như vậy, nói năng hiền lành chừng chạc như vậy, lại có vẻ ngập ngừng trong bộ âu phục như vậy, chỉ có Mộng Huyền thơ dại, vô tư như con nít mới không nhận ra. Lúc thầy về, tôi có nói nó nghe. Nói rằng thầy pháp danh là Tâm Quang. Nó đùa, nói rằng nó chỉ biết anh Khang thôi. Tôi bảo nó phải cung kính, không được đùa giỡn với thầy... Nó dạ, nhưng cứ cười cười, chẳng biết có chịu thực hành không. Hình như vài hôm sau thầy có trở lại, phải không? Nó giấu, nhưng tôi biết, vì thấy nó vui hơn những ngày trước. Rồi như vậy đó... nó cứ tưởng có thầy đi chung. Nó nói có thầy đi sẽ may mắn và vui nữa... Nó nói thầy nói chuyện vui lắm, chọc nó cười hoài, nhưng thầy thì lúc nào cũng buồn như có tâm sự gì đó. Hu hu. Nó thương thầy lắm. Tội nghiệp. Thầy đừng trách nó nghe. Nó còn non dại... không biết được cái chi là điều cấm kỵ... Tôi ghi tên tuổi của nó, thầy đem về làm lễ cầu siêu giùm nghe thầy. Ôi, chắc nó bơ vợ ngoài biển chẳng biết nương tựa ai. Nó chỉ tin có thầy mà thôi...

Tôi lặng người, như kẻ vô hồn, nhét mảnh giấy nhỏ ghi tên nàng vào túi áo, bước ra khỏi ngôi nhà có giàn hoa chuông vàng rực. Vì mẹ nàng và cả nàng đều tin rằng nếu có

tôi đi cùng, nàng sẽ không gặp nạn, nên tôi có cảm tưởng là tôi hại nàng, có lỗi với nàng. Tôi cũng có cảm tưởng như tôi đã bỏ nàng, làm mất niềm tin nơi nàng. Nhớ đêm chạy nạn, nàng ôm tôi, nói: đừng bỏ em. Bị lạnh, nàng cũng ôm chặt tôi, nói: đừng bỏ em nha anh. Đi tắm, để tôi ngồi lại phòng khách, nàng cũng nói: đừng bỏ em đi, nha anh. Tại sao nàng cứ bị ám ảnh là tôi bỏ nàng. Phải chăng những cuộc phân ly đau khổ nào đó của nhiều kiếp hay còn lưu lại và âm ỉ khuấy động trong tận cùng tiềm thức nàng, khiến nàng sợ hãi thốt lên lời ấy? Ôi, đời tôi sao cứ làm khổ người ta mãi vậy. Tại sao tôi cứ phải phụ người! Mộng Huyền ơi, hãy tha thứ cho anh. Anh đã có lỗi với em, vì anh đã không đi chuyển tàu ấy. Vĩnh biệt em... Nhưng thực ra, em nên hiểu rằng nếu anh có đi chung chuyến ấy, cũng không chắc là chúng ta có duyên gì với nhau. Trước sau rồi cũng chia tay thôi Mộng Huyền ạ. Anh đâu phải là kẻ biết yêu... bởi vì anh không bao giờ tin rằng thế gian này có thật cả.

Dù sao, anh cũng không thể quên được một đêm nằm bên nhau dưới ngàn sao lấp lánh, hay buổi sáng tinh mơ nhìn từng đám mây rượt đuổi theo chiếc xe bò đầy rơm.

Và làm sao quên được những bản nhạc hợp ý cùng nghe với nhau trong quán cà phê sang trọng hào nhoáng của một xứ sở nghèo đói tàn tạ nhưng lúc nào cũng ăm ắp những khẩu hiệu... Mộng Huyền ơi, mượn ý của John Lennon, hãy cùng anh tưởng tượng thử: nếu không có thiên đàng, địa ngục, quốc gia, tôn giáo, chủ nghĩa, ý thức hệ... nếu không có những tên gọi, những thông tục, những qui tắc, đạo đức, gia phong... không có những giấc mộng điên rồ, không có những niềm tự hào và tự ti, không có kẻ chiến thắng và người chiến bại, không có cai tù và tội phạm, không có tất cả những người máy và máy móc, không có tất cả những gì thuộc về khối óc của con người... chỉ có hai chúng ta hiện hữu trên đời với hai trái tim nguyên vẹn chưa hề biết dối gian dưới một bầu trời xanh biếc, thì sao nhỉ?

(hết chương 14, mời đón đọc chương 15)

Thọ trì ba giới

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Tương truyền, khi Phật còn tại thế, nơi thành Xá Vệ có một thanh niên, con một gia đình trưởng giả lương thiện, thường nghe Phật thuyết pháp, phát tâm quy y Tam Bảo và xin xuất gia học đạo.

Bấy giờ, trong hàng Tăng chúng có một vị Tôn Giả được giao cho trách nhiệm giảng về thế giới luật cho thanh niên học hỏi. Tôn Giả dạy rằng: "Này là pháp hữu, đây là loại giới thứ nhất, đây là giới thứ hai, giới thứ ba, thứ tư...thứ chín, thứ mười v.v...Đây là tiểu giới của người xuất gia, đây là trung giới, đây là đại giới, đây là Ba La Đề Mộc Xoa, đây là giới căn bản, đây là Tịnh giới về hành vi, đây là những thường giới để dùng hàng ngày...". Vị Tôn Giả còn giảng nhiều hơn nữa.

Nghe xong, vị tân Tỳ kheo nghĩ rằng: "Số mục, danh từ của giới quá nhiều, một lượt mà phải thọ giữ bao nhiêu giới luật như vậy, e rằng khó bảo toàn! Đã không giữ giới được hoàn toàn, thì sự xuất gia không lợi ích gì. Chi bằng trở về làm một trưởng giả (như cha mình trước kia) làm ít việc thiện như: Bồi thí, phóng sanh... rồi nuôi dưỡng vợ con là đủ rồi". Nghĩ vậy, vị tân Tỳ kheo mới thưa với Tôn Giả rằng: "Thưa Tôn Giả, tôi không thể giữ một lúc nhiều giới luật như vậy được! Không giữ được thì xuất gia có ích gì? Tôi sẽ hoàn tục để sinh sống, xin dâng y bát lại cho Ngài!".

Tôn Giả đáp: "Đành rằng ông có thể hoàn tục nếu thấy mình không kham lãnh, nhưng ông cũng phải đến đánh lễ Đức Phật một lần cuối đã". Nói đoạn, Tôn Giả dẫn vị tân Tỳ kheo đến lễ Đức Phật. Đức Phật vừa trông thấy hai người đã hỏi rằng:

- Các ông hôm nay đến đây có việc gì?

- Bạch Thế Tôn, vị Tỳ kheo này nói là không thể chấp trì giới luật, giao trả y bát, và hoàn

tục vì vậy chúng con hướng dẫn người đến đánh lễ lần cuối, từ biệt Đức Thế Tôn.

Hiểu được nguyên cớ, Đức Phật mới dạy rằng:

- Này Tôn Giả, sao Tôn Giả lại giảng cho vị tân Tỳ kheo này nghe nhiều giới luật như thế? Ông ấy chỉ nên tùy theo sức mình mà tuân giữ chớ! Về sau Tôn Giả không nên giảng giới nhiều như vậy nữa. Bấy giờ hãy để ông ấy ở lại đây với tôi...

Rồi Đức Phật bảo vị tân Tỳ kheo kia rằng:

- Ông hãy nghe đây, ông không còn phải giữ nhiều giới như vậy chỉ có 3 giới thôi. Chừng ấy ông có nhứt định giữ được không?

Vị Tỳ kheo muốn hoàn tục kia thưa rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, chỉ có 3 giới thôi, thì con có thể giữ được.

Đức Phật mỉm cười:

- Tốt lắm! Từ nay về sau ông chỉ giữ 3 giới là ngăn ngừa

3 nghiệp Thân, Khẩu, Ý không để chúng phạm vào các điều ác. Tôi nhắc lại là ông chỉ cần giữ 3 giới ấy mà thôi, chớ nên hoàn tục làm gì.

Nghe Đức Phật dạy như thế, vị Tỳ kheo kia hết sức vui mừng, hướng về Đức Phật đánh lễ và phát nguyện trọn đời giữ 3 giới mà Đức Phật vừa trao, rồi đánh lễ Đức Phật theo chúng trở về tịnh xá. Ông nghĩ rằng: "Các vị Tôn Giả không được như Đức Phật, giảng dạy giới luật cho mình mà dùng nhiều loại danh số quá, khiến cho mình trong một lúc không thể lãnh ngộ, nhưng khi đến Đức Phật Ngài tóm thâu các danh số phiền phức của giới, chỉ còn có 3 môn để trao dạy cho mình, thì mới vỡ lẽ thấu rõ. Đức Phật quả là một vị Pháp Vương trong thế gian không còn ai hơn nữa".

Từ đó trí tuệ ông tăng trưởng rất mau. Sau mấy hôm, ông chứng được quả vị A La Hán.



Khi rõ được sự kiện trên, các vị Tỳ kheo mới họp nhau bàn luận: Các pháp hữu, đối với vị Tỳ kheo sắp sửa hoàn tục kia, Đức Thế Tôn đã khéo léo phương tiện đem tất cả giới luật gồm thâu làm 3 môn học mà trao cho ông ta, làm cho ông ta sớm chứng được quả vị, Ngài thật là một người vĩ đại! Trong khi mọi người đang bàn luận về công đức của Đức Phật, thì ngay lúc ấy Đức Phật cũng vừa đi đến, Ngài hỏi:

- Các ông nhóm họp bàn luận việc gì?

Một vị Tôn Giả thay mặt đại chúng thưa rõ mọi việc điều vừa bàn luận, Đức Phật nghe xong liền dạy:

- Này các Tỳ kheo, một bao to thì nặng quá nhưng khi chia thành mấy bao nhỏ, vác lên vai mà đi thì sẽ nhẹ nhàng. Xưa có một Trưởng giả được một khối vàng rất lớn không thể nhắc lên, ông bèn phân làm mấy khối nhỏ, sau đó ông lần lượt đem về nhà, không có gì gọi là nhọc sức cả.

Tiếp theo Đức Phật thuật lại một mẩu đời như sau:

"Thuở xưa, trong thành Ba La Nại, có một nông phu một hôm ra đồng cày ruộng. Đó là một khoảnh ruộng được di tặng bởi một phú ông trong thôn. Phú ông trước khi qua đời có đem chôn giấu một khối vàng lớn trong đám ruộng ấy. Người nông phu đang cày ruộng, thì bỗng dưng lưỡi cày chạm phải khối vàng trượt lên. Ông tưởng là cái rễ của một đại thọ, bèn moi đất lấy lên, mới biết là một khối vàng vĩ đại! Ông vui mừng trong lòng, rồi lấp đất phủ lại như cũ, đánh trâu tiếp tục cày những nơi khác. Đến chiều, khi mặt trời vừa lặn, ông cho trâu nghỉ ngơi và đến moi lấy khối vàng. Nhưng khối vàng quá nặng, ông mới suy nghĩ: "Chỉ có cách chẻ khối vàng này ra làm bốn, một phần để sinh kế, một phần để dành làm vốn buôn bán về sau, và một phần đem ra bố thí làm các việc thiện". Nghĩ như vậy ông liền chẻ khối vàng ra làm bốn, rồi lần lượt đem về nhà ba phần một cách dễ dàng không mệt sức. Ông giữ lời nguyện đem

một phần ra làm việc phước thiện. Nhờ đó, đời đời kiếp kiếp được sanh vào các cảnh thiện...".

Rồi Đức Phật kết luận:

- Người nông phu được khối vàng lúc bấy giờ chính là tôi ngày nay đây!

Tâm Hiện

"Này các người, không có công đức gì lớn hơn cung kính và cúng dường Xá Lợi, nhưng công đức ấy hãy để lại cho các vị Quốc Vương Trưởng giả làm; nhiệm vụ cần thiết của người tu hành chúng ta là phải kết tập Pháp tạng và thanh tịnh tu hành, làm sao cho Phật pháp ở thế gian thường còn không tiêu diệt."



Đọc và cổ động ủng hộ
Nguyệt san CHÁNH PHÁP
 là góp phần hoằng dương Phật Pháp,
 bảo tồn văn hóa Dân Tộc

